



Dành cho tất cả người làm việc cần một môi trường sạch

CATALOG CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN
(ESD) VÀ MÔI TRƯỜNG PHÒNG SẠCH

2018

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN ■

TRANG PHỤC ■

KHĂN LAU ■

DỤNG CỤ VỆ SINH ■

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH ■

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG ■

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD) ■

 **AS ONE CORPORATION**

<https://www.as-1.co.jp/en/>



CATALOG CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD) VÀ MÔI TRƯỜNG PHÒNG SẠCH 2018

ASPURE là thương hiệu độc quyền của AS ONE, được phát triển với mục tiêu đơn giản là cung cấp các sản phẩm chất lượng cao có thể sử dụng để tạo ra nhiều môi trường sạch và đảm bảo khả năng bảo vệ chống tĩnh điện.

Chúng tôi cung cấp nhiều loại mặt hàng dùng trong công việc không thể thiếu trong môi trường sản xuất đòi hỏi mức độ sạch sẽ cao và bảo vệ chống tĩnh điện. Phạm vi sản phẩm của chúng tôi bao gồm bao tay, trang phục, khăn lau, thảm, vòng đeo tay, và các sản phẩm khác, tự hào với tính năng chống bụi vượt trội, bảo vệ chống tĩnh điện, và dễ dàng gia công.

Mục tiêu của chúng tôi là đáp ứng tất cả các nhu cầu tại chỗ của khách hàng bằng cách đưa ra những giải pháp có tính linh hoạt cao giúp tăng hiệu quả sản xuất tại nơi làm việc và giảm chi phí.

ASPURE mang đến sự hỗ trợ đầy đủ cho khách hàng của mình để giúp họ duy trì chất lượng sản phẩm, hiệu quả, an toàn, mức độ sạch sẽ và chống tĩnh điện ở mức cao nhất.

Danh sách ký hiệu



Đóng gói tinh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.



Đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.



Đóng gói PIC

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Không bột

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.



Mua số lượng nhiều để tiết kiệm
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm sẽ rẻ hơn nếu mua với số lượng lớn.



Điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng
Ký hiệu này biểu thị có thể tùy chỉnh sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng.

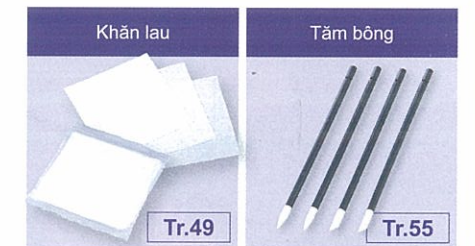
BAO TAY PHÒNG SẠCH · BAO TAY NGÓN



TRANG PHỤC



KHĂN LAU



DỤNG CỤ VỆ SINH



SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH



Danh mục sản phẩm

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG



CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)



BAO TAY PHÒNG SẠCH · BAO TAY NGÓN

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

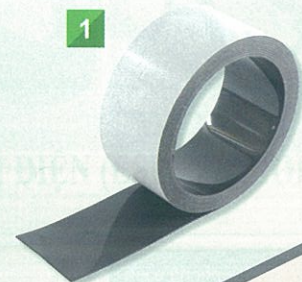
SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Khu vực làm việc chung

- 1 Băng keo nam châm dẫn hướng cho AGV ... Tr.69
- 2 Bao tay cảm nhận độ nhám Tr.15
- 3 Bao tay phủ PU Tr.11
- 4 Bay tay PU đen..... Tr.14
- 5 Băng dính dán nền Tr.70
- 6 Thảm cuộn chống mối chân ESD Tr.88
- 7 Găng tay làm mát..... Tr.47



Phòng thay đồ

- 8 Cây lau phòng sạch Tr.65
- 9 Thảm dính bụi Eco-clean Tr.60
- 10 Ủng bảo hộ phòng sạch (ngắn, dài) Tr.43
- 11 Móc treo inox Tr.72
- 12 Con lăn dính bụi Tr.61
- 13 Bộ lăn bụi Tr.72
- 14 Thùng chống tĩnh điện Tr.100
- 15 Thảm dính bụi tiết kiệm Tr.57
- 16 Máy tạo Plasmacluster Ion giảm tĩnh điện Tr.90



Khu vực chống tĩnh điện

- 17 Vòng đeo tay Tr.79
- 18 Thiết bị khử tĩnh điện Tr.91
- 19 Bộ kẹp giữ ống dẫn điện Tr.95
- 20 Bút hút chân không Tr.99
- 21 Tấm chống tĩnh điện Tr.87
- 22 Bao tay ngón dẫn điện Tr.85



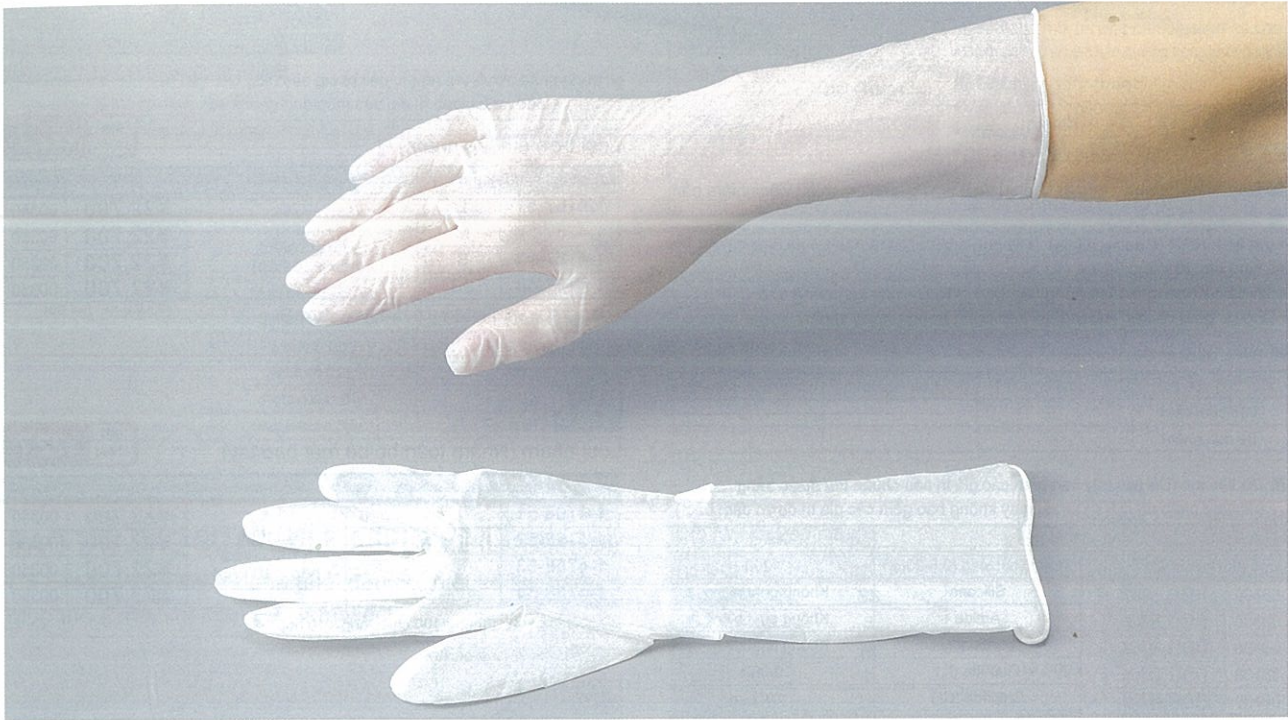
Khu vực phòng sạch

- 23 Thảm ESD chống mối chân Tr.88
- 24 Thiết bị giám sát xung quanh..... Tr.74
- 25 Màng bảo vệ thiết bị Tr.69
- 26 Khăn lau MF tiết kiệm Tr.49
- 27 Bao tay cao su nitrile Tr.3
- 28 Áo liền quần phòng sạch Tr.24
- 29 Tấm dính dùng trong buồng tắm khí..... Tr.60
- 30 Tấm bông dùng trong phòng sạch Tr.55
- 31 Sổ tay phòng sạch Tr.68



Đây là loại bao tay có hiệu quả kinh tế cao, được làm sạch theo tiêu chuẩn tuân thủ loại 100

BAO TAY CAO SU NITRILE ASPURE LOẠI CẦM NẮM TỐT (Loại nhám đầu ngón tay)



Đóng gói
tinh khiết
★★★★

100
Loại đáp
ứng

Không
bột

Mỗi
chiếc
¥18.5

Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5µm)	<1500
Ion kết tủa (µg/ml)	Silicone	Không phát hiện
	Amide	Không phát hiện
	Phthalates	Không phát hiện
	Fluoride (F ⁻)	<0,01
	Chloride (Cl ⁻)	<0,3
	Bromide (Br ⁻)	<0,05
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<0,3
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<0,015
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<0,05
	Lithium (Li ⁺)	<0,001
	Sodium (Na ⁺)	<0,100
	Ammonium (NH ₄ ⁺)	<0,1
	Potassium (K ⁺)	<0,1
	Magnesium (Mg ²⁺)	<0,01
	Calcium (Ca ²⁺)	<0,200

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1734-51	LL	1 thùng (100 chiếc/ hộp x 10 hộp)	¥18,500	00260
3-1734-52	L		¥18,500	00260
3-1734-53	M		¥18,500	00260
3-1734-54	S		¥18,500	00260
3-1734-55	SS		¥18,500	00260

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp x 10 hộp)

Đặc điểm

• Độ cầm nắm rất chặt. • Được làm sạch bằng nước tinh khiết để sử dụng trong phòng sạch.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile)
- Không bột • Giá trị điện trở bề mặt: $10^{11} \Omega/\square$
- Chiều dài: Khoảng 300mm(12 inch)
- Độ dày: Khoảng 0,10mm (lòng bàn tay) • Khử trùng kép bằng clo
- Cho cả phải và trái • Đóng gói kép dùng trong phòng sạch

Dữ liệu hạt

• Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC • Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 • Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (µm)	Loại cầm nắm tốt (nhám đầu ngón tay)
0,3 - dưới 0,5	5
0,5 - dưới 1,0	3
1,0 - dưới 2,0	1
2,0 - dưới 5,0	2
5,0 trở lên	0

※ Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Wakayama CIC

Hãy để chúng tôi giúp bạn tạo nên môi trường sạch sẽ

Cung cấp các thiết bị và vật tư tiêu hao phòng sạch được sử dụng để tạo ra môi trường sạch và các mục đích tương tự bằng công nghệ CIC (kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch) và SCC (kiểm soát ô nhiễm bề mặt).



Tiến trình
dịch vụ

Đặt hàng sản phẩm
Yêu cầu dịch vụ làm sạch

CIC (Kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch)
SCC (Kiểm soát ô nhiễm bề mặt)

Giao hàng
bằng bao bì sạch

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN

Bảng so sánh các loại bao tay

Cao

Mức độ sạch

Thấp

Thấp

Cao

Bao tay cao su nitrile ASPURE Tr.2 Loại cầm nắm tốt (Nhám đầu ngón tay) 3-1734-51~ ¥18.5	Bao tay cao su nitrile ASPURE II Tr.3 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 1-4768-51~ ¥22.7 Loại trơn(Không nhám) 1-4767-51~ ¥22.7	Bao tay cao su nitrile ASPURE (Loại cầm nắm tốt) Tr.3 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 1-4769-51~ ¥23.2 Nhám đầu ngón tay 1-4773-51~ ¥23.2	Bao tay cao su nitrile ASPURE Tr.4 Nhám đầu ngón tay 1-2324-51~ ¥46 ※ Thiết kế 3 chiều	Bao tay cao su nitrile dài ASPURE Tr.4 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 3-1721-01~ ¥89 ※ Loại dài
Bao tay cao su nitrile ASPURE SP Tr.4 Nhám đầu ngón tay 1-2252-51~ ¥17.4	Bao tay cao su nitrile ASPURE SP Tr.4 Loại cầm nắm tốt (Nhám đầu ngón tay) 1-2253-51~ ¥19.8	Bao tay cao su nitrile không bột ASPURE Tr.4 Nhám đầu ngón tay 1-2323-51~ ¥24.2 ※ Thiết kế 3 chiều		

Giá (mỗi chiếc)

Cao

Mức độ sạch

Thấp

Thấp

Cao

Bao tay cao su latex ASPURE II Tr.6 Loại trơn (Không nhám) 1-4774-51~ ¥21.8 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 1-4775-51~ ¥21.8	Bao tay cao su latex ASPURE II Tr.6 Loại cầm nắm tốt (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay) 1-4776-51~ ¥23	Bao tay cao su latex ASPURE Tr.6 Loại cầm nắm tốt (Nhám đầu ngón tay) 1-3911-51~ ¥29.8 ※ Loại dài
Bao tay cao su latex ASPURE Tr.5 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 3-1723-51~ ¥16.8	Bao tay cao su latex ASPURE Tr.5 Loại cầm nắm tốt (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay) 3-1724-51~ ¥17.7	Bao tay cao su latex dài ASPURE Tr.5 Nhám toàn bộ bề mặt bao tay 3-1722-01~ ¥86.3 ※ Loại dài

Giá (mỗi chiếc)



BAO TAY CAO SU NITRILE ASPUREII (Đóng gói tinh khiết)

Bao tay cao su nitrile có độ bền cao và khả năng khuếch tán tĩnh điện.



- **Đặc điểm** •Được làm từ cao su tổng hợp giúp giảm thiểu việc nhiễm bẩn.
- **Thông số kỹ thuật**
- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile) •Không bột •Giá trị điện trở bề mặt: $10^{11}\Omega/\square \leq$
 - Chiều dài: Khoảng 300mm (12 inch)
 - Độ dày: Khoảng 0,14mm (lòng bàn tay) •Khử trùng kép bằng clo
 - Cho cả phải và trái •Đóng gói kép dùng trong phòng sạch

■ Bảng so sánh độ cầm nắm

	Loại trơn	Loại nhám	Loại cầm nắm tốt
Lực cầm nắm	○	○	◎
Bề mặt nhám	×	○	○

- Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5-20 μ m)	<1200
	Silicone	Không phát hiện
	Amide	Không phát hiện
	Phthalates	Không phát hiện
	Fluoride (F ⁻)	<0,002
	Chloride (Cl ⁻)	<0,2
	Bromide (Br ⁻)	<0,005
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<0,25
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<0,01
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<0,05
	Lithium (Li ⁺)	<0,002
	Sodium (Na ⁺)	<0,03
	Ammonium (NH ₄ ⁺)	<0,01
	Potassium (K ⁺)	<0,01
	Magnesium (Mg ²⁺)	<0,01
	Calcium (Ca ²⁺)	<0,15
	Ion kết tủa (μ g/cm ²)	

■ Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μ m)	Loại cầm nắm tốt (nhám đầu ngón tay)
0,3 - dưới 0,5	12
0,5 - dưới 1,0	3
1,0 - dưới 2,0	1
2,0 - dưới 5,0	0
5,0 trở lên	0

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Loại trơn (không nhám)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4767-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥22,700	00350
1-4767-52	M		¥22,700	00350
1-4767-53	S		¥22,700	00350
1-4767-54	SS		¥22,700	00350

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại nhám (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4768-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥22,700	00350
1-4768-52	M		¥22,700	00350
1-4768-53	S		¥22,700	00350
1-4768-54	SS		¥22,700	00350

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại cầm nắm tốt (nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4769-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥23,200	00350
1-4769-52	M		¥23,200	00350
1-4769-53	S		¥23,200	00350
1-4769-54	SS		¥23,200	00350

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại cầm nắm tốt (nhám đầu ngón tay)

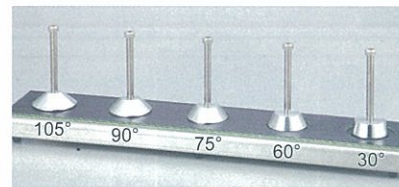
Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4773-51	LL	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥23,200	00350
1-4773-52	L		¥23,200	00350
1-4773-53	M		¥23,200	00350
1-4773-54	S		¥23,200	00350
1-4773-55	SS		¥23,200	00350

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

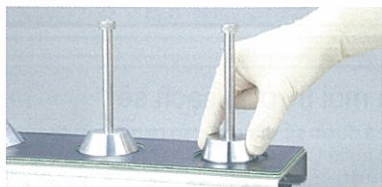
Góc thông tin sản phẩm

Phương pháp đánh giá độ cầm nắm cho bao tay cao su latex và bao tay cao su nitrile ASPURE

Chúng tôi đánh giá độ cầm nắm bằng đồ gá đo lường nghiêng một góc 30°, 60°, 75°, 90° và 105°.



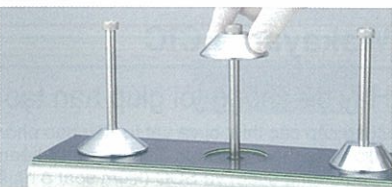
Bao tay giúp bạn giữ được đồ gá đo lường với các góc nghiêng nhiều hơn sẽ mang lại độ cầm nắm tốt hơn!



Đeo bao tay vào và giữ hai bên của đồ gá bằng ngón tay cái và ngón trỏ của bạn.

- Bao tay cao su nitrile ASPUREII (Loại cầm nắm tốt) (1-4773, 1-4769) cho phép bạn nhắc vật có góc nghiêng lên tới 90°.
- Bao tay cao su latex ASPUREII (Loại cầm nắm tốt) (1-4776, 1-3911) cho phép bạn nhắc vật có góc nghiêng lên tới 30°.

Nếu bạn cần bao tay có đặc tính bám tốt, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng loại cầm nắm tốt!



Giữ đồ gá và nâng đồ gá lên đầu thanh đỡ.

BAO TAY CAO SU NITRILE DÀI ASPURE

(Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)



- Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5-20 μ m)	<4000
	Fluoride (F ⁻)	<0,16
	Chloride (Cl ⁻)	<6,0
	Bromide (Br ⁻)	<0,25
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<5,0
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<4,0
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<4,0
Ion kết tủa (μ g/cm ²)	Lithium (Li ⁺)	<0,1
	Sodium (Na ⁺)	<0,2
	Potassium (K ⁺)	<0,2
	Magnesium (Mg ²⁺)	<0,012

BAO TAY CAO SU NITRILE ASPUREII (Loại theo đôi)

Cả bao tay bên trái và bên phải đều có thiết kế ba chiều, giúp thoải mái khi mang và làm việc!



■ Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μ m)	Bao tay cao su nitrile	Bao tay cao su nitrile không bột
0,3 - dưới 0,5	5	45
0,5 - dưới 1,0	4	83
1,0 - dưới 2,0	2	132
2,0 - dưới 5,0	1	48
5,0 trở lên	0	2

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

BAO TAY CAO SU NITRILE ASPURE SP

(Loại không dùng cho phòng sạch)

Bao tay không bột
hiệu quả kinh tế
cao



■ Dữ liệu hạt

Kích thước hạt (μ m)	Nhám	Cầm nắm tốt
0,3 - dưới 0,5	205	51
0,5 - dưới 1,0	113	35
1,0 - dưới 2,0	59	19
2,0 - dưới 5,0	15	4
5,0 trở lên	25	5

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

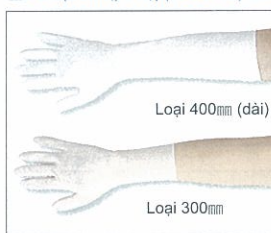
■ Bảng so sánh độ cầm nắm

	Loại nhám	Loại cầm nắm tốt
Lực cầm nắm	○	◎
Bề mặt nhám	○	○

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1721-01	LL	1 hộp (100 chiếc)	¥8,900	00460
3-1721-02	L		¥8,900	00460
3-1721-03	M		¥8,900	00460
3-1721-04	S		¥8,900	00460

□MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) □Số lượng trong thùng :10 hộp



Kích thước hạt (μ m)	Nhám toàn bộ bề mặt
0,3 - dưới 0,5	7
0,5 - dưới 1,0	27
1,0 - dưới 2,0	13
2,0 - dưới 5,0	0
5,0 trở lên	0

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

■ Đặc điểm

- Dành cho môi trường cần độ sạch sẽ cao.
- Dành cho công việc bảo dưỡng trong phòng sạch.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile)
- Không bột
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{11}\Omega/\square \leq$
- Chiều dài: Khoảng 400mm (16 inch)
- Độ dày: Khoảng 0,12mm (lòng bàn tay)
- Khử trùng kép bằng clo
- Cho cả phải và trái
- Đóng gói kép dùng trong phòng sạch

■ Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Bao tay cao su nitrile

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2324-51	SS	1 thùng (50 đôi/ hộp × 10 hộp)	¥46,000	00460
1-2324-52	S		¥46,000	00460
1-2324-53	M		¥46,000	00460
1-2324-54	L		¥46,000	00460
1-2324-55	LL		¥46,000	00460

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(50 đôi/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Xử lý rửa bằng nước siêu tinh khiết (16M Ω trở lên), và đóng gói không bụi trong môi trường có độ sạch sẽ cao (loại 100).

Bao tay cao su nitrile không bột (Loại không dùng cho phòng sạch)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2323-51	SS	1 thùng (100 đôi/ hộp × 5 hộp)	¥24,200	00465
1-2323-52	S		¥24,200	00465
1-2323-53	M		¥24,200	00465
1-2323-54	L		¥24,200	00465
1-2323-55	LL		¥24,200	00465

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 đôi/hộp × 5 hộp)

■ Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile)
- Không bột •Điện trở bề mặt: $10^{11}\Omega/\square \leq$ •Chiều dài: Khoảng 300mm
- Độ dày: Khoảng 0,1mm •Nhám đầu ngón tay cực nhỏ •Loại riêng cho bàn tay

Loại cầm nắm tốt (nhám đầu ngón tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2253-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥19,800	00460
1-2253-52	M		¥19,800	00460
1-2253-53	S		¥19,800	00460

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

Loại nhám (Nhám đầu ngón tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2252-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥17,400	00460
1-2252-52	M		¥17,400	00460
1-2252-53	S		¥17,400	00460

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm (chung)

- Bao tay cao su nitrile có bảo vệ chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile)
- Không bột •Giá trị điện trở bề mặt: $1 \times 10^{10}\Omega/\square \leq$
- Chiều dài: Khoảng 300mm (12 inch) •Độ dày: Khoảng 0,13mm (lòng bàn tay)
- Đóng gói kép •Cho cả phải và trái •Kiểm tra lỗ kim: AQL1.5



Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/ chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHÀN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SÀN PHẨM PHÒNG SẠCH

SÀN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY CAO SU LATEX DÀI ASPURE

(Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Bao tay dài 400 mm!



Mỗi chiếc ¥86.3



■ Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5-20µm)	<5000
	Fluoride (F ⁻)	<0,56
Ion kết tủa (µg/cm ²)	Chloride (Cl ⁻)	<10,0
	Bromide (Br ⁻)	<0,7
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<11,0
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<7,00
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<8,5
	Sodium (Na ⁺)	<0,02
	Potassium (K ⁺)	<0,19

BAO TAY CAO SU LATEX ASPURE

(Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)



Mỗi chiếc ¥16.8



■ Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5-20µm)	<1600
	Fluoride (F ⁻)	<0,11
Ion kết tủa (µg/cm ²)	Chloride (Cl ⁻)	<2,25
	Bromide (Br ⁻)	<0,13
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<2,20
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<1,40
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<1,60
	Sodium (Na ⁺)	<0,01
	Potassium (K ⁺)	<0,07

■ Dữ liệu hạt

Kích thước hạt (µm)	Nhám toàn bộ bề mặt
0,3 - dưới 0,5	24
0,5 - dưới 1,0	21
1,0 - dưới 2,0	10
2,0 - dưới 5,0	7
5,0 trở lên	0

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).



Không bột

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

BAO TAY CAO SU LATEX ASPUREII (Đóng gói tinh khiết)

Bao tay hoàn toàn vừa vặn với các đầu ngón tay của bạn và rất thoải mái khi làm việc.



■ Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (µm)	Loại cảm nắm tốt (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)
0,3 - dưới 0,5	76
0,5 - dưới 1,0	50
1,0 - dưới 2,0	26
2,0 - dưới 5,0	4
5,0 trở lên	10

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

■ Bảng so sánh độ cảm nắm

	Loại trơn	Loại nhám	Loại cảm nắm tốt
Lực cảm nắm	○	○	◎
Bề mặt nhám	×	○	○

■ Dữ liệu ion (Dữ liệu này bao gồm các giá trị tiêu chuẩn thu được bằng phương pháp đo IEST. Dữ liệu này không bao gồm các giá trị được đảm bảo.)

Tính chất vật lý		Giá trị
Hạt kết tủa	Trong chất lỏng (0,5-20µm)	<1200
	Silicone	Không phát hiện
	Amide	Không phát hiện
	Phatalates	Không phát hiện
	Fluoride (F ⁻)	<0,03
Ion kết tủa (µg/cm ²)	Chloride (Cl ⁻)	<2,0
	Bromide (Br ⁻)	<0,03
	Nitrate (NO ₃ ⁻)	<0,8
	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	<0,03
	Sulphate (SO ₄ ²⁻)	<0,8
	Lithium (Li ⁺)	<0,01
	Sodium (Na ⁺)	<0,10
	Ammonium (NH ₄ ⁺)	<0,01
	Potassium (K ⁺)	<0,03
	Magnesium (Mg ²⁺)	<0,01
	Calcium (Ca ²⁺)	<1,0

BAO TAY CAO SU LATEX ASPURE SP

Bao tay không bột hiệu quả kinh tế cao



■ Dữ liệu hạt

Kích thước hạt (µm)	Loại cảm nắm tốt (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)
0,3 - dưới 0,5	57
0,5 - dưới 1,0	26
1,0 - dưới 2,0	32
2,0 - dưới 5,0	6
5,0 trở lên	17

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)



Ký hiệu đóng gói PIC

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.

Loại trơn (không nhám)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4774-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥21,800	00650
1-4774-52	M		¥21,800	00650
1-4774-53	S		¥21,800	00650
1-4774-54	SS		¥21,800	00650

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại nhám (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4775-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥21,800	00650
1-4775-52	M		¥21,800	00650
1-4775-53	S		¥21,800	00650
1-4775-54	SS		¥21,800	00650

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại cảm nắm tốt (nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4776-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥23,000	00650
1-4776-52	M		¥23,000	00650
1-4776-53	S		¥23,000	00650
1-4776-54	SS		¥23,000	00650

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Loại dây, cảm nắm tốt (nhám đầu ngón tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3911-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥29,800	00650
1-3911-52	M		¥29,800	00650
1-3911-53	S		¥29,800	00650
1-3911-54	SS		¥29,800	00650
1-3911-01	L	1 hộp (100 chiếc/hộp)	¥ 3,450	00650
1-3911-02	M		¥ 3,450	00650
1-3911-03	S		¥ 3,450	00650
1-3911-04	SS		¥ 3,450	00650

□MOQ(Đơn vị):-01-04/1 hộp(100 chiếc/hộp), -51-54/1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên ●Không bột
- Chiều dài: Khoảng 300mm (12 inch) ●Độ dày: Loại dây/khoảng 0,17mm (lòng bàn tay), loại khác/khoảng 0,14mm (lòng bàn tay)
- Khử trùng kép bằng clo ●Cho cả phải và trái
- Đóng gói kép dùng trong phòng sạch
- Tuân thủ các tiêu chuẩn ISO9001/2000, FDA510K, và CE

Loại nhám (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2254-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥16,100	00660
1-2254-52	M		¥16,100	00660
1-2254-53	S		¥16,100	00660

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

Loại cảm nắm tốt (nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2255-51	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥16,700	00660
1-2255-52	M		¥16,700	00660
1-2255-53	S		¥16,700	00660

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Làm bằng vật liệu cao su latex đảm bảo vừa vặn tuyệt đối.
- Toàn bộ bề mặt nhám giúp cho bao tay này rất thoải mái khi làm việc.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên ●Không bột
- Chiều dài: Khoảng 300mm (12 inch)
- Độ dày: khoảng 0,14mm (lòng bàn tay)
- Cho cả phải và trái



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/ chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHÀN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SÀN PHẨM PHÒNG SẠCH

SÀN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY NHỰA POLYETHYLENE CÓ ĐỘ TINH KHIẾT CAO ASPURE



Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μm)	Loại dài
0,3 - dưới 0,5	6
0,5 - dưới 1,0	2
1,0 - dưới 2,0	1
2,0 - dưới 5,0	2
5,0 trở lên	0

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Loại ngắn

Mã số đặt hàng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7377-01	1 thùng (50 chiếc/hộp × 20 hộp)	¥130,000	00760

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(50 chiếc/hộp × 20 hộp)

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài: khoảng 290mm

Loại dài

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-3301-01	S	460	1 thùng (50 chiếc/ hộp × 20 hộp)	¥150,000	00750
3-3301-02	M	465	1 thùng (50 chiếc/ hộp × 20 hộp)	¥150,000	00750

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(50 chiếc/hộp × 20 hộp)

Đặc điểm

- Được làm từ PE (polyethylene) nguyên chất có độ tinh khiết cao.
- Thích hợp để xử lý vật liệu silicone và những công việc tương tự không được lẫn tạp chất.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PE (polyethylene)
- Độ dày: khoảng 80μm

Mỗi chiếc ¥130

Mỗi chiếc ¥150

BAO TAY PVC ASPURE



Mỗi chiếc ¥14.6

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4302-61	L	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥14,600	00750
1-4302-62	M	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥14,600	00750
1-4302-63	S	1 thùng (100 chiếc/ hộp × 10 hộp)	¥14,600	00750

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp × 10 hộp)

Đặc điểm

- Đặc tính vừa vận tuyệt đối và cảm giác mềm mượt.
- Đóng gói mỗi hộp 100 chiếc trong môi trường loại 1000.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PVC (polyvinyl chloride)
- Chiều dài: khoảng 280mm
- Độ dày: khoảng 0,11mm
- Dùng được cho cả hai tay

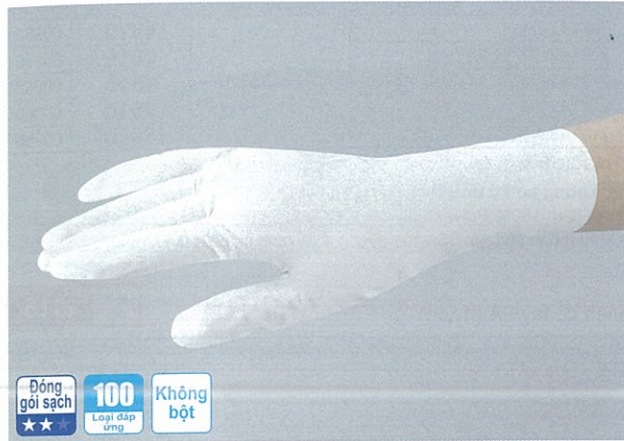
Dữ liệu hạt

Kích thước hạt (μm)	Giá trị đo được
0,3 - dưới 0,5	4
0,5 - dưới 1,0	3
1,0 - dưới 2,0	0
2,0 - dưới 5,0	0
5,0 trở lên	0

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

BAO TAY KHÔNG ĐƯỜNG NỔI ASPURE



Mỗi đôi ¥335

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2124-04	SESL	LL	1 hộp (10 đôi)	¥3,350	00850
2-2124-01		L		¥3,350	00850
2-2124-02		M		¥3,350	00850
2-2124-03		S		¥3,350	00850
2-2124-05		SS		¥3,350	00850

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

Đặc điểm

- Cấu trúc không đường nổi (được hàn) không có các hạt tạo ra từ sợi vải.
- Khả năng chống mòn vượt trội và có thể sử dụng được nhiều lần.
- Lớp lót bằng Polyester có tính thấm hút cao và vừa vặn.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Mặt ngoài/PU (polyurethane) có tính thấm hút, Mặt trong/Polyester
- Chiều dài: SS/khoảng 240mm, S/khoảng 250mm, M/khoảng 260mm, L/khoảng 280mm, LL/khoảng 300mm
- Độ dày: khoảng 0,3mm
- Dùng được cho cả hai tay
- Tiêu chuẩn phòng sạch: Loại 100

Dữ liệu hạt

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μm)	SESL
0,3 - dưới 0,5	26
0,5 - dưới 1,0	11
1,0 - dưới 2,0	5
2,0 - dưới 5,0	8
5,0 trở lên	1

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

BAO TAY CHỐNG HÓA CHẤT (Nhám toàn bộ bề mặt bao tay)

Bao tay có khả năng chịu hóa chất vượt trội.



Dữ liệu hạt

Kích thước hạt (μm)	Trilights 994
0,3 - dưới 0,5	2135
0,5 - dưới 1,0	2670
1,0 - dưới 2,0	1968
2,0 - dưới 5,0	541
5,0 trở lên	43

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Mỗi chiếc ¥68

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2257-01	L	1 hộp (100 chiếc/hộp)	¥6,800	00860
1-2257-02	M		¥6,800	00860
1-2257-03	S		¥6,800	00860

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc/hộp) □ Số lượng trong thùng: 10 hộp

Đặc điểm

- Khả năng chống hóa chất vượt trội và ngăn hóa chất dính vào tay.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vật liệu hỗn hợp của NBR (cao su nitrile), cao su tự nhiên và cao su tổng hợp
- Cho cả phải và trái
- Tổng chiều dài: khoảng 255mm(9 inch)
- Độ dày: Khoảng 0,15mm (lòng bàn tay)
- Không bột

Bảng dữ liệu chống hóa chất

Hóa chất	Thay đổi trọng lượng do suy giảm tính chất (%)	Thay đổi trọng lượng do suy giảm tính chất (%)	Thay đổi trọng lượng do suy giảm tính chất (%)
Hóa chất	1 lần	5 lần	10 lần
Acetone	4	4	4
Ammonium hydroxide 30%	<1	1	1
Ethanol	<1	1	1
Hydrochloric acid 37%	<1	1	1
Hydrofluoric acid 48%	<1	0	1
Isopropyl alcohol	<1	1	1
Sulfuric acid 50%	<1	1	1

※Phương pháp thử: Phù hợp với ASTM D471

※Dữ liệu chống hóa chất bao gồm các giá trị đo thu được trong đánh giá suy giảm tính chất của vật liệu. Những giá trị này không đảm bảo tính an toàn trong công việc thực tế.

TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

Các tính năng chính

- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chứng loại sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>





Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHẨN LẠU

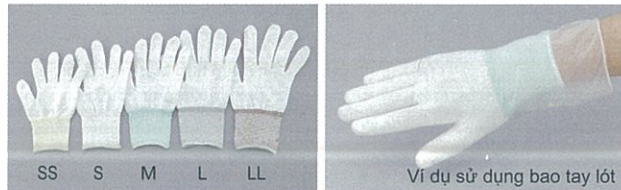
DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY LÓT ASPURE (Loại có viền cổ tay)



■ Đặc điểm (chung)

- Viền trên cổ tay ép chặt để ngăn phần mép bị sờn.
- Polyester là vật liệu rất thoáng khí.
- Loại bao tay này co giãn được và rất vừa vặn.
- Có thể được sử dụng làm bao tay lót và phù hợp với công đoạn cần độ chính xác cao hoặc công việc tương tự không được để lại dấu tay.

Viền cổ tay/Polyester

Mỗi đôi

¥81

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2142-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥810	00960
2-2142-02	L		¥810	00960
2-2142-03	M		¥810	00960
2-2142-04	S		¥810	00960
2-2142-05	SS		¥810	00960

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

Viền cổ tay/PA (nylon)

Mỗi đôi

¥115

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2143-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,150	00960
2-2143-02	L		¥1,150	00960
2-2143-03	M		¥1,150	00960
2-2143-04	S		¥1,150	00960
2-2143-05	SS		¥1,150	00960

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Nylon
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

BAO TAY LÓT LÀM MÁT ASPURE

Mỗi đôi

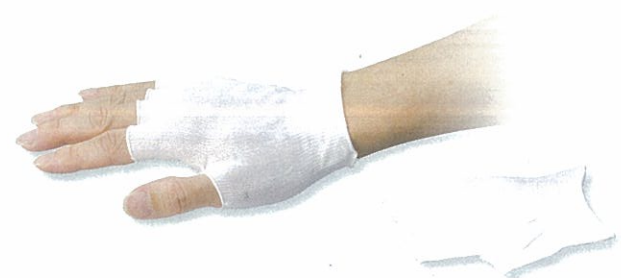
¥98



BAO TAY LÓT ASPURE (Loại cắt ngón)

Mỗi đôi

¥140



BAO TAY LÓT ASPURE

Vật liệu thoải mái làm giảm hiện tượng hầm hơi và giúp thấm hút mồ hôi



Nửa ngón

Nguyên ngón



Đóng gói tinh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.

Đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4293-01	Nguyên ngón	Nửa ngón	1 hộp (10 đôi)	¥1,780	00950
1-4294-05		Vừa mọi kích cỡ		¥1,600	00950
1-4294-01		SS		¥1,600	00950
1-4294-02		S		¥1,600	00950
1-4294-03		M		¥1,600	00950
1-4294-04		L		¥1,600	00950
1-4294-04		LL		¥1,600	00950

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

- Đặc điểm •Thiết kế dùng để làm bao tay lót cho bao tay cao su latex, nitrile hoặc PVC.
- Bao tay có tính đàn hồi với độ bền kéo giãn cao.

■ Thông số kỹ thuật

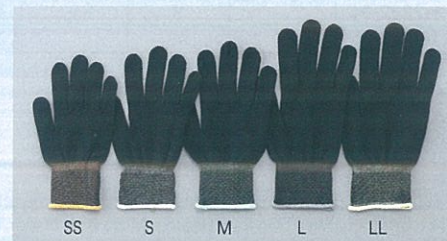
- Vật liệu: 100% PA (nylon) (sợi dài)
- Dùng được cho cả hai tay
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng



Ví dụ sử dụng loại nửa ngón

BAO TAY LÓT ĐEN ASPURE

Bao tay màu đen để hạn chế các vết bẩn tại nơi làm việc!



Viền cổ tay/Polyester

Mỗi đôi

¥88

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7380-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥880	01060
3-7380-02	L		¥880	01060
3-7380-03	M		¥880	01060
3-7380-04	S		¥880	01060
3-7380-05	SS		¥880	01060

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

Viền cổ tay/PA (nylon)

Mỗi đôi

¥135

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7387-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,350	01060
3-7387-02	L		¥1,350	01060
3-7387-03	M		¥1,350	01060
3-7387-04	S		¥1,350	01060
3-7387-05	SS		¥1,350	01060

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Viền trên cổ tay ép chặt để ngăn phần mép bị sờn.
- Polyester là vật liệu rất thoáng khí.
- Co giãn và vừa vặn tuyệt đối.
- Có thể sử dụng làm bao tay lót và phù hợp với công đoạn cần độ chính xác cao hoặc công việc tương tự không được để lại dấu tay.
- Khó nhận thấy vết bẩn trên loại bao tay này. Được các nhà sản xuất ô tô và các lĩnh vực công nghiệp khác ưa chuộng.

■ Thông số kỹ thuật

- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY LÓT DÀI ASPURE

(Loại có viền cổ tay)

Mỗi đôi

¥180



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7371-01	L	1 hộp (10 đôi)	¥1,800	01060
3-7371-02	M		¥1,800	01060
3-7371-03	S		¥1,800	01060

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Viền trên cổ tay ép chặt để ngăn phần mép bị sờn.
- Cổ bao dài ngăn ống tay áo không bị cuốn lên trong khi làm việc.
- Có thể sử dụng làm bao tay lót và phù hợp với công đoạn cần độ chính xác cao hoặc công việc tương tự không được để lại dấu tay.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon)
- Dùng được cho cả hai tay
- Tổng chiều dài: khoảng 300mm
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám

BAO TAY SILVIX ASPUREII

Vật liệu có ion bạc giúp giảm mùi hôi và bảo vệ da tránh bị thô ráp.



Mỗi đôi

¥180

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3910-11	S	1 hộp (10 đôi)	¥1,800	01060
1-3910-12	M		¥1,800	01060
1-3910-13	L		¥1,800	01060

☐ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Có thể dùng làm bao tay lót.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Nylon, hợp chất có ion bạc
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/nâu

Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHẨN LẠU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/út cả bao bì)

Đây là sản phẩm vô trùng.



BAO TAY PHỦ PU ASPURE (Loại có viền cổ tay)



Mua số lượng nhiều để tiết kiệm		Đầu ngón tay có phủ		Lòng bàn tay có phủ	
		Giá mỗi đôi		Giá mỗi đôi	
Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2263-11	Đầu ngón tay có phủ	LL	hộp (10 đôi)	¥ 1,400	01160
1-2263-12		L		¥ 1,400	01160
1-2263-13		M		¥ 1,400	01160
1-2263-14		S		¥ 1,400	01160
1-2263-15		SS		¥ 1,400	01160
1-2263-61	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥37,800	01160
1-2263-62		L		¥37,800	01160
1-2263-63		M		¥37,800	01160
1-2263-64		S		¥37,800	01160
1-2263-65		SS		¥37,800	01160
1-2262-11	Lòng bàn tay có phủ	LL	hộp (10 đôi)	¥ 1,650	01160
1-2262-12		L		¥ 1,650	01160
1-2262-13		M		¥ 1,650	01160
1-2262-14		S		¥ 1,650	01160
1-2262-15		SS		¥ 1,650	01160
1-2262-61	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥44,550	01160
1-2262-62		L		¥44,550	01160
1-2262-63		M		¥44,550	01160
1-2262-64		S		¥44,550	01160
1-2262-65		SS		¥44,550	01160

□ MOQ(Đơn vị): -11~15/hộp(10 đôi), -61~65/1 thùng(10 đôi/hộp x 30 hộp)

■ Đặc điểm

- Co giãn và vừa vặn tuyệt đối.
- Vật liệu có chứa sợi PA (nylon) dài làm giảm bụi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% nylon, Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu



Viền trên cổ tay ép chặt để phần mép không bị sờn.

BAO TAY PHỦ PU ASPURE



Loại phủ đầu ngón		Loại phủ đầu ngón		Loại phủ đầu ngón	
		mỗi đôi		mỗi đôi	
Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4803-11	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥2,070	01160
1-4803-12		L		¥2,070	01160
1-4803-13		M		¥2,070	01160
1-4803-14		S		¥2,070	01160
1-4803-15		SS		¥2,070	01160
1-4804-11	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥2,300	01160
1-4804-12		L		¥2,300	01160
1-4804-13		M		¥2,300	01160
1-4804-14		S		¥2,300	01160
1-4804-15		SS		¥2,300	01160

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Đặc biệt có lớp phủ PU (polyurethane) chống trượt.
- Làm từ vật liệu rất thoáng khí để bao tay vừa khít.
- Ít phát sinh bụi và thích hợp để lắp ráp máy móc có độ chính xác cao, dòng điện thấp, và máy móc thông thường, hoặc cho công việc kiểm tra.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% nylon, Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

BAO TAY PHỦ PU LÀM MÁT ASPURE (Loại có viền cổ tay)

Vải polyester có tính thoáng khí cao.



Mua số lượng nhiều để tiết kiệm		Đầu ngón tay có phủ		Lòng bàn tay có phủ	
		Giá mỗi đôi		Giá mỗi đôi	
Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2132-01	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥ 1,150	01260
2-2132-02		L		¥ 1,150	01260
2-2132-03		M		¥ 1,150	01260
2-2132-04		S		¥ 1,150	01260
2-2132-05		SS		¥ 1,150	01260
2-2132-51	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥31,000	01260
2-2132-52		L		¥31,000	01260
2-2132-53		M		¥31,000	01260
2-2132-54		S		¥31,000	01260
2-2132-55		SS		¥31,000	01260
2-2131-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥ 1,380	01260
2-2131-02		L		¥ 1,380	01260
2-2131-03		M		¥ 1,380	01260
2-2131-04		S		¥ 1,380	01260
2-2131-05		SS		¥ 1,380	01260
2-2131-51	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥37,200	01260
2-2131-52		L		¥37,200	01260
2-2131-53		M		¥37,200	01260
2-2131-54		S		¥37,200	01260
2-2131-55		SS		¥37,200	01260

□ MOQ(Đơn vị): -01~05/1 hộp(10 đôi), -51~55/1 thùng(10 đôi/hộp x 30 hộp)

■ Đặc điểm

- Lớp phủ PU (polyurethane) với độ bám vượt trội.
- Co giãn và vừa vặn tuyệt đối.



Viền trên cổ tay ép chặt để phần mép không bị sờn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% polyester, Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

BAO TAY PHỦ PU LÀM MÁT ASPURE

Vải polyester có tính thoáng khí cao.

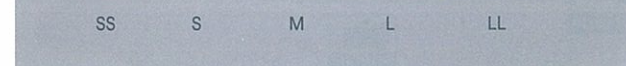
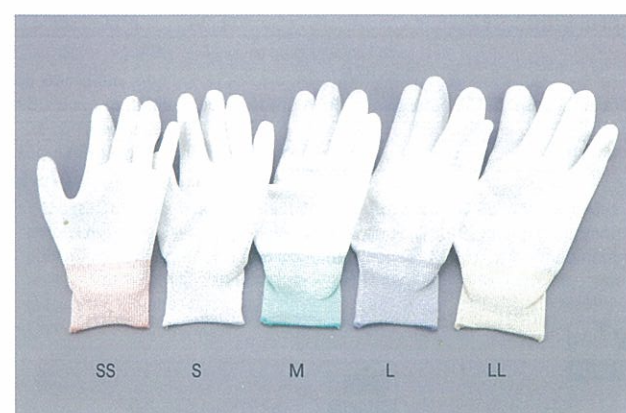


Loại phủ đầu ngón		Loại phủ đầu ngón		Loại phủ đầu ngón	
		mỗi đôi		mỗi đôi	
Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3914-01	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,330	01260
1-3914-02		L		¥1,330	01260
1-3914-03		M		¥1,330	01260
1-3914-04		S		¥1,330	01260
1-3914-05		SS		¥1,330	01260
1-3915-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,600	01260
1-3915-02		L		¥1,600	01260
1-3915-03		M		¥1,600	01260
1-3915-04		S		¥1,600	01260
1-3915-05		SS		¥1,600	01260

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

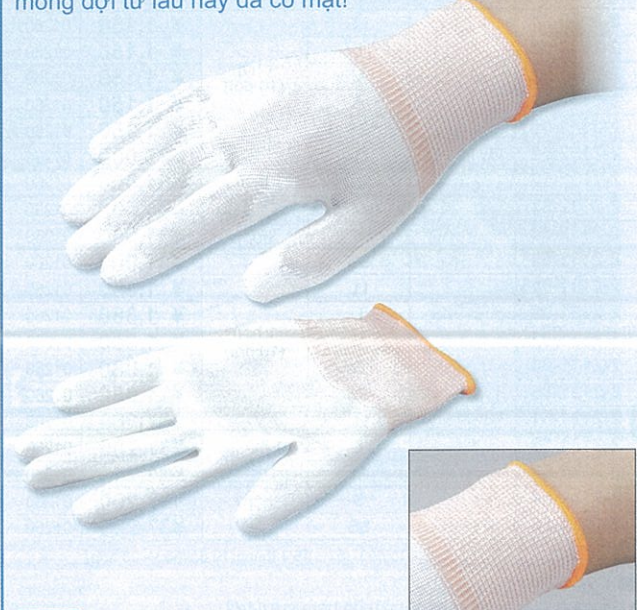
■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% polyester, Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

Đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

**BAO TAY PHỦ PU LÀM MÁT ASPURE (Loại cầm nắm tốt)**

Loại bao tay có độ bền cao được mong đợi từ lâu nay đã có mặt!



Viền trên cổ tay ép chặt để phần mép không bị sờn.

Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7378-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,500	01360
3-7378-02		L		¥1,500	01360
3-7378-03		M		¥1,500	01360
3-7378-04		S		¥1,500	01360
3-7378-05		SS		¥1,500	01360

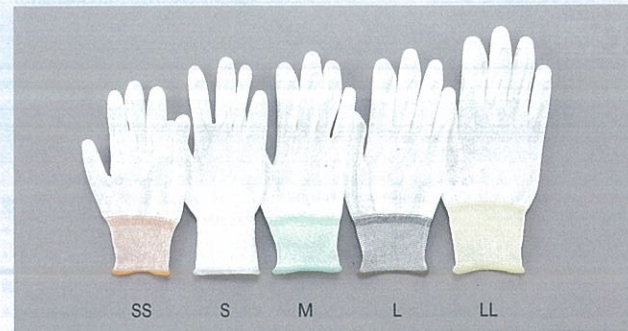
MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Lớp phủ PU (polyurethane) với độ bám vượt trội.
- Polyester là vật liệu rất thoáng khí.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100%/polyester, phủ nhựa/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng



SS S M L LL

Mỗi đôi ¥150

BAO TAY PHỦ PU DÀI ASPURE (Loại có viền cổ tay)

Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Chiều dài (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-3643-01	Đầu ngón tay có phủ	LL	330	¥2,400	01350
3-3643-02		L	320	¥2,400	01350
3-3643-03		M	310	¥2,400	01350
3-3643-04		S	300	¥2,400	01350
3-3643-05		SS	290	¥2,400	01350
3-3410-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	330	¥2,600	01350
3-3410-02		L	320	¥2,600	01350
3-3410-03		M	310	¥2,600	01350
3-3410-04		S	300	¥2,600	01350
3-3410-05		SS	290	¥2,600	01350

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Cổ bao dài ngăn ống tay áo không bị cuốn lên trong khi làm việc.
- Đặc biệt có lớp phủ PU (polyurethane) chống trượt.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Bao tay/100% PA (nylon), phủ nhựa/PU (polyurethane)
- Số lượng: 1 túi (10 đôi)
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

BAO TAY PHỦ PU ASPURE (Loại dài)

Cổ bao tay dài giúp ngăn bụi rơi vào cổ tay áo.



Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Chiều dài (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-7174-01	Đầu ngón tay có phủ	LL	290 (±0,5)	¥2,530	01360
1-7174-02		L	270 (±0,5)	¥2,530	01360
1-7174-03		M	250 (±0,5)	¥2,530	01360
1-7174-04		S	220 (±0,5)	¥2,530	01360
1-7175-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	290 (±0,5)	¥2,760	01360
1-7175-02		L	270 (±0,5)	¥2,760	01360
1-7175-03		M	250 (±0,5)	¥2,760	01360
1-7175-04		S	220 (±0,5)	¥2,760	01360

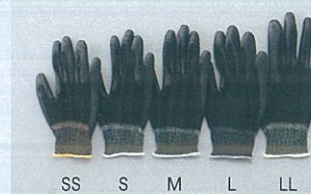
MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon), phủ nhựa/PU (polyurethane)
- Số lượng: 1 túi (10 đôi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

Mỗi đôi ¥253

Mỗi đôi ¥276

BAO TAY PHỦ PU ĐEN ASPURE (Loại có viền cổ tay)

SS S M L LL

Mỗi đôi ¥140

Polyester

Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7386-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,400	01460
3-7386-02		L		¥1,400	01460
3-7386-03		M		¥1,400	01460
3-7386-04		S		¥1,400	01460
3-7386-05		SS		¥1,400	01460

PA (nylon)

Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7379-01	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,900	01460
3-7379-02		L		¥1,900	01460
3-7379-03		M		¥1,900	01460
3-7379-04		S		¥1,900	01460
3-7379-05		SS		¥1,900	01460

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Khó nhận thấy vết bẩn trên loại bao tay này. Được các nhà sản xuất ô tô và các lĩnh vực công nghiệp khác ưa chuộng.
- Co giãn và vừa vặn tuyệt đối.
- Lớp phủ PU (polyurethane) với độ bám vượt trội.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phủ nhựa/PU (polyurethane)
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY CHỐNG CẮT ASPURE

Thích hợp khi làm việc với các vật sắc nhọn



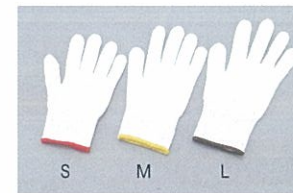
Lòng bàn tay có phủ
Không có

Mã số đặt hàng	Lòng bàn tay có phủ	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2129-04	Có sẵn	LL	1 hộp (10 đôi)	¥680	01460
2-2129-01		L		¥680	01460
2-2129-02		M		¥680	01460
2-2129-03		S		¥680	01460
2-2130-04		LL		¥620	01460
2-2130-01	Không có	L	1 hộp (10 đôi)	¥620	01460
2-2130-02		M		¥620	01460
2-2130-03		S		¥620	01460

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 250 hộp

■ Thông số kỹ thuật

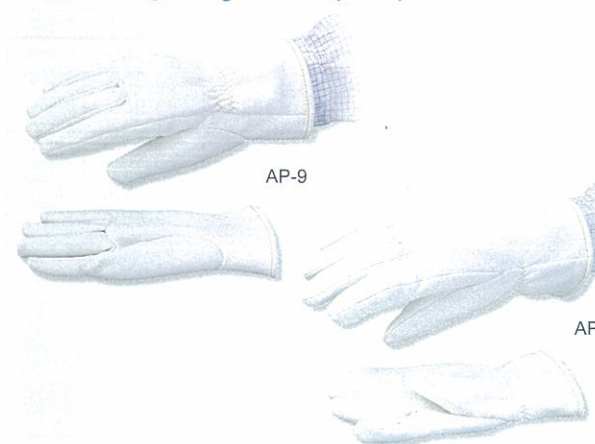
- Vật liệu: PE (polyethylene) siêu bền, phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Chiều dài: S/khoảng 215mm, M/khoảng 228mm, L/khoảng 235mm
- Chống cắt cấp 5 (Tiêu chuẩn EN388)
- Màu (phần cổ tay): S/đỏ, M/vàng, L/nâu



S M L

BAO TAY CHỐNG CẮT CHỊU NHIỆT ASPURE

Với tính năng chống cắt và chịu nhiệt.



AP-9

AP-17

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4824-01	AP-9	1 đôi	¥ 7,000	01460
1-4825-01	AP-17		¥12,000	01460

MOQ(Đơn vị): 1 đôi Số lượng trong thùng: 50 đôi

■ Đặc điểm

- Sử dụng urethane chịu nhiệt (nhiệt độ chịu được: 260°C) trên cả hai mặt và chứa sợi aramid.
- Loại AP-17 có lớp ni polyester bên trong.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Sợi Aramid (Nhiệt độ chịu được: 200°C - chống cắt), Mặt trước/Urethane chịu nhiệt (Nhiệt độ chịu được: 260°C, kháng dung môi), chỉ khâu/Sợi Aramid, Lớp bên trong (chỉ loại AP-17)/lớp ni Polyester (cản nhiệt) - Vải Polyester dệt kim (ngăn việc sinh ra bụi) ※Nhiệt độ chịu được là tùy theo loại vải.
- Chiều dài: khoảng 280mm



Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY KHÔNG ĐƯỜNG NÓI ASPURE

APJ-010



ADJ-310



Mỗi đôi ¥280

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7382-01	APJ-010	LL	1 hộp (10 đôi)	¥2,800	01560
3-7382-02		L		¥2,800	01560
3-7382-03		M		¥2,800	01560
3-7382-04		S		¥2,800	01560
3-7382-05		SS		¥2,800	01560

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi)

■ Đặc điểm

- Vật liệu mỏng đảm bảo vừa khít. Thích hợp với công việc xử lý cần độ chính xác cao hoặc kiểm soát chất lượng và cũng có thể được sử dụng làm bao tay lót.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% polyester

Phủ PU

Mỗi đôi ¥370

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7383-01	ADJ-310	LL	1 hộp (10 đôi)	¥3,700	01560
3-7383-02		L		¥3,700	01560
3-7383-03		M		¥3,700	01560
3-7383-04		S		¥3,700	01560
3-7383-05		SS		¥3,700	01560

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi)

■ Đặc điểm

- Lớp phủ PU ở lòng bàn tay đảm bảo vừa khít.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lòng bàn tay/100% polyester, phủ PU (polyurethane), mu bàn tay/100% polyester

■ Đặc điểm (chung)

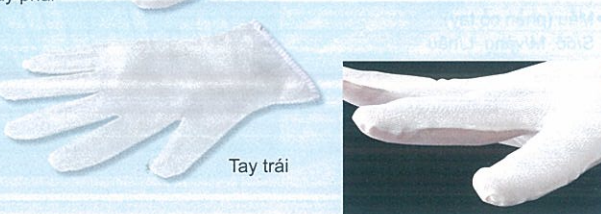
- Loại bao tay này được sản xuất bằng công nghệ không sử dụng chỉ khâu, đã được cấp bằng sáng chế, nhằm giảm việc sinh ra bụi trên lòng bàn tay, quanh viền và những chỗ vải bị cắt.
- Vật liệu thoáng khí và co giãn tốt đảm bảo vừa khít.

BAO TAY CẢM NHẬN ĐỘ NHÁM ASPURE

Tay phải



Tay trái



Mỗi chiếc ¥370

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1718-01		Tay trái	LL	1 hộp (10 chiếc)	¥3,700	01560
3-1718-02			L		¥3,700	01560
3-1718-03			M		¥3,700	01560
3-1718-04			S		¥3,700	01560
3-1719-01		Tay phải	LL	1 hộp (10 chiếc)	¥3,700	01560
3-1719-02			L		¥3,700	01560
3-1719-03			M		¥3,700	01560
3-1719-04			S		¥3,700	01560

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 chiếc)

■ Đặc điểm

- Lớp vải ở lòng bàn tay giúp dễ dàng phát hiện ra vật liệu lạ.
- Được sử dụng để tìm kiếm vùng không bằng phẳng trên một đối tượng.
- Lòng bàn tay và phần mu bàn tay không được nổi bằng chỉ khâu, giúp giảm nguy cơ vật liệu lạ xâm nhập.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần lòng bàn tay/100% nylon đặc biệt, Phần mu bàn tay/len sợi filament 100% polyester

BAO TAY CẢM NHẬN ĐỘ NHÁM ÔM KHÍT ASPURE

Tay phải



Tay trái



Lòng bàn tay Mu bàn tay

Mỗi chiếc ¥390

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7385-01	ANK-210-L	Tay trái	LL	1 hộp (10 chiếc)	¥3,900	01560
3-7385-02			L		¥3,900	01560
3-7385-03			M		¥3,900	01560
3-7385-04			S		¥3,900	01560
3-7381-01	ANK-210-R	Tay phải	LL	1 hộp (10 chiếc)	¥3,900	01560
3-7381-02			L		¥3,900	01560
3-7381-03			M		¥3,900	01560
3-7381-04			S		¥3,900	01560

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 chiếc)

■ Đặc điểm

- Được sản xuất bằng công nghệ không sử dụng chỉ khâu, đã được cấp bằng sáng chế, nhằm giảm nguy cơ vật liệu lạ xâm nhập.
- Được sử dụng để tìm kiếm vùng không bằng phẳng trên một đối tượng.
- Lớp vải co giãn ở phần mu bàn tay sẽ giúp bao tay trở nên vừa vặn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lòng bàn tay/100% PA (nylon) đặc biệt, mu bàn tay/100% polyester



Ký hiệu đóng gói tinh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.



Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

BAO TAY DÙNG TRONG CÔNG VIỆC CHÍNH XÁC ASPURE(Loại Polyester)



Mỗi đôi ¥192

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-554-01	ASPOHALF	LL	235	1 hộp (12 đôi)	¥2,300	01650
1-554-02		L	230		¥2,300	01650
1-554-03		M	220		¥2,300	01650
1-554-04		S	215		¥2,300	01650

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 100 hộp

■ Đặc điểm

- Cảm giác vừa khít và có thể sử dụng làm bao tay lót.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Polyester
- Có lớp đệm

BAO TAY DÙNG TRONG CÔNG VIỆC CHÍNH XÁC ASPURE(Loại Nylon)



Mỗi đôi ¥333

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-555-01	ASNYW	LL	235	1 hộp (12 đôi)	¥4,000	01650
1-555-02		L	230		¥4,000	01650
1-555-03		M	220		¥4,000	01650
1-555-04		S	210		¥4,000	01650

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 100 hộp

■ Đặc điểm

- Vừa khít và cũng có thể sử dụng làm bao tay lót

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nylon
- Có lớp đệm

BAO TAY COTTON MỀM



Có lớp đệm

Mỗi đôi ¥148

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-548-01	LL	240	1 hộp (12 đôi)	¥1,780	01650
1-548-02	L	230		¥1,780	01650
1-548-03	M	220		¥1,780	01650
1-548-04	S	210		¥1,780	01650

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 100 hộp

■ Đặc điểm

- Vừa khít và có thể sử dụng làm bao tay lót.
- Lớp đệm rất vừa vặn nhờ kỹ thuật may 3 chiều.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Cotton

Không có lớp đệm

Mỗi đôi ¥38

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7278-04	LL	khoảng 228	1 hộp (12 đôi)	¥460	01675
3-7278-03	L	khoảng 225		¥460	01675
3-7278-02	M	khoảng 220		¥460	01675
3-7278-01	S	khoảng 210		¥460	01675

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 100 hộp

■ Đặc điểm

- Vật liệu 100% cotton hiệu quả trong việc thấm hút mồ hôi và giảm hiện tượng hầm hơi. Thích hợp với công việc cần độ chính xác như kiểm tra chất lượng.
- Mỗi kích cỡ được đánh dấu bằng một màu ở cổ tay khác nhau.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% cotton
- Chiều dài ngón giữa: S/khoảng 7,3cm, M/khoảng 7,8cm, L/khoảng 8,3cm, LL/khoảng 8,8cm
- Độ rộng lòng bàn tay: S/khoảng 9,2cm, M/khoảng 9,5cm, L/khoảng 10,2cm, LL/khoảng 10,4cm
- Màu cổ tay: S/xanh lá, M/trắng, L/đỏ, LL/vàng



Có lớp đệm

Không có lớp đệm



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/tất cả bao bì)

Đây là sản phẩm vô trùng.

(ESD)

10



Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY SỢI NYLON CHỐNG BỤI ASPURE

Mỗi đôi ¥288



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1720-01	BNW-N	L	1 hộp (12 đôi)	¥3,450	01750
3-1720-02		M		¥3,450	01750
3-1720-03		S		¥3,450	01750

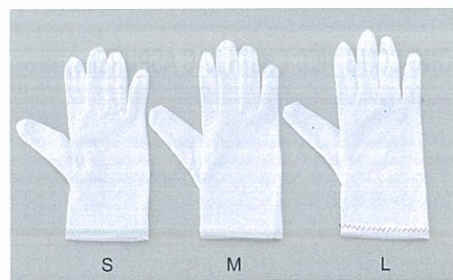
□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

■ Đặc điểm

- Được làm từ vật liệu sợi nhựa tạo ra ít xơ vải hơn so với cotton và thích hợp cho công việc không được để cho vật liệu lạ xâm nhập.
- Được làm từ sợi PA (nylon) có độ co giãn

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Sợi nylon
- Màu (phần cổ tay): S/xanh lá, M/trắng, L/đỏ



S

M

L

BAO TAY CHỐNG BỤI ASPURE (Loại phủ PVC)

Mỗi đôi ¥354



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-8593-01	BNH-V	S	1 hộp (12 đôi)	¥4,250	01750
2-8593-02		M		¥4,250	01750
2-8593-03		L		¥4,250	01750

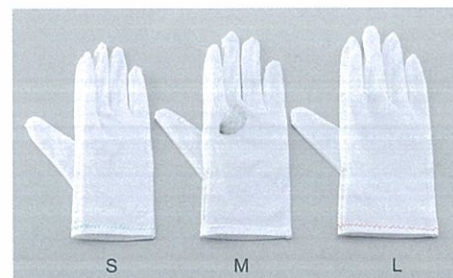
□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

■ Đặc điểm

- Được làm từ vật liệu sợi nhựa tạo ra ít xơ vải hơn so với cotton và thích hợp cho công việc không được để cho vật liệu lạ xâm nhập.
- Vật liệu phủ PVC đảm bảo cho việc cầm nắm tốt.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần lòng bàn tay/50% nylon, lòng bàn tay/vải phủ PVC
- Màu phần cổ tay: S/xanh lá, M/trắng, L/đỏ



S

M

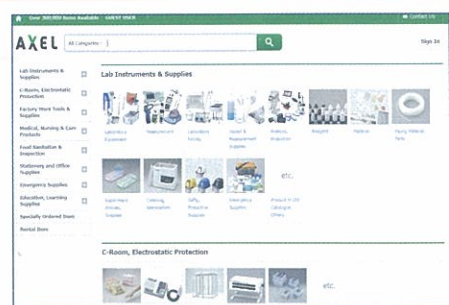
L

TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

Các tính năng chính

- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chứng loại sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>

Không bột

Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY CHỐNG BỤI ASPURE (Loại Polyester)

Mỗi đôi ¥404



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-8604-01	BPH-U	S	1 hộp (12 đôi)	¥4,850	01850
2-8604-02		M		¥4,850	01850
2-8604-03		L		¥4,850	01850
2-8604-04		LL		¥4,850	01850

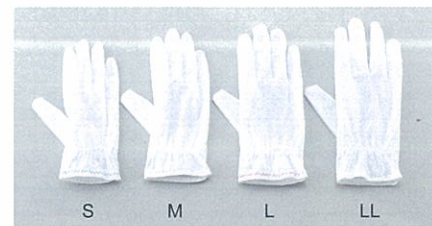
□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

■ Đặc điểm

- Được làm từ vật liệu sợi nhựa tạo ra ít xơ vải hơn so với cotton và thích hợp cho công việc không được để cho vật liệu lạ xâm nhập.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần mu bàn tay/làm bằng polyester, Phần lòng bàn tay/vải phủ PU
- Màu phần cổ tay: S/xanh lá, M/trắng, L/đỏ, LL/vàng



S

M

L

LL

BAO TAY CHỐNG BỤI ASPURE (Loại phủ PU)



50% Nylon



Được phủ PU (loại lưới)

Nylon Mỗi đôi ¥364 Lưới Mỗi đôi ¥539 Lưới dài Mỗi đôi ¥580

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Vật liệu dùng ở mu bàn tay	JPY	Số tham chiếu
2-8594-01	S	50% Nylon	¥4,370	01850
2-8594-02	M		¥4,370	01850
2-8594-03	L		¥4,370	01850
2-8595-01	S	Vải phủ PU (lưới)	¥6,470	01850
2-8595-02	M		¥6,470	01850
2-8595-03	L		¥6,470	01850
2-8603-01	S	Vải phủ PU (lưới dài)	¥6,960	01850
2-8603-02	M		¥6,960	01850
2-8603-03	L		¥6,960	01850

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

■ Đặc điểm

- Loại sợi nhựa này ít ma sát hơn sợi cotton và thích hợp với nơi làm việc không được có vật liệu lạ.
- Phần lưới ở mặt trên bao tay giúp thoáng khí (2-8595, 2-8603).

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu của phần lòng bàn tay: Vải phủ PU
- Số lượng: 1 túi (12 đôi)
- Màu (phần cổ tay): S/xanh lá, M/trắng, L/đỏ



Được phủ PU (loại lưới dài)



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



BAO TAY CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại có viền cổ tay)

Bao tay PA (nylon) chống tĩnh điện



Mã số đặt hàng	Loại	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2285-11	Đầu ngón tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥ 3,150	01960
1-2285-12		L		¥ 3,150	01960
1-2285-13		M		¥ 3,150	01960
1-2285-14		S		¥ 3,150	01960
1-2285-15		SS		¥ 3,150	01960
1-2285-61	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥85,050	01960
1-2285-62		L		¥85,050	01960
1-2285-63		M		¥85,050	01960
1-2285-64		S		¥85,050	01960
1-2285-65		SS		¥85,050	01960
1-2284-11	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 hộp (10 đôi)	¥ 3,450	01960
1-2284-12		L		¥ 3,450	01960
1-2284-13		M		¥ 3,450	01960
1-2284-14		S		¥ 3,450	01960
1-2284-15		SS		¥ 3,450	01960
1-2284-61	Lòng bàn tay có phủ	LL	1 thùng (10 đôi/ hộp x 30 hộp)	¥93,150	01960
1-2284-62		L		¥93,150	01960
1-2284-63		M		¥93,150	01960
1-2284-64		S		¥93,150	01960
1-2284-65		SS		¥93,150	01960

MOQ(Đơn vị): -11~15/1 hộp(10 đôi), -61~65/1 thùng(10 đôi/hộp x 30 hộp)

Đặc điểm

- Viền trên cổ tay ép chặt để ngăn phần mép bị sờn.
- Đặc biệt có lớp phủ PU (polyurethane) chống trượt.
- Các vật liệu thoáng khí đảm bảo vừa khít, giúp người sử dụng thoải mái khi làm việc với bao tay.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% nylon (chứa sợi dẫn điện), Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (phần sợi)
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY DẪN ĐIỆN PHỦ PU ASPURE II



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Loại	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4805-01	LL	Đầu ngón tay có phủ	1 hộp (10 đôi)	¥4,150	01960
1-4805-02	L			¥4,150	01960
1-4805-03	M			¥4,150	01960
1-4805-04	S			¥4,150	01960
1-4805-05	SS			¥4,150	01960
1-4806-01	LL	Lòng bàn tay có phủ	1 hộp (10 đôi)	¥4,370	01960
1-4806-02	L			¥4,370	01960
1-4806-03	M			¥4,370	01960
1-4806-04	S			¥4,370	01960
1-4806-05	SS			¥4,370	01960

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 50 hộp

Đặc điểm

- Làm từ vật liệu PA (nylon) chống tĩnh điện.
- Đặc biệt có lớp phủ PU (polyurethane) chống trượt.
- Các vật liệu thoáng khí đảm bảo vừa khít, giúp người sử dụng thoải mái khi làm việc với bao tay.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% nylon (chứa sợi dẫn điện), Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (phần sợi)
- Màu (phần cổ tay): SS/cam, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY DẪN ĐIỆN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4789-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥2,430	01960
1-4789-02	L		¥2,430	01960
1-4789-03	M		¥2,430	01960
1-4789-04	S		¥2,430	01960

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 50 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Bao tay/100% PA (nylon) (dệt lẫn với sợi dẫn điện)
- Điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (sợi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY CÓ SỢI DẪN ĐIỆN ASPURE



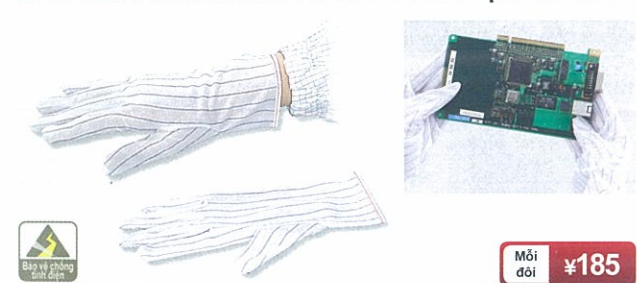
Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4794-01	LL	1 hộp (10 đôi)	¥1,500	02060
1-4794-02	L		¥1,500	02060
1-4794-03	M		¥1,500	02060
1-4794-04	S		¥1,500	02060

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 50 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon) (dệt lẫn với sợi dẫn điện)
- Điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (sợi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY POLYESTER CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4295-01	S	1 hộp (10 đôi)	¥1,850	02050
1-4295-02	M		¥1,850	02050
1-4295-03	L		¥1,850	02050
1-4295-04	LL		¥1,850	02050

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

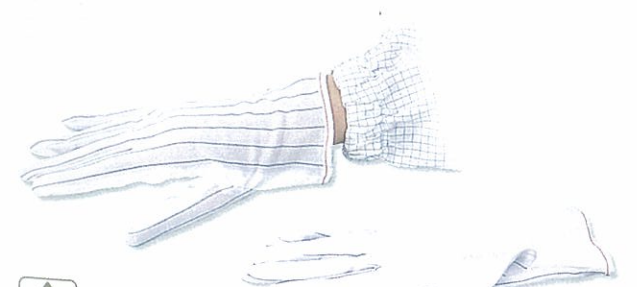
Đặc điểm

- Đan xen với sợi carbon làm giảm tĩnh điện.
- Thoải mái khi sử dụng nhờ đặc điểm thoáng khí và tạo ra lượng bụi rất thấp.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Polyester sợi dài (đan xen với sợi carbon)
- Điện trở bề mặt: $10^9 \sim 10^{10} \Omega/\square$
- Màu (phần cổ tay): S/vàng, M/đỏ, L/xanh lá, LL/xanh dương

BAO TAY PHỦ PU ASPURE



BAO TAY CÓ SỢI DẪN ĐIỆN PHỦ PU ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Loại	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4795-01	LL	Đầu ngón tay có phủ	1 hộp (10 đôi)	¥2,300	02060
1-4795-02	L			¥2,300	02060
1-4795-03	M			¥2,300	02060
1-4795-04	S			¥2,300	02060
1-4796-01	LL	Lòng bàn tay có phủ		¥2,430	02060
1-4796-02	L			¥2,430	02060
1-4796-03	M			¥2,430	02060
1-4796-04	S			¥2,430	02060

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) Số lượng trong thùng: 50 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon) (dệt lẫn với sợi dẫn điện), Phủ nhựa/PU (polyurethane)
- Điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (sợi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/vàng

BAO TAY MICROFIBER ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7171-61	S	1 hộp (12 đôi)	¥6,760	02050
1-7171-62	M		¥6,760	02050
1-7171-63	L		¥6,760	02050

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(12 đôi) Số lượng trong thùng: 50 hộp

Đặc điểm

- Lớp vải ở lòng bàn tay được làm từ sợi siêu mịn và có thể dùng để lau chùi.
- Lớp vải ở phần mu bàn tay được làm từ sợi polyester đan xen với sợi carbon để giảm tĩnh điện.
- Loại bao tay có độ bền cao như thể này có thể rửa sạch và sử dụng lại nhiều lần.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần lòng bàn tay/sợi microfiber (polyester, nylon), Phần mu bàn tay/sợi filament bằng polyester (đan với carbon)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$ (phần mu bàn tay)
- Màu (phần cổ tay): S/đỏ, M/nâu, L/xanh dương



Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHẨN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SÀN PHẨM PHÒNG SẠCH

SÀN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

BAO TAY CHỐNG TÍNH ĐIỆN SỢC NGANG ASPURE (Loại cắt 3 ngón)

Thích hợp với công việc cần độ chính xác. Không làm giảm độ nhạy ở đầu ngón tay.



Vi dụ sử dụng cùng Bao tay ngón (bán riêng)

S M L

Mỗi đôi ¥115

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2123-01	ANDL-3F	L	1 hộp (10 đôi)	¥1,150	02160
2-2123-02		M		¥1,150	02160
2-2123-03		S		¥1,150	02160

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Là loại bao tay nylon chống tĩnh điện.
- Có thể sử dụng làm lớp lót cho bao tay ngón và bao tay cao su latex.
- Phần cổ tay đã được xử lý gia công viên để tránh bị sòn.
- Thoải mái khi làm việc nhờ thiết kế vừa khít và thoáng khí.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon) (dệt lẫn với sợi dẫn điện)
- Điện trở bề mặt: $10^5\Omega/\square$ trở xuống (sợi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám

BAO TAY NGÓN CAO SU NITRILE ASPURE (Loại cắt)

Bao tay ngón không bột, không có clo hoặc lưu huỳnh



Không bột

Mỗi chiếc ¥5.70

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2136-01	EX15	S	1 hộp (1000 chiếc)	¥5,700	02150
2-2136-02	EX18	M		¥5,700	02150

□ MOQ(Đơn vị): 1 hộp(1000 chiếc) □ Số lượng trong thùng: 20 hộp

■ Đặc điểm

- Bề mặt thành phẩm hoàn toàn không có clo và do đó bảo vệ kim loại quý và các vật liệu tương tự không bị ăn mòn.
- Được sản xuất hoàn toàn không có lưu huỳnh và bảo vệ kim loại quý không bị ăn mòn.
- Vật liệu mềm mang lại sự vừa vặn thoải mái cho ngón tay của bạn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: NBR (Cao su nitrile) • Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-11}\Omega/\square$
- I.D. x Chiều dài: EX15/φ 15 x 50mm, EX18/φ 18 x 50mm
- Độ dày: khoảng 0,13mm
- Xử lý nhám toàn bộ bề mặt bao tay

BAO TAY NGÓN DẪN ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn)



Không bột

Mua số lượng nhiều để tiết kiệm Giá mỗi chiếc ¥3.96

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3924-61	S	1 thùng (1440 chiếc/ hộp x 10 hộp)	¥57,000	02150
1-3924-62	M		¥57,000	02150
1-3924-63	L		¥57,000	02150
1-3924-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 6,900	02150
1-3924-02	M		¥ 6,900	02150
1-3924-03	L		¥ 6,900	02150

□ MOQ(Đơn vị): -01~03/1 hộp(1440 chiếc), -61~63/1 thùng(1440 chiếc/hộp x 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Xử lý làm nhám giúp lực cầm nắm tốt hơn.
- Tính năng dẫn điện nhờ có chứa carbon.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex (có chứa carbon)
- Điện trở bề mặt: $10^{5-8}\Omega/\square$ • Độ dày: 0,10mm trở lên
- Chiều dài: khoảng 61mm • Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN DẪN ĐIỆN ASPURE (Loại cắt)



Không bột

Mua số lượng nhiều để tiết kiệm Mỗi chiếc ¥3.45

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3002-51	S	1 thùng (1440 chiếc/ hộp x 20 hộp)	¥99,350	02150
1-3002-52	M		¥99,350	02150
1-3002-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 6,000	02150
1-3002-02	M		¥ 6,000	02150

□ MOQ(Đơn vị): -01~02/1 hộp(1440 chiếc), -51~52/1 thùng(1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

■ Đặc điểm

- Xử lý làm nhám giúp lực cầm nắm tốt hơn.
- Tính năng dẫn điện nhờ có chứa carbon.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex (có chứa carbon)
- Điện trở bề mặt: $10^{5-8}\Omega/\square$
- Độ dày: 0,10mm trở lên
- Chiều dài: 50±2mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.

Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

BAO TAY NGÓN CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn)



Không bột

Mỗi chiếc ¥2.3

BAO TAY NGÓN CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại trơn)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-5111-81	S	1 thùng (1000 chiếc/ hộp x 10 hộp)	¥23,000	02250
1-5110-82	M		¥23,000	02250
1-5110-81	L		¥23,000	02250
1-5110-83	LL		¥23,000	02250

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(1000 chiếc/hộp x 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Bề mặt không nhám phù hợp với công việc cần lực ma sát thấp.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex • Chiều dài: khoảng 70mm
- Đường kính (Chu vi): S/48,0mm, M/52,8mm, L/58,0mm, LL/63,0mm
- Điện trở bề mặt: $10^{12}\Omega/\square$ trở xuống

BAO TAY NGÓN CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại cắt - cầm nắm tốt)

Bao tay ngón loại cắt giúp dễ dàng cầm nắm.



Không bột

Mỗi chiếc ¥1.35

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3001-51	S	1 thùng(1440 chiếc/ hộp x 20 hộp)	¥39,000	02250
1-3001-52	M		¥39,000	02250

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12}\Omega/\square$
- Độ dày: 0,09mm trở lên
- Xử lý nhám đầu ngón tay

Mua số lượng nhiều để tiết kiệm Giá mỗi chiếc ¥1.63

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4942-51	S	1 thùng (1440 chiếc/ hộp x 20 hộp)	¥47,000	02250
2-4942-52	M		¥47,000	02250
2-4942-53	L		¥47,000	02250
2-4942-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 2,870	02250
2-4942-02	M		¥ 2,870	02250
2-4942-03	L		¥ 2,870	02250

□ MOQ(Đơn vị): -01~03/1 hộp(1440 chiếc), -51~53/1 thùng(1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

■ Đặc điểm

- Xử lý làm nhám giúp cầm nắm tốt.
- Vật liệu chống tĩnh điện phù hợp với công việc cần phải bảo vệ chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12}\Omega/\square$
- Đường kính trong: S/khoảng 15mm, M/khoảng 18mm, L/khoảng 21mm
- Độ dày: 0,09mm trở lên • Chiều dài: 63 (±2)mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn - cầm nắm tốt)



Không bột

Mỗi chiếc ¥1.44

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2289-01	S	1 thùng (1440 chiếc/ hộp x 20 hộp)	¥41,500	02250
1-2289-02	M		¥41,500	02250
1-2289-03	L		¥41,500	02250

□ MOQ(Đơn vị): 1 thùng(1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12}\Omega/\square$
- Độ dày: 0,09mm trở lên
- Chiều dài: 65mm±2mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN ASPURE (Loại cắt - không có lưu huỳnh)

Bao tay ngón loại cắt không có lưu huỳnh.



Không bột

Mỗi chiếc ¥3.15

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3003-51	S	1 thùng (1000 chiếc/ hộp x 20 hộp)	¥63,000	02250
1-3003-52	M		¥63,000	02250
1-3003-01	S	1 hộp (1000 chiếc)	¥ 3,680	02250
1-3003-02	M		¥ 3,680	02250

□ MOQ(Đơn vị): -01~02/1 hộp(1000 chiếc), -51~52/1 thùng(1000 chiếc/hộp x 20 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12}\Omega/\square$ • Độ dày: 0,12mm trở lên
- Không có lưu huỳnh • Xử lý nhám đầu ngón tay

Bao tay cao su nitrile

Bao tay cao su latex

Bao tay nhựa dẻo

Bao tay lót

Bao tay vải may/chống cắt

Bao tay ngón

TRANG PHỤC

KHẨN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SÀN PHẨM PHÒNG SẠCH

SÀN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

Đây là sản phẩm vô trùng.

TRANG PHỤC

Ví dụ về Lựa chọn trang phục chống bụi

LOẠI 100~1000

LOẠI 10000~

Mũ trùm đầu phòng sạch



Tr.37

Khẩu trang phòng sạch



Tr.41

Áo liền quần phòng sạch



Tr.24

Bao tay lót



Tr.9

Bao tay cao su nitrile II



Tr.3

Ủng bảo hộ phòng sạch



Tr.43

Nón phòng sạch



Tr.39

Áo khoác/ Quần phòng sạch



Tr.33

Bao tay chống tĩnh điện



Tr.84

Bao tay ngón chống tĩnh điện



Tr.86

Giày bảo hộ chống tĩnh điện



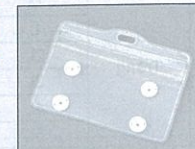
Tr.45

Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.

Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

TRANG PHỤC Trang phục chống bụi

TRANG PHỤC CHỐNG BỤI ASPURE (Loại mũ trùm rời - khóa kéo bên hông)



Có thể gắn thẻ tên (2-2152-01).



Loại có túi



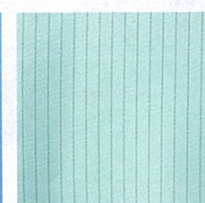
Cổ tay áo kép

Loại không có túi

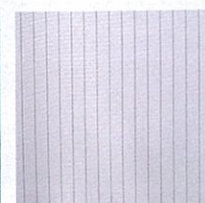
※ Mũ trùm đầu, khẩu trang, bao tay và giày được bán riêng.



Xanh dương



Xanh lá



Hồng

Loại có túi (S - 5L)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	JPY	Số tham chiếu
1-2311-※	21211SW	Trắng	¥5,500	02460
1-2314-※	21211SB	Xanh dương	¥5,500	02460
1-2313-※	21211SG	Xanh lá	¥5,500	02460
1-2312-※	21211SP	Hồng	¥5,500	02460

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 35 chiếc

Loại không có túi (M - 4L)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	JPY	Số tham chiếu
2-4948-※	21212SW	Trắng	¥5,300	02460
2-4951-※	21212SB	Xanh dương	¥5,300	02460
2-4950-※	21212SG	Xanh lá	¥5,300	02460
2-4949-※	21212SP	Hồng	¥5,300	02460

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 40 chiếc

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.
※ Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm (chung)

- Có nhiều màu sắc khác nhau để lựa chọn tùy theo mục đích sử dụng.
- Cổ tay áo kép ngăn lông trên cơ thể rơi ra.
- Thiết kế có một túi để đựng điện thoại di động và các vật dụng tương tự khác (chỉ có loại áo liền quần có túi).
- Có thể điều chỉnh mũ trùm bằng khóa kéo được bán riêng (bán riêng).

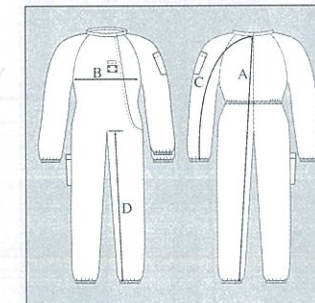
■ Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$
- Cổ tay áo - Thắt eo - Đường viền có sợi cao su • Đáp ứng Loại 100

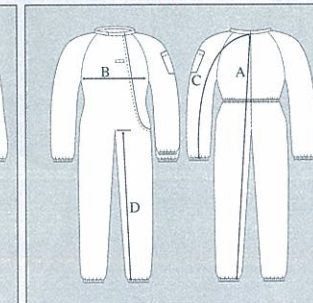
■ Bảng mã kích cỡ (đơn vị: cm)

Có túi (21211)	-01	-02	-03	-04	-05	-06	-07
Không có túi (21212)	-	-01	-02	-03	-04	-05	-
Kích thước	S	M	L	2L	3L	4L	5L
Chiều dài (A)	140	147	154	161	168	175	182
Ngực (B)	103	109	114	118	125	132	138
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	78,5	83	86	90	94	99	103
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	66,5	69	73	77	81	86	90

Loại có túi



Loại không có túi



BẢNG TÊN CHO TRANG PHỤC CHỐNG BỤI ASPURE



Mỗi chiếc ¥450

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ bên trong (mm)	Kích cỡ bên ngoài (mm)	JPY	Số tham chiếu
2-2152-01	S-NP	104 × 65,5	107 × 80	¥4,500	02460

□MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc)

■ Đặc điểm

- Được làm từ tấm PVC có tác dụng chống tĩnh điện.
- Có thể gắn lên những bộ trang phục chống bụi Aspure trong sê-ri 21211S với nút ở mặt sau.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PVC (polyvinyl chloride)
- Điện trở bề mặt: $10^{11} \Omega/\square$ trở xuống
- Độ dày: khoảng 0,9mm
- Số lượng: 1 túi (10 chiếc)

Đóng gói PIC

Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.

100
Loại đáp ứng

Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGON

TRANG PHỤC

Trang phục chống bụi

Mũ trùm đầu - Khẩu trang

Ủng/Giày phòng sạch

Phụ kiện

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

24



BAO TAY PHÒNG
SẠCH - BAO TAY
NGON

TRANG PHỤC

Trang phục
chống bụi

Mũ trùm
đầu -
Khẩu trang

Ủng/Giày
phòng sạch

Phụ kiện

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG
SẠCH

SẢN PHẨM VỎ
TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM
CHỐNG TÍNH ĐIỆN
(ESD)

TRANG PHỤC CR ASPURE (Loại mũ trùm rời - khóa kéo bên hông)



22210SW



22210SB

※Mũ trùm đầu, khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2264-11	22210SW	Trắng	M	¥3,500	02560
1-2264-12			L	¥3,500	02560
1-2264-13			2L	¥3,500	02560
1-2264-14			3L	¥3,500	02560
1-2264-15			4L	¥3,500	02560
1-2264-16			5L	¥3,500	02560
1-2265-11	22210SB	Xanh dương	M	¥3,500	02560
1-2265-12			L	¥3,500	02560
1-2265-13			2L	¥3,500	02560
1-2265-14			3L	¥3,500	02560
1-2265-15			4L	¥3,500	02560
1-2265-16			5L	¥3,500	02560

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 35 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

■ Đặc điểm

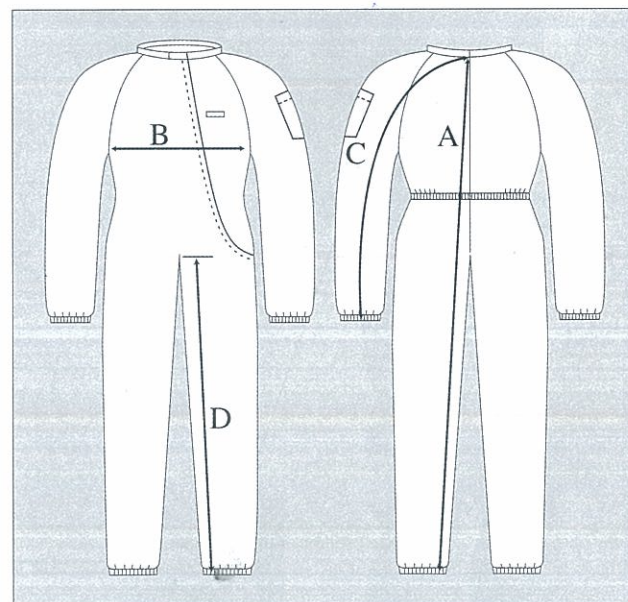
- Sản phẩm được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện dạng lưới thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$
- Đường viền, cổ tay áo, thắt eo có sợi cao su
- Có chỗ cầm bút trên tay áo bên trái
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L	5L
Tổng chiều dài (A)	161	166	171	176	181	186
Vòng ngực (B)	126	130	134	138	142	146
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	90	91,5	93	94,5	96	97,5
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	75,1	77,4	79,7	82	84,3	86,6



TRANG PHỤC CR ASPURE (Loại mũ trùm rời - khóa kéo chính giữa)



※Mũ trùm đầu, khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2276-01	22120BW	Trắng	M	¥3,350	02660
1-2276-02			L	¥3,350	02660
1-2276-03			2L	¥3,350	02660
1-2276-04			3L	¥3,350	02660
1-2276-05			4L	¥3,350	02660
1-2277-01	22120BB	Xanh dương	M	¥3,350	02660
1-2277-02			L	¥3,350	02660
1-2277-03			2L	¥3,350	02660
1-2277-04			3L	¥3,350	02660
1-2277-05			4L	¥3,350	02660

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 30 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

■ Đặc điểm

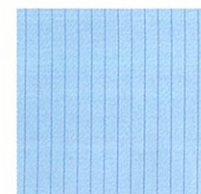
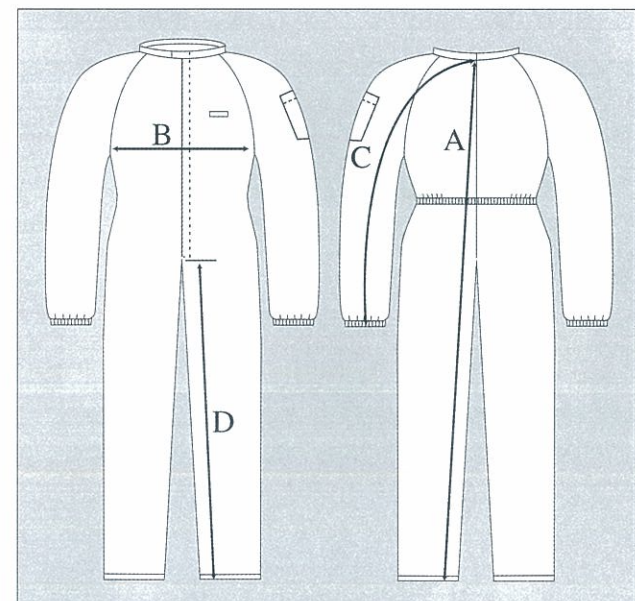
- Vật liệu của loại vải này tạo ra ít bụi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$
- Cổ tay áo, thắt eo có sợi cao su, Đường viền không có sợi cao su
- Có chỗ cầm bút trên tay áo bên trái
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L
Tổng chiều dài (A)	158	163	168	173	178
Vòng ngực (B)	116	120	124	128	132
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	90	91	92	93	94
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	74	76	78	80	82



Xanh dương

BAO TAY PHÒNG
SẠCH - BAO TAY
NGON

TRANG PHỤC

Trang phục
chống bụi

Mũ trùm
đầu - Khẩu
trang

Ủng/Giày
phòng sạch

Phụ kiện

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG
SẠCH

SẢN PHẨM VỎ
TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM
CHỐNG TÍNH ĐIỆN
(ESD)



QUẦN ÁO PHÒNG SẠCH ASPURE (Loại mũ trùm rời - khóa kéo chính giữa)



※Mũ trùm đầu, khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.



Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tĩnh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.



Ký hiệu đóng gói sạch
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-5185-01	22110SW	Trắng	S	¥3,450	02760
2-5185-02			M	¥3,450	02760
2-5185-03			L	¥3,450	02760
2-5185-04			2L	¥3,450	02760
2-5185-05			3L	¥3,450	02760
2-5185-06			4L	¥3,450	02760
2-5186-01	22110SB	Xanh dương	S	¥3,450	02760
2-5186-02			M	¥3,450	02760
2-5186-03			L	¥3,450	02760
2-5186-04			2L	¥3,450	02760
2-5186-05			3L	¥3,450	02760
2-5186-06			4L	¥3,450	02760

❑MOQ (Đơn vị): 1 chiếc ❑Số lượng trong thùng: 50 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

■ Đặc điểm

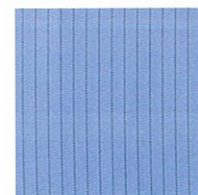
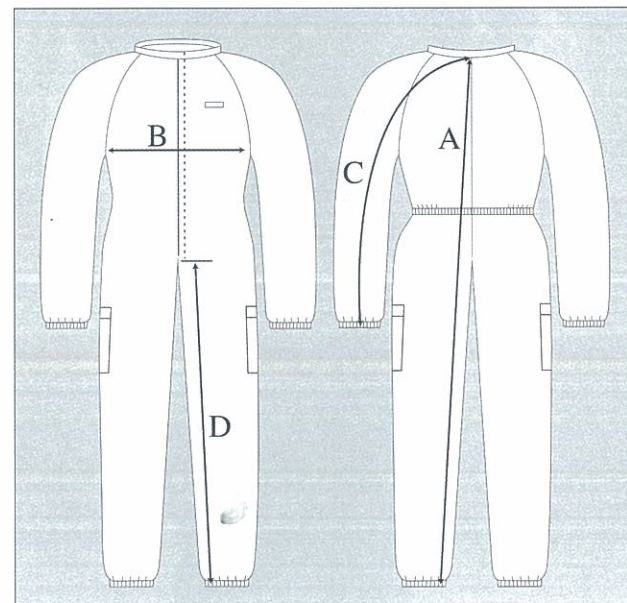
- Sản phẩm được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.
- Túi bên hông có nắp để ngăn bụi xâm nhập vào bên trong.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{8-9}\Omega/\square$
- Cổ tay áo, thắt eo, đường viền có sợi cao su
- Có túi bên trái và bên phải
- Không có chỗ cắm bút
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	S	M	L	2L	3L	4L
Tổng chiều dài (A)	155	160	165	170	175	180
Vòng ngực (B)	120	124	128	132	136	140
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	80	82	84	86	88	90
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	70,5	73	75,5	77,5	80	82



Xanh dương

TRANG PHỤC PHÒNG SẠCH ASPURE (Mũ trùm đầu kèm khẩu trang, loại khóa kéo ẩn)



※Bao tay và giày được bán riêng.



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/tất cả bao bì)
Đây là sản phẩm vô trùng.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-4938-01	10312W	Trắng	M	¥5,100	02860
2-4938-02			L	¥5,100	02860
2-4938-03			2L	¥5,100	02860
2-4938-04			3L	¥5,100	02860
2-4938-05			4L	¥5,100	02860
2-4939-01	10312B	Xanh dương	M	¥5,100	02860
2-4939-02			L	¥5,100	02860
2-4939-03			2L	¥5,100	02860
2-4939-04			3L	¥5,100	02860
2-4939-05			4L	¥5,100	02860

❑MOQ (Đơn vị): 1 chiếc ❑Số lượng trong thùng: 30 chiếc

※Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm

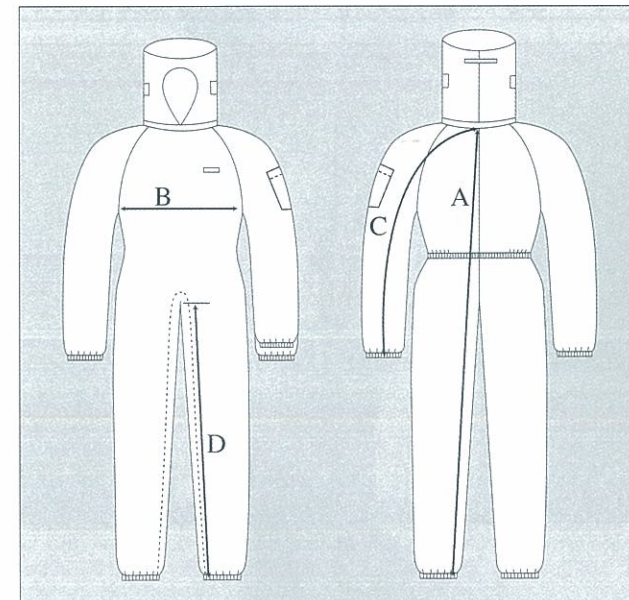
- Thiết kế theo kiểu áo chui đầu (loại khóa kéo ẩn) của sản phẩm có thể ngăn việc trang phục chạm xuống sàn trong lúc mặc vào.
- Không có khóa kéo ở phía trước người, nhờ vậy có thể ngăn việc sinh ra bụi.
- Cổ tay áo kép tránh lông, v.v... rơi ra.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Điện trở bề mặt: $10^{8-9}\Omega/\square$
- Cổ tay áo, thắt eo, đường viền có sợi cao su
- Chỗ giữ bút ở trên tay áo bên trái • Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L
Tổng chiều dài (A)	156	161	166	171	176
Vòng ngực (B)	122	126	130	134	138
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	87,5	89,5	91,5	93,5	95,5
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	78,5	81	83,5	86	88,5



Loại khóa kéo ẩn



Xanh dương



TRANG PHỤC CR ASPURE (Loại mũ trùm liền - khóa kéo chính giữa)



Xanh dương

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2279-01	11120BW	Trắng	M	¥4,150	02960
1-2279-02			L	¥4,150	02960
1-2279-03			2L	¥4,150	02960
1-2279-04			3L	¥4,150	02960
1-2279-05			4L	¥4,150	02960
1-2280-01	11120BB	Xanh dương	M	¥4,150	02960
1-2280-02			L	¥4,150	02960
1-2280-03			2L	¥4,150	02960
1-2280-04			3L	¥4,150	02960
1-2280-05			4L	¥4,150	02960

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 30 chiếc

※ Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

※ Bảng dán xê để mang khẩu trang được may ở phần mũ trùm đầu. Có thể đeo khẩu trang phòng sạch ASPURE (1-2290-01).

■ Đặc điểm

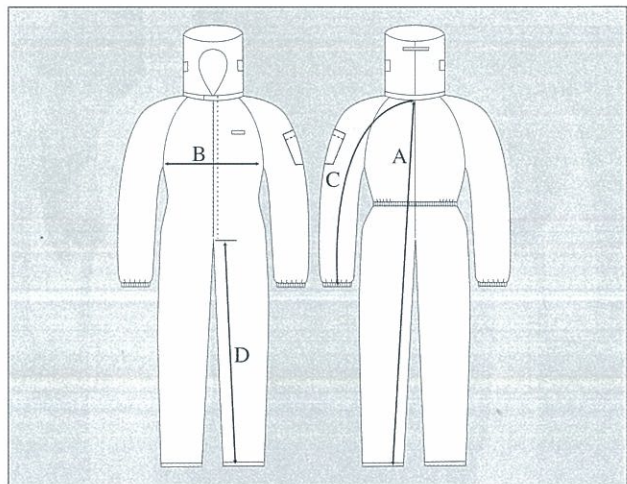
- Sản phẩm được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện dạng lưới thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.
- Vật liệu của loại vải này tạo ra ít bụi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Có chỗ cấm bút trên tay áo bên trái
- Cổ tay áo, thắt eo có sợi cao su
- Có khóa kéo để mang khẩu trang
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L
Tổng chiều dài (A)	158	163	168	173	178
Vòng ngực (B)	116	120	124	128	132
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	90	91	92	93	94
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	74	76	78	80	82



※ Khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

KHẨU TRANG PHÒNG SẠCH ASPURE (Dành cho 11120B)



※ Mũ trùm và quần áo được bán riêng.



Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

TRANG PHỤC CR ASPURE (Loại mũ trùm liền - khóa kéo chính giữa)



11120SB

※ Khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

KHẨU TRANG PHÒNG SẠCH ASPURE (Dành cho 11120S)



※ Mũ trùm và quần áo được bán riêng.



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-4840-11	11120SW	Trắng	M	¥4,320	03060
1-4840-12			L	¥4,320	03060
1-4840-13			2L	¥4,320	03060
1-4840-14			3L	¥4,320	03060
1-4840-15			4L	¥4,320	03060
1-4840-16	11120SB	Xanh dương	5L	¥4,320	03060
1-4839-11			M	¥4,320	03060
1-4839-12			L	¥4,320	03060
1-4839-13			2L	¥4,320	03060
1-4839-14			3L	¥4,320	03060
1-4839-15			4L	¥4,320	03060
1-4839-16			5L	¥4,320	03060

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 35 chiếc

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

※ Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

※ Bảng dán xê để mang khẩu trang được may ở phần mũ trùm đầu. Có thể đeo khẩu trang phòng sạch ASPURE (1-3905-11, 12).

■ Đặc điểm

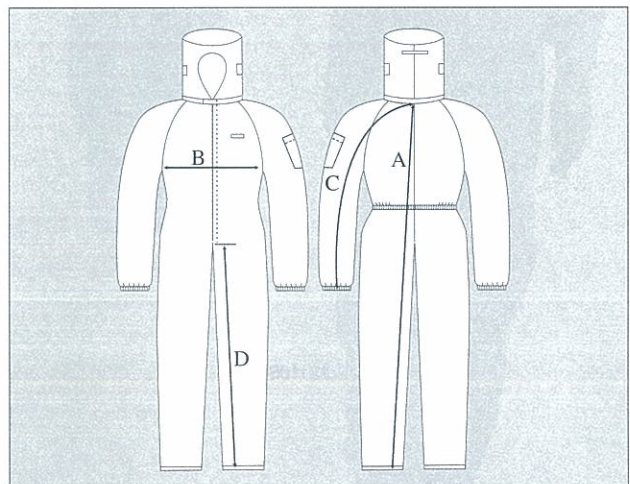
- Sản phẩm được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện dạng lưới thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Có chỗ cấm bút trên tay áo bên trái
- Cổ tay áo, thắt eo có sợi cao su, Đường viền không có sợi cao su
- Có khóa kéo để mang khẩu trang
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L	5L
Tổng chiều dài (A)	160	165	170	* 175	180	185
Vòng ngực (B)	118	122	126	130	134	138
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	91,5	93	94,5	96	97,5	99
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	74,5	77	79,5	82	84,5	87



Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3905-11	SMW	Trắng	1 chiếc	¥320	03060
1-3905-12	SMB	Xanh dương		¥320	03060

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 50 chiếc

※ Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Có khóa kéo để mang khẩu trang
- Đáp ứng loại 100
- Loại quần áo, mũ trùm phù hợp:
Mũ trùm/2-2127-01/02, 2-2128-01/02, (tham khảo tr.38)
quần áo/1-4840-11~16, 1-4839-11~16 (được mô tả ở trên)



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



TRANG PHỤC CR ASPURE (Loại mũ trùm liền - khóa kéo chính giữa)



※Khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-3935-11	12110SW	Trắng	M	¥3,900	03160
1-3935-12			L	¥3,900	03160
1-3935-13			2L	¥3,900	03160
1-3935-14			3L	¥3,900	03160
1-3935-15			4L	¥3,900	03160
1-3935-16			5L	¥3,900	03160
1-3936-11	12110SB	Xanh dương	M	¥3,900	03160
1-3936-12			L	¥3,900	03160
1-3936-13			2L	¥3,900	03160
1-3936-14			3L	¥3,900	03160
1-3936-15			4L	¥3,900	03160
1-3936-16			5L	¥3,900	03160

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 35 chiếc

※Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm

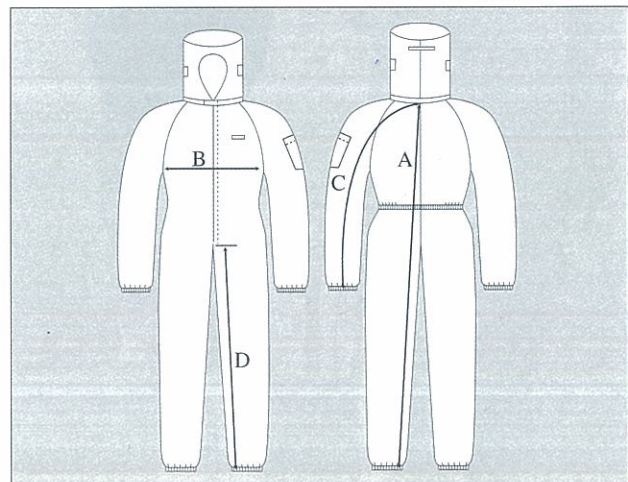
- Sợi dẫn điện được đan xen trong họa tiết lưới và phù hợp với môi trường chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Cổ tay áo, thắt eo, đường viền có sợi cao su
- Có chỗ giữ bút trên tay áo bên trái
- Đáp ứng loại 100

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L	5L
Tổng chiều dài (A)	160	165	170	175	180	185
Vòng ngực (B)	118	122	126	130	134	138
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	91,5	93	94,5	96	97,5	99
Dài từ đáy đến gấu quần (D)	74,5	77	79,5	82	84,5	87



Wakayama CIC

Hãy để chúng tôi giúp bạn tạo nên môi trường sạch sẽ

Cung cấp các thiết bị và vật tư tiêu hao phòng sạch được sử dụng để tạo ra môi trường sạch và các mục đích tương tự bằng công nghệ CIC (kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch) và SCC (kiểm soát ô nhiễm bề mặt).



Tiến trình dịch vụ

Đặt hàng sản phẩm
Yêu cầu dịch vụ làm sạch

CIC (Kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch)
SCC (Kiểm soát ô nhiễm bề mặt)

Giao hàng
bằng bao bì sạch

TRANG PHỤC DÙNG 1 LẦN ASPURE

Trang phục phù hợp cho khách tham quan hoặc làm việc với bột.



※Khẩu trang, phụ kiện và giày được bán riêng.

Giá

Mua số lượng
nhiều để tiết kiệm

Mỗi
chiếc

¥480

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2274-01	NDW	M	1 hộp (10 chiếc)	¥4,800	03250
1-2274-02		L		¥4,800	03250
1-2274-03		2L		¥4,800	03250
1-2274-04		3L		¥4,800	03250

□MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) □Số lượng trong thùng: 5 hộp

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2274-01	NDW	M	1 chiếc	¥530	03250
1-2274-02		L		¥530	03250
1-2274-03		2L		¥530	03250
1-2274-04		3L		¥530	03250

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 50 chiếc

■ Đặc điểm

- Đây là loại trang phục dùng một lần mang tính kinh tế cao.
- Được làm từ vật liệu không thấm nước.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: vải không dệt PP (polypropylene) (phủ PE)

■ Ứng dụng

- Lĩnh vực liên quan đến bột
- Lĩnh vực liên quan đến sơn

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L
Tổng chiều dài	154	161	170	179
Vòng ngực	116	124	132	140
Dài từ cổ đến cổ tay áo	85	88	91	94
Dài từ đáy đến gấu quần	70	74	78	82

IN TÊN



Kích thước	Lớn	Vừa	Nhỏ
(mm)	250×70	120×60	110×30

■ Thông số kỹ thuật

- Có sẵn cho đơn đặt hàng lẻ
- Thời gian giao hàng: khoảng 2 tuần

※Liên hệ với chúng tôi để biết thông tin về giá cả hoặc kích thước.
※Ngoài ra, chúng tôi có thể điều chỉnh trang phục theo yêu cầu bằng cách thêm túi hoặc chỗ giữ bút. Liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết.



BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGON

ÁO KHOÁC - Q



Số tham chiếu
03460

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGON



※ Quần, nón, phụ kiện và giày được bán riêng.

Không bột

Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

TRANG PHỤC PHÒNG SẠCH ASPURE

Áo khoác

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-5187-01	SSJW-D	Trắng	S	¥2,420	03560
2-5187-02			M	¥2,420	03560
2-5187-03			L	¥2,420	03560
2-5187-04			2L	¥2,420	03560
2-5187-05			3L	¥2,420	03560
2-5187-06			4L	¥2,420	03560
2-5188-01	SSJB-D	Xanh dương	S	¥2,420	03560
2-5188-02			M	¥2,420	03560
2-5188-03			L	¥2,420	03560
2-5188-04			2L	¥2,420	03560
2-5188-05			3L	¥2,420	03560
2-5188-06			4L	¥2,420	03560

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: 50 chiếc

Quần

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-5189-01	SSPW-D	Trắng	S	¥1,850	03560
2-5189-02			M	¥1,850	03560
2-5189-03			L	¥1,850	03560
2-5189-04			2L	¥1,850	03560
2-5189-05			3L	¥1,850	03560
2-5189-06			4L	¥1,850	03560
2-5190-01	SSPB-D	Xanh dương	S	¥1,850	03560
2-5190-02			M	¥1,850	03560
2-5190-03			L	¥1,850	03560
2-5190-04			2L	¥1,850	03560
2-5190-05			3L	¥1,850	03560
2-5190-06			4L	¥1,850	03560

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: 50 chiếc

■ Đặc điểm

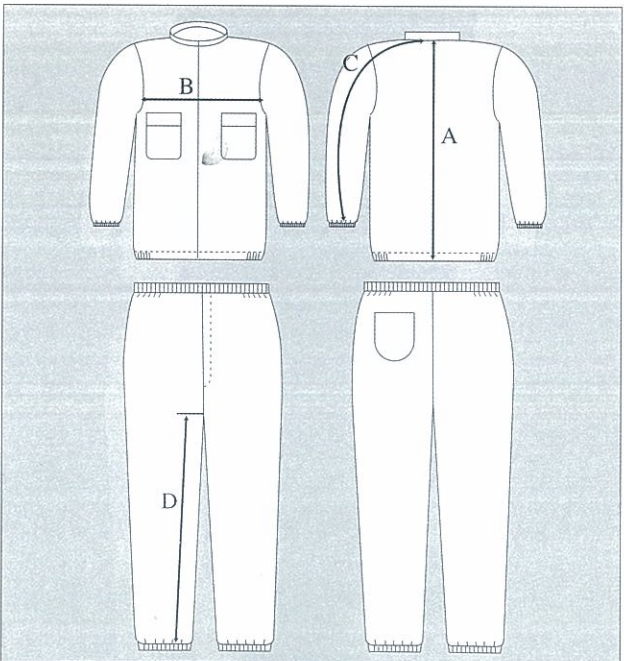
• Sản phẩm được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Tay áo có sợi cao su, có túi trước ngực (áo khoác)
- Đường viền có sợi cao su, có túi sau hông bên trái (quần)

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

	Kích cỡ	S	M	L	2L	3L	4L
Áo khoác	Tổng chiều dài (A)	68	70,5	73	75,5	78	80,5
	Ngực (B)	112	116	120	124	128	132
	Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	57	58,5	60	61,5	63	64,5
Quần	Thắt eo để nghỉ	68~74	74~80	80~86	86~92	92~98	98~104
	Dài từ đáy đến gấu quần (D)	66,5	68,5	70,5	72,5	74,5	76,5



ÁO CHOÀNG DÀI PHÒNG SẠCH ASPURE (Loại có khóa kéo)



※ Quần dài và giày được bán riêng.

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGON

TRANG PHỤC

Trang phục chống bụi

Mũ trùm đầu - Khẩu trang

Ủng/Giày phòng sạch

Phụ kiện

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-4944-01	S2367-Z	Trắng	M	¥1,850	03660
2-4944-02			L	¥1,850	03660
2-4944-03			2L	¥1,850	03660
2-4944-04			3L	¥1,850	03660
2-4944-05			4L	¥1,850	03660
2-4945-01		Xanh dương	M	¥1,850	03660
2-4945-02			L	¥1,850	03660
2-4945-03			2L	¥1,850	03660
2-4945-04			3L	¥1,850	03660
2-4945-05			4L	¥1,850	03660

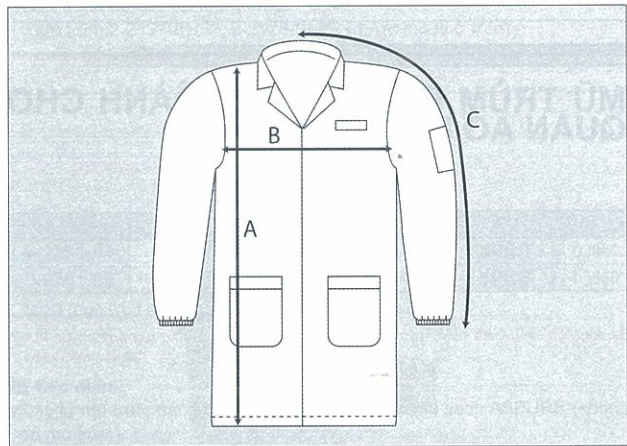
□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: 50 chiếc

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-8}\Omega/\square$
- Tay áo có sợi cao su

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: cm)

Kích cỡ	M	L	2L	3L	4L
Chiều dài áo (A)	90	93	96	99	102
Vòng ngực (B)	112	116	120	124	128
Dài từ cổ đến cổ tay áo (C)	84	86	88	90	92



Xanh dương

Góc thông tin sản phẩm

Tiêu chuẩn phòng sạch

■ Giới hạn mật độ trên đối với các loại mức độ sạch của JIS B9920 (số hạt/m³)

Đường kính hạt (μm)	Loại mức độ sạch							
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	Loại 7	Loại 8
Theo Tiêu chuẩn của Liên bang Hoa Kỳ 209	-	-	1	10	100	1000	10000	100000
0,1	10 ¹	10 ²	10 ³	10 ⁴	10 ⁵	10 ⁶	10 ⁷	10 ⁸
0,2	2	24	236	2360	23600	-	-	-
0,3	1	10	101	1010	10100	101000	1010000	10100000
0,5	(0,35)	(3,5)	35	350	3500	35000	350000	3500000
5,0	-	-	-	-	29	290	2900	29000
Phạm vi đường kính hạt	0,1~0,3		0,1~0,5		0,1~5,0		0,3~0,5	



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN

TRANG PHỤC

Trang phục chống bụi

Mũ trùm đầu - Khẩu trang

Ứng/Giày phòng sạch

Phụ kiện

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

MŨ TRÙM ĐẦU ASPURE DÀNH CHO QUẦN ÁO PHÒNG SẠCH



※Khẩu trang được bán riêng

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-4946-01	SH2W	Trắng	S	¥1,610	03760
2-4947-01			L	¥1,610	03760
2-4946-04	SH2B	Xanh dương	S	¥1,610	03760
2-4947-04			L	¥1,610	03760
2-4946-03	SH2G	Xanh lá	S	¥1,610	03760
2-4947-03			L	¥1,610	03760
2-4946-02	SH2P	Hồng	S	¥1,610	03760
2-4947-02			L	¥1,610	03760

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 250 chiếc

※Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sọc)
- Điện trở bề mặt: $10^{6-6}\Omega/\square$
- Có vành
- Đáp ứng loại 100



Xanh dương Xanh lá Hồng

MŨ TRÙM ĐẦU ASPURE DÀNH CHO QUẦN ÁO PHÒNG SẠCH



Xanh dương Xanh lá Hồng

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2315-01	SHW	Trắng	S	¥1,850	03760
1-2315-02			M	¥1,850	03760
1-2315-03			L	¥1,850	03760
1-2315-04			2L	¥1,850	03760
1-2315-05			3L	¥1,850	03760
1-2315-06	SHB	Xanh dương	4L	¥1,850	03760
1-2315-07			5L	¥1,850	03760
1-2318-01			S	¥1,850	03760
1-2318-02			M	¥1,850	03760
1-2318-03			L	¥1,850	03760
1-2318-04	SHG	Xanh lá	2L	¥1,850	03760
1-2318-05			3L	¥1,850	03760
1-2318-06			4L	¥1,850	03760
1-2318-07			5L	¥1,850	03760
1-2317-01			S	¥1,850	03760
1-2317-02	SHG	Xanh lá	M	¥1,850	03760
1-2317-03			L	¥1,850	03760
1-2317-04			2L	¥1,850	03760
1-2317-05			3L	¥1,850	03760
1-2317-06			4L	¥1,850	03760
1-2317-07	SHP	Hồng	5L	¥1,850	03760
1-2316-01			S	¥1,850	03760
1-2316-02			M	¥1,850	03760
1-2316-03			L	¥1,850	03760
1-2316-04			2L	¥1,850	03760
1-2316-05			3L	¥1,850	03760
1-2316-06			4L	¥1,850	03760
1-2316-07			5L	¥1,850	03760

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 200 chiếc

※Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Thông số kỹ thuật

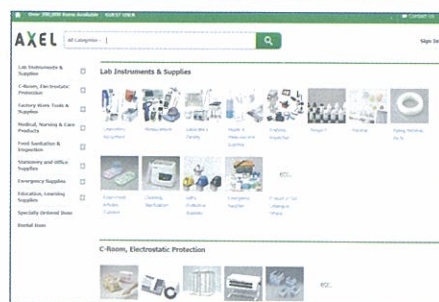
- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sọc)
- Điện trở bề mặt: $10^{6-8}\Omega/\square$
- Đáp ứng Loại 100

TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

- Các tính năng chính
- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chủng loại sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>



MŨ TRÙM ĐẦU CR ASPURE

KHẨU TRANG PHÒNG SẠCH ASPURE (Dành cho 11120S)



MŨ TRÙM ĐẦU CR ASPURE



※Khẩu trang, quần áo được bán riêng.

MŨ TRÙM ĐẦU CÓ ĐỆM LÓT ASPURE

Có miếng đệm bảo hộ chống môi dùng trong phòng sạch.



※Quần áo được bán riêng.

Mũ trùm

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-2127-01	SH3W	Trắng	Vừa mọi kích cỡ	¥1,100	03860
2-2128-01	SH3B	Xanh dương	Vừa mọi kích cỡ	¥1,100	03860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 180 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

※Khẩu trang được bán riêng. (1-3905-11, 12 có sẵn).

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Có khóa kéo để mang khẩu trang
- Đáp ứng loại 100

Khẩu trang

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3905-11	SMW	Trắng	1 chiếc	¥320	03860
1-3905-12	SMB	Xanh dương	1 chiếc	¥320	03860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 50 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

※Mũ trùm và quần áo được bán riêng.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Có khóa kéo để mang khẩu trang
- Đáp ứng loại 100

Mũ trùm/2-2127-01/02, 2-2128-01/02 (được mô tả ở trên)
quần áo/1-4840-11~16, 1-4839-11~16 (tham khảo tr.30)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2281-01	TFW	Trắng	Vừa mọi kích cỡ	¥980	03860
1-2281-02	TFB	Xanh dương	Vừa mọi kích cỡ	¥980	03860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 100 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

■ Đặc điểm

- Đây là mũ trùm dành cho loại áo liền quần phòng sạch ASPURE (không có mũ trùm).

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (sọc)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$
- Đáp ứng loại 100

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-2125-01	SFCW	Trắng	M	¥1,850	03860
2-2125-02			L	¥1,850	03860
2-2126-01	SFCB	Xanh dương	M	¥1,850	03860
2-2126-02			L	¥1,850	03860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 90 chiếc

※Khi sử dụng trong phòng sạch, sử dụng sau khi đã làm sạch theo mức độ sạch sẽ của phòng sạch.

※Có thể sử dụng sản phẩm này cùng với khẩu trang 1-3905-11/12.

■ Đặc điểm

- Mũ trùm đầu được bổ sung các sợi dẫn điện thích hợp cho môi trường chống tĩnh điện.
- Sản phẩm đi kèm với miếng đệm bảo vệ vùng đầu.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (sọc)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-9}\Omega/\square$
- Đáp ứng loại 100



MŨ TRÙM ĐẦU ASPURE DẠ

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-5183-01	SCCW	Trắng	M	¥830	03960
2-5183-02			L	¥830	03960
2-5184-01	SCCB	Xanh dương	M	¥830	03960
2-5184-02			L	¥830	03960

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-5183-01	SCCW	Trắng	M	¥830	03960
2-5183-02			L	¥830	03960
2-5184-01	SCCB	Xanh dương	M	¥830	03960
2-5184-02			L	¥830	03960

☐ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc ☐ Số lượng trong thùng: 100 chiếc

■ Đặc điểm

- Nón có các sợi dẫn điện được đan xen phù hợp với môi trường tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (sọc)
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$

NÓN PHÒNG SẠCH ASPURE

Loại nón hiệu quả kinh tế này hiện đã có mặt!



Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-4936-01	SCW	Trắng	Vừa mọi kích cỡ	¥520	03960
2-4936-04	SCB	Xanh dương		¥520	03960
2-4936-03	SCG	Xanh lá		¥520	03960
2-4936-02	SCP	Hồng		¥520	03960

☐ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc ☐ Số lượng trong thùng: 300 chiếc

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (sọc)
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$



Xanh dương

Xanh lá

Hồng

NÓN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-2278-01	TCW	Trắng	Vừa mọi kích cỡ	¥720	03960
1-2278-02	TCB	Xanh dương		¥720	03960

☐ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc ☐ Số lượng trong thùng: 10 chiếc

■ Đặc điểm

- Loại nón này được cấu tạo bằng các sợi dẫn điện dạng lưới với khả năng chống tĩnh điện vượt trội.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester với sợi dẫn điện (loại lưới)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$

Sử dụng bao bì sạch

Wakayama CIC áp dụng công nghệ làm sạch tiên tiến để cung cấp các sản phẩm bao bì trong phòng sạch.

Thiết bị và vật tư tiêu hao dùng để sản xuất hoặc kiểm soát chất lượng chủ trọng vào bao bì sạch bằng công nghệ CIC (làm sạch bằng nước tinh khiết) và SCC (tẩy rửa bề mặt). Hãy liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin.



NÓN TRÙM TÓC DÙNG 1 LẦN ASPURE



Mỗi
chiếc ¥8.6

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-3016-71	AP-S	Vừa mọi kích cỡ	¥8,600	04060

☐ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Loại nón này thích hợp để ngăn ngừa nhiễm bẩn tóc.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: vải không dệt PP (polypropylene)
- Đóng gói số lượng lớn
- Số lượng: 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)

NÓN TRÙM TÓC DÙNG 1 LẦN ASPUREII



Mỗi
chiếc ¥7.0

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-3906-71	AP-B	Vừa mọi kích cỡ	¥7,000	04060

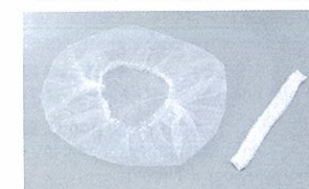
☐ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Loại nón nhỏ gọn dễ dàng bảo quản.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Polyester và vải không dệt
- Loại được ép chặt
- Số lượng: 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)



NÓN VẢI NHIỄM ĐIỆN



Mỗi
chiếc ¥66

Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
1-7664-01	Không có vành - Loại tròn tiêu chuẩn	¥660	04050

☐ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) ☐ Số lượng trong thùng: 80 hộp

■ Đặc điểm

- Ngăn ngừa nhiễm bẩn do lực hút của tóc, v.v...

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: vải không dệt PP (polypropylene)
- Số lượng: 1 hộp (10 chiếc)

BĂNG TRÁN TIẾT KIỆM ASPURE



Mỗi
chiếc ¥31.1

Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
1-1784-61	AP-T	¥31,100	04050

☐ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (20 chiếc/hộp × 5 hộp/túi × 10 túi)

■ Đặc điểm

- Tấm băng này dùng để cản mồ hôi chảy xuống từ đầu hoặc trán.
- Phù hợp để sử dụng trong phòng sạch vì sản phẩm này tạo ra lượng bụi rất ít.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: vòng ngoài/vải không dệt PP (polypropylene)
- Kích thước: 230 × 40mm
- Loại dây đeo cao su



- Số lượng: 1 thùng (20 chiếc/hộp × 5 hộp/túi × 10 túi)



KHẨU TRANG CR ASPURE(Loại dây đeo qua đầu)

100
Loại đáp ứng

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4754-61	3PLY-R	1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)	¥32,200	04160

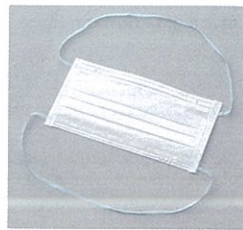
❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)

■ Đặc điểm

- Cấu trúc 3 lớp đảm bảo hiệu quả lọc tuyệt đối.
- Dây đeo được làm từ cao su urethane để giảm bụi.
- Không cần phải vứt riêng phần kẹp mũi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/PP (polypropylene), Lớp giữa/lớp lọc nên PP, Dây đeo/cao su urethane, Kẹp mũi/PE (polyethylene)
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 3 lớp



KHẨU TRANG 3 LỚP ASPURE(Loại dây đeo qua đầu)

Mỗi
chiếc ¥15.0

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1739-51	3PMH-K	1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)	¥29,900	04150

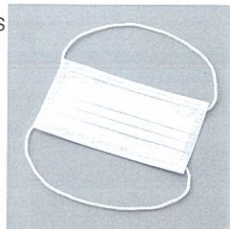
❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)

■ Đặc điểm

- Tăng cường khả năng bám dính giúp khẩu trang ôm sát mặt.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/vải không dệt ES (PP + PE), Lớp giữa/lớp lọc nên PP, Kẹp mũi/PE (polyethylene), Dây đeo/PET (polyester)
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 3 lớp



KHẨU TRANG 3 LỚP ASPURE(Loại dây đeo tai)

Mỗi
chiếc ¥8.6

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1615-52	3PME-S	1 thùng (100 chiếc/hộp x 8 hộp)	¥6,900	04150

❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (100 chiếc/hộp x 8 hộp)

■ Đặc điểm

- Đây là loại khẩu trang mang tính kinh tế cao.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/vải không dệt PP (polypropylene), Kẹp mũi/PE (polyethylene), Dây đeo/polyester
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 3 lớp



KHẨU TRANG THAN HOẠT TÍNH ASPURE(Loại dây đeo tai)

Mỗi
chiếc ¥10.3

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3013-61	CM-S	1 thùng (50 chiếc/hộp x 12 hộp)	¥6,200	04150

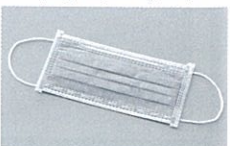
❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 12 hộp)

■ Đặc điểm

- Đây là loại khẩu trang có than hoạt tính mang tính kinh tế cao.
- Khẩu trang này được bổ sung một lớp lọc than hoạt tính làm giảm mùi hôi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/vải không dệt PP (polypropylene), Lớp giữa/lớp lọc than hoạt tính, lớp lọc nên PP, Kẹp mũi/PE (polyethylene), Dây đeo/polyester
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 4 lớp



Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

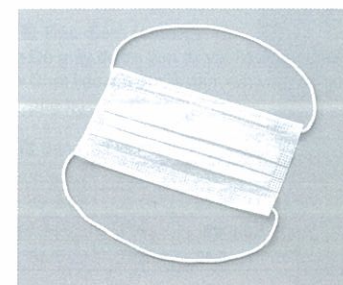
KHẨU TRANG 2 LỚP ASPURE
(Loại dây đeo qua đầu)Mỗi
chiếc ¥8.0

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3015-62	2PMH-K	1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)	¥16,000	04250

❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần thân/vải không dệt PP (polypropylene), Kẹp mũi/PE (polyethylene), Dây đeo/polyester
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 2 lớp



KHẨU TRANG 2 LỚP ASPURE(Loại dây đeo tai)

Mỗi
chiếc ¥6.9

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1615-51	2PME-S	1 thùng (100 chiếc/hộp x 10 hộp)	¥6,900	04250

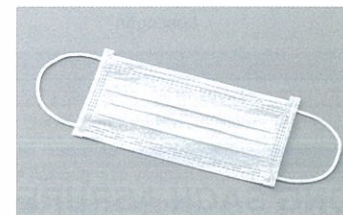
❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (100 chiếc/hộp x 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Đây là loại khẩu trang mang tính kinh tế cao.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/vải không dệt PP (polypropylene), Kẹp mũi/PE (polyethylene), Dây đeo/polyester
- Kích thước: 180 x 95mm
- Loại 2 lớp

KHẨU TRANG BÊN TRONG 2 LỚP ASPURE
(Không kẹp mũi)Mỗi
chiếc ¥8.5

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4784-51	2PIM-K	1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)	¥17,000	04260

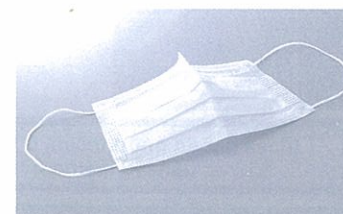
❑MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 40 hộp)

■ Đặc điểm

- Tạo cảm giác vừa vặn với cấu tạo nếp gấp đặc biệt mà không dùng kẹp mũi (loại có mũi hàn).
- Có thể dùng làm khẩu trang bên trong.
- Cấu trúc hai lớp, phù hợp với các biện pháp tiện lợi mang lại sự sạch sẽ.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lớp trong, lớp ngoài/PP (polypropylene)+PE (polyethylene), Dây đeo/Polyster
- Kích thước: 180 x 90mm
- Loại 2 lớp



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



ỦNG BẢO HỘ PHÒNG SẠCH ASPURE (Có khóa kéo)



Loại dài



Loại ngắn



Loại dài

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2269-※	TCBS-L	22,0~29,0	¥5,900	04360

☐ MOQ (Đơn vị): 1 đôi ☐ Số lượng trong thùng: 10 đôi

Loại ngắn

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2268-※	TCBS-S	22,0~29,0	¥5,700	04360

☐ MOQ (Đơn vị): 1 đôi ☐ Số lượng trong thùng: 10 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

※ Có sẵn màu xanh dương, màu hồng và màu xanh lá. Hãy hỏi chúng tôi nếu muốn biết thêm chi tiết. Liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin về lô hàng và ngày giao hàng.

※ Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm (chung)

- Sử dụng loại vải có sợi dẫn điện được đan xen, phù hợp với khu vực chống tĩnh điện.
- Đế ngoài bằng PU (polyurethane) giúp giày nhẹ hơn, cùng với lớp đệm dày.
- Lõi nhựa ở mũi giày chống gỉ tạo ra trong khi làm sạch.
- Khả năng chịu va đập - Khả năng chịu áp suất: Tương đương với Loại L của Tiêu chuẩn JIS T 8101

■ Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: Đế ngoài/PU (polyurethane),
Chất vải/100% Polyester có sợi dẫn điện,
Lõi ở mũi giày/PC (polycarbonate)
- Điện trở bề mặt: thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$ • Đáp ứng Loại 100

■ Bảng mã kích cỡ

Mã	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27
Kích cỡ (cm)	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0
Mã	-28	-29	-30	-31	-32	-33	-34
Kích cỡ (cm)	25,5	26,0	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0



Đế giày

ỦNG BẢO HỘ PHÒNG SẠCH ASPURE (Loại dài, không có khóa kéo)



Đế giày



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-3913-※	TCBS-NZL	22,5~29,0	¥6,200	04360

☐ MOQ (Đơn vị): 1 đôi ☐ Số lượng trong thùng: 10 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

※ Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm

- Sử dụng loại vải có sợi điện dẫn điện được đan xen, phù hợp với khu vực chống tĩnh điện.
- Thiết kế không có khóa kéo giúp ngăn bụi xâm nhập từ phía trước.
- Khả năng chịu va đập và khả năng chịu áp suất tương đương với Loại L của Tiêu chuẩn JIS T 8101

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Chất vải/100% Polyester có sợi dẫn điện (sọc), Thân trên - Đế ngoài/PU (polyurethane),
Lõi ở mũi giày/PC (polycarbonate)
- Điện trở khối: thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$ • Đáp ứng Loại 100

■ Bảng mã kích cỡ

Mã	-41	-42	-43	-44	-45	-46	-47
Kích cỡ (cm)	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0	25,5
Mã	-48	-49	-50	-51	-52	-53	
Kích cỡ (cm)	26,0	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0	

ỦNG PHÒNG SẠCH ASPURE (Có khóa kéo)



Loại dài



Loại ngắn



Loại dài

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2271-※	TCB-LN	22,0~29,0	¥3,450	04460

☐ MOQ (Đơn vị): 1 đôi ☐ Số lượng trong thùng: 20 đôi

Loại ngắn

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2272-※	TCB-SN	22,0~29,0	¥3,350	04460

☐ MOQ (Đơn vị): 1 đôi ☐ Số lượng trong thùng: 20 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

※ Vải có nhiều màu khác nhau (xanh dương, hồng, xanh lá). Liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin về lô hàng và ngày giao hàng.

※ Nếu bạn sử dụng sản phẩm này trong phòng sạch, cần phải giặt trang phục tùy theo mức độ sạch của phòng sạch trước khi mặc.

■ Đặc điểm (chung)

- Đế giày được làm từ vật liệu chống sốc.
- Chất liệu vải được đan xen với các sợi dẫn điện, phù hợp cho môi trường chống tĩnh điện.

■ Bảng mã kích cỡ

Mã	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27
Kích cỡ (cm)	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0
Mã	-28	-29	-30	-31	-32	-33	-35
Kích cỡ (cm)	25,5	26,0	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0



Đế giày

■ Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: Đế ngoài/PU (polyurethane),
Chất vải/100% Polyester có sợi dẫn điện
- Giá trị điện trở khối: Thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$
- Đáp ứng loại 100

TẮT PHÒNG SẠCH DÙNG MỘT LẦN ASPURE

Mỗi đôi ¥98



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2133-01	MDS-100	Vừa mọi kích cỡ	1 hộp (100 đôi)	¥9,800	04460

☐ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (100 đôi) ☐ Số lượng trong thùng: 3 hộp

■ Đặc điểm

- Tất ống vừa với mọi hình dạng và kích cỡ chân.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester
- Tổng chiều dài: 40cm



Wakayama CIC

Hãy để chúng tôi giúp bạn tạo nên môi trường sạch sẽ

Cung cấp các thiết bị và vật tư tiêu hao phòng sạch được sử dụng để tạo ra môi trường sạch và các mục đích tương tự bằng công nghệ CIC (kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch) và SCC (kiểm soát ô nhiễm bề mặt).

Tiền trình
dịch vụĐặt hàng sản phẩm
Yêu cầu dịch vụ làm sạchCIC (Kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch)
SCC (Kiểm soát ô nhiễm bề mặt)Giao hàng
bằng bao bì sạch



GIÀY BẢO HỘ CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
2-2144-※	SCSS	23,0~30,0	¥4,700	04560

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 10 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Đế ngoài/PU (polyurethane) chống tĩnh điện, Lõi ở mũi giày: PC (polycarbonate), thân trên/Da nhân tạo
- Điện trở khối: $\sim 10^9 \Omega$
- Loại băng dán xé

Bảng mã kích cỡ

Mã	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27
Kích cỡ (cm)	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0	25,5	26,0
Mã	-28	-29	-30	-31	-32	-33	
Kích cỡ (cm)	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0	30,0	

GIÀY BẢO HỘ CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2291-※	TCSS	22,0~29,0	¥4,550	04560

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 10 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Đế ngoài/PU (polyurethane) chống tĩnh điện, Lõi ở mũi giày/PC (polycarbonate), Thân trên/Da nhân tạo
- Điện trở khối: $10^5 \sim 10^9 \Omega$

Bảng mã kích cỡ

Mã	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27
Kích cỡ (cm)	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0
Mã	-28	-29	-30	-31	-32	-33	-35
Kích cỡ (cm)	25,5	26,0	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0

GIÀY CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



Đặc điểm

- Đế giày được làm từ vật liệu chống sốc.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Đế ngoài/PU (polyurethane) chống tĩnh điện, thân trên/Da nhân tạo
- Giá trị điện trở khối: Thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-2270-※	TCSN	22,0~29,0	¥2,050	04560

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 20 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

Bảng mã kích cỡ

Mã	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27
Kích cỡ (cm)	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0
Mã	-28	-29	-30	-31	-32	-33	-35
Kích cỡ (cm)	25,5	26,0	26,5	27,0	27,5	28,0	29,0



Đế giày

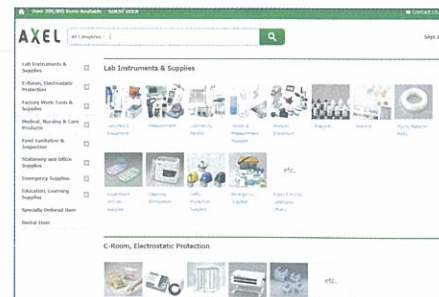
TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

Các tính năng chính

- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chức năng sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>



Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tĩnh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.



Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tĩnh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

GIÀY VELTA ASPURE

Giày để chặn hiện tượng tĩnh điện từ mặt đất - nơi dễ bị bỏ sót!



Giày - Xám

Giày - Trắng



Giày VELTA ASPURE

Mã số đặt hàng	Màu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-4811-※	Xám	22,0~30,0	¥2,270	04660
1-4812-※	Trắng		¥2,270	04660

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 15 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Đế/PU (polyurethane), Thân/Da nhân tạo
- Giá trị điện trở khối: Thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$

Bảng mã kích cỡ

Mã	-01	-02	-03	-04	-05	-06	-07
Kích cỡ (cm)	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	24,5	25,0
Mã	-08	-09	-10	-11	-12	-13	-14
Kích cỡ (cm)	25,5	26,0	26,5	27,0	28,0	29,0	30,0

GIÀY SANDAL CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE

Dùng cho nhân viên văn phòng hoặc khách tham quan tại khu vực áp dụng biện pháp chống tĩnh điện



Giày sandal - Đen

Giày sandal - Trắng



Giày sandal CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE

Mã số đặt hàng	Màu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-7165-02	Đen	S (20~22)	¥2,700	04650
1-4757-04		M (22~24)	¥2,700	04650
1-4757-02		L (24~27)	¥2,700	04650
1-7165-01		LL (27~29)	¥2,700	04650
1-7165-04	Trắng	S (20~22)	¥2,700	04650
1-4757-08		M (22~24)	¥2,700	04650
1-4757-06		L (24~27)	¥2,700	04650
1-7165-03		LL (27~29)	¥2,700	04650

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 30 đôi

Đặc điểm (chung)

- Phần đế được làm từ polyurethane chống tĩnh điện với độ bền cao.
- Loại đế trong tiếp xúc với bàn chân giúp chống mỏi.
- Đặc tính của lớp đệm lót tốt mang lại cảm giác thoải mái.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Đép - Xám

Đép - Trắng

Đép - Đen

Đép VELTA ASPURE

Mã số đặt hàng	Màu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-4814-※	Xám	SS (23,0) ~ 3L (28,0)	¥2,070	04660
1-4815-※	Trắng		¥2,070	04660
1-3918-※	Đen		¥2,100	04660

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 15 đôi

※ Vui lòng xác định kích cỡ theo bảng mã kích cỡ lúc đặt hàng.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Đế/PU (polyurethane), Thân trên/Da nhân tạo
- Giá trị điện trở khối: Thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$

Bảng mã kích cỡ

Mã	-01	-02	-03	-04	-05	-06
Kích cỡ (cm)	SS (23,0)	S (24,0)	M (25,0)	L (26,0)	2L (27,0)	3L (28,0)

Đặc điểm (chung)

- Làm từ vật liệu thoáng khí và lớp đệm rất êm chân.
- Đế PU (polyurethane) rất bền.

Đép CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE

Mã số đặt hàng	Màu	Kích cỡ (cm)	JPY	Số tham chiếu
1-7164-02	Đen	S (20~22)	¥2,430	04650
1-4757-03		M (22~24)	¥2,430	04650
1-4757-01		L (24~27)	¥2,430	04650
1-7164-01		LL (27~29)	¥2,430	04650
1-7164-04	Trắng	S (20~22)	¥2,430	04650
1-4757-07		M (22~24)	¥2,430	04650
1-4757-05		L (24~27)	¥2,430	04650
1-7164-03		LL (27~29)	¥2,430	04650

□ MOQ (Đơn vị): 1 đôi □ Số lượng trong thùng: 30 đôi

Thông số kỹ thuật (chung)

- Vật liệu: Đế/PU (polyurethane) chống tĩnh điện, Thân trên/PU (polyurethane)
- Điện trở khối: Thấp hơn $1,0 \times 10^9 \Omega$



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/tất cả bao bì)

Đây là sản phẩm vô trùng.



GĂNG TAY LÀM MÁT ASPURE

Bảo vệ đôi tay khỏi sức nóng tại nơi làm việc



Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Số đo cánh tay (phần trên/phần dưới) (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7384-01	A2WA-46SW	Trắng	75/105	1 hộp 2 chiếc	¥790	04760
3-7384-02	A2WA-46MW		80/110		¥790	04760
3-7384-03	A2WA-46LW		85/115		¥790	04760
3-7408-01	A2WA-46SB	Đen	75/105		¥790	04760
3-7408-02	A2WA-46MB		80/110		¥790	04760
3-7408-03	A2WA-46LB		85/115		¥790	04760

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (2 chiếc)

※ Vải có nhiều màu khác nhau (xanh dương, hồng, vàng). Liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin về lô hàng và ngày giao hàng.

Mỗi
chiếc ¥395

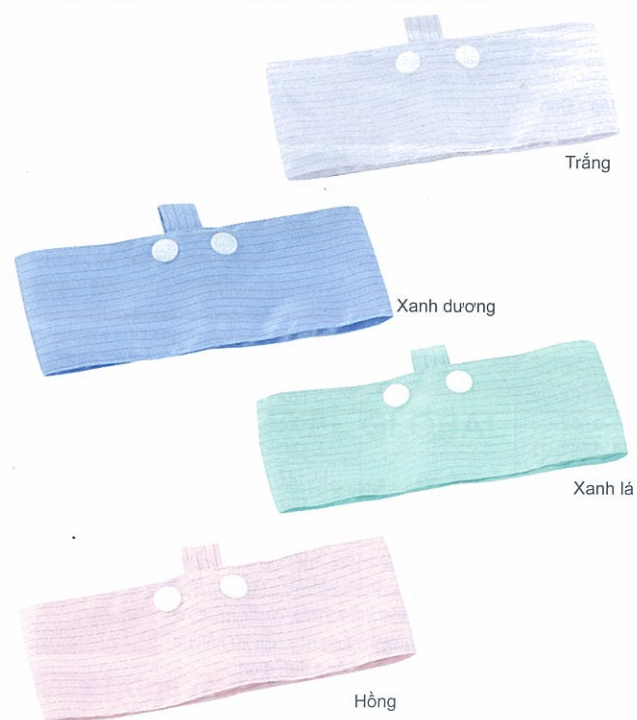
■ Đặc điểm

- Lớp phủ này có tính hút nước hiệu quả và khô nhanh.
- Có thể giặt sạch và sử dụng nhiều lần.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 83% Polyester,
17% PU (polyurethane)
- Tổng chiều dài: 380 mm

ĐAI BĂNG CÁNH TAY ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1729-01	AB-W	Trắng	1 hộp (10 chiếc)	¥5,750	04760
3-1729-02	AB-B	Xanh dương		¥5,750	04760
3-1729-03	AB-G	Xanh lá		¥5,750	04760
3-1729-04	AB-P	Hồng		¥5,750	04760

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc)

■ Đặc điểm

- Loại đai băng cánh tay này có nhiều màu sắc để đánh dấu vai trò nhân sự khác nhau.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (loại sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-8}\Omega/\square$
- Loại quần áo phù hợp: 1-2311~2314-01~07 (tham khảo tr.24),
2-4948~4951-01~05 (tham khảo tr.24)

Mỗi
chiếc ¥575Không
bột

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

TÚI TRONG SUỐT PVC



Mã số đặt hàng	Loại	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-1737-01	Túi đeo vai	400×300×90	¥3,000	04870
3-1737-02	Túi đeo hông	250×160×60	¥2,600	04860

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: -01/25 chiếc, -02/50 chiếc

■ Đặc điểm

- Túi trong suốt, dễ kiểm tra bên trong.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân túi/PVC (polyvinyl chloride), dây đeo/100% Polyester
- Túi đựng những vật dụng nhỏ
- Chỗ giữ bút (chỉ có loại CCB)
- Đường phản quang (chỉ có loại KCIC-1461)



TÚI PHÒNG SẠCH ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dọc×chiều ngang×chiều rộng lớp đệm (mm)	JPY	Số tham chiếu
2-4927-01	A1584	22×31×5,5	¥1,380	04860
2-4927-02	S1717 (có quai)	30×36×5,5	¥1,620	04860

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: 100 chiếc

■ Đặc điểm

- Đây là loại túi đựng phòng sạch được làm từ vật liệu giống như trang phục chống bụi phù hợp với Loại 100.
- A1584 có thể dùng để bảo quản các vật dụng nhỏ.
- S1717 có thể dùng để bảo quản giày và áo liền quần phòng sạch.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester có sợi dẫn điện (sợi)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-8}\Omega/\square$

BAO GIÀY DÙNG MỘT LẦN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
1-3907-51	Vừa mọi kích cỡ	¥9,500	04860

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: vải không dệt PP (polypropylene)
- Số lượng: 1 thùng (100 chiếc/hộp × 10 hộp)



Ký hiệu đóng gói PIC

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

KHĂN LAU

KHĂN LAU MW ASPURE



■ Dữ liệu hạt
●Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μm)	9 inch
0,3 - dưới 0,5	26 hạt
0,5 - dưới 1,0	11 hạt
1,0 - dưới 2,0	5 hạt
2,0 - dưới 5,0	8 hạt
5,0 trở lên	1 hạt

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Mã số đặt hàng	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7373-01	6×6	1 hộp (150 chiếc)	¥2,900	04960
3-7373-02	9×9	1 hộp (100 chiếc)	¥3,400	04960

□MOQ(Đơn vị): -01/1 hộp(150 chiếc), -02/1 hộp(100 chiếc)

■ Đặc điểm

- Vải split đảm bảo khả năng lau chùi tuyệt vời.
- Công nghệ dệt đặc biệt, giúp làm sạch bề mặt hiệu quả theo mọi hướng.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 70% Polyester, 30% PA (nylon)
- Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn
- Phương pháp cắt: Cắt bằng sóng siêu âm

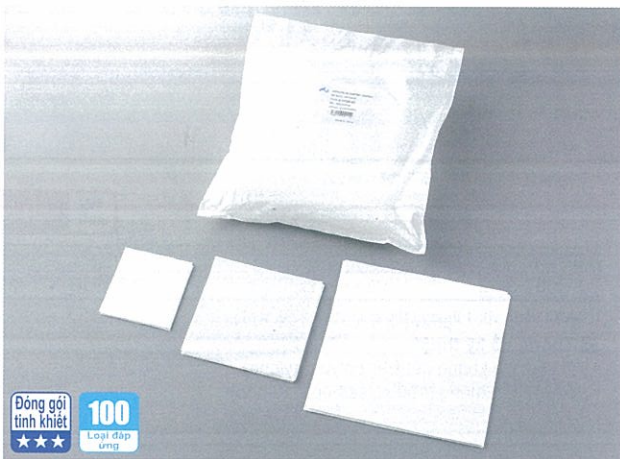
■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong chất lỏng	$\leq 3 \times 10^3 / \text{cm}^2 (> 0,5 \mu\text{m})$
	Trong không khí	$\leq 100 / \text{ft}^3 (> 0,5 \mu\text{m})$
Chất rửa giải	Na ⁺	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	Ca ²⁺	$\leq 0,5 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	Li ⁺	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	K ⁺	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	Mg ²⁺	$\leq 0,2 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	Cl ⁻	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	NO ₂ ⁻	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
	SO ₄ ²⁻	$\leq 0,1 \mu\text{g} / \text{cm}^2$
Trọng lượng		103 g / m ² ± 5%

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU MF TIẾT KIỂM ASPURE

Khăn lau được làm sạch bằng nước tinh khiết và được thiết kế nhằm tạo ra lượng bụi rất nhỏ.



■ Dữ liệu hạt ●Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC ●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923 ●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 cặp mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μm)	9 inch
0,3 - dưới 0,5	72 hạt
0,5 - dưới 1,0	40 hạt
1,0 - dưới 2,0	15 hạt
2,0 - dưới 5,0	16 hạt
5,0 trở lên	0 hạt

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1725-01	AP804MF	4×4	1 hộp (600 chiếc)	¥4,500	04950
3-1725-02	AP806MF	6×6	1 hộp (150 chiếc)	¥2,420	04950
3-1725-03	AP809MF	9×9	1 hộp (150 chiếc)	¥4,700	04950

□MOQ(Đơn vị): -01/1 hộp(600 chiếc), -02-03/1 hộp(150 chiếc)

□Số lượng trong thùng: -01-03/10 hộp, -02/20 hộp

■ Đặc điểm

- Vải split đảm bảo khả năng lau chùi tuyệt vời.
- Hiệu quả kinh tế cao.

■ Thông số kỹ thuật

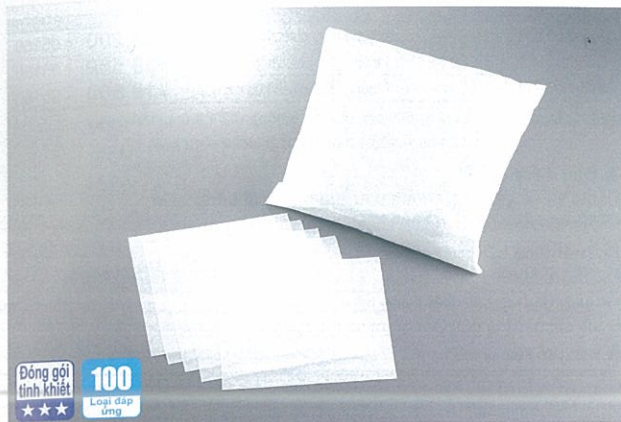
- Vật liệu: 87% Polyester, 13% nylon
- Phương pháp cắt: Cắt bằng laser
- Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị	Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong chất lỏng	$< 3 \times 10^3 / \text{cm}^2$	Chất rửa giải	Br ⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
	Trong không khí	—		F ⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
Cặn bốc hơi	DI	$< 1,2 \text{ mg} / \text{g}$		NH ₄ ⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$
	IPA	$< 1,8 \text{ mg} / \text{g}$		NO ₂ ⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
	Na ⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$		NO ₃ ⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
	Ca ²⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$		PO ₄ ³⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
Chất rửa giải	Li ⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$		SO ₄ ²⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$
	K ⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$	Trọng lượng		130 g / m ²
	Mg ²⁺	$< 2,0 \text{ ppm}$	Khả năng hút nước		$> 195 \text{ g} / \text{m}^2$
	Cl ⁻	$< 2,0 \text{ ppm}$	Độ dày		360 μm

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU PROPREA LW ASPURE



■ Dữ liệu hạt

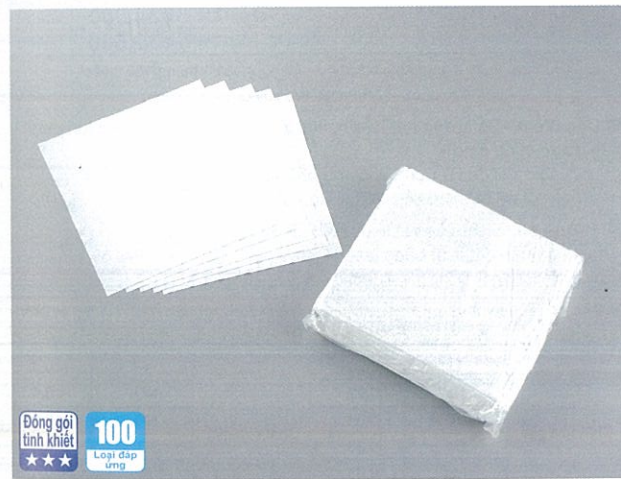
Kích thước hạt (μm)	9 inch
0,3 - dưới 0,5	2 hạt
0,5 - dưới 1,0	4 hạt
1,0 - dưới 2,0	1 hạt
2,0 - dưới 5,0	1 hạt
5,0 trở lên	0 hạt

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

- Địa điểm kiểm tra: Wakayama CIC
- Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923
- Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 đôi mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

KHĂN LAU PROPREA ASPUREII

Vải split mang đến hiệu quả lau chùi vượt trội!



Đóng gói tinh khiết
100
Loại đáp ứng

Mã số đặt hàng	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-3412-01	4×4	1 hộp (300 chiếc)	¥6,400	05060
3-3412-02	6×6	1 hộp (150 chiếc)	¥4,650	05060
3-3412-03	9×9	1 hộp (150 chiếc)	¥8,900	05060

□MOQ(Đơn vị): -01/1 hộp(300 chiếc), -02-03/1 hộp(150 chiếc)

□Số lượng trong thùng: 10 hộp

■ Đặc điểm

- Vải split đảm bảo khả năng lau chùi tuyệt vời.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 75% Polyester, 25% PA (nylon)
- Phương pháp cắt: Cắt bằng laser
- Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong không khí	$\leq 100 / \text{ft}^3 (> 0,5 \mu\text{m})$
Cặn bốc hơi	DI	$< 0,1\%$
	IPA	$< 0,1\%$
Chất rửa giải	Na ⁺	$< 5 \text{ ppm}$
	Ca ²⁺	$< 5 \text{ ppm}$
	Cl ⁻	$< 1 \text{ ppm}$
	NH ₄ ⁺	$< 2 \text{ ppm}$
	NO ₂ ⁻	$< 2 \text{ ppm}$
Trọng lượng		$> 175 \text{ g} / \text{m}^2$
Khả năng hút nước		$> 320 \text{ g} / \text{m}^2$
Độ dày		$> 320 \mu\text{m}$

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Mã số đặt hàng	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4828-53	4×4	1 hộp (100 chiếc)	¥ 4,300	05060
1-4828-51	6×6	1 hộp (100 chiếc)	¥12,000	05060
1-4828-52	9×9	1 hộp (100 chiếc)	¥14,300	05060

□MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc)

□Số lượng trong thùng: -53/48 hộp, -51/30 hộp, -52/12 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 70% Polyester, 30% Nylon
- Phương pháp cắt: Cắt bằng nhiệt
- Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị	Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong không khí	$< 50 / \text{ft}^3 (> 0,5 \mu\text{m})$	Chất rửa giải	NO ₂ ⁻	$< 10 \text{ ppm}$
Chất rửa giải	Na ⁺	$< 5 \text{ ppm}$		SO ₄ ²⁻	$< 5 \text{ ppm}$
	Ca ²⁺	$< 40 \text{ ppm}$	Độ dày	$> 390 \mu\text{m}$	
	Cl ⁻	$< 1 \text{ ppm}$		Khả năng hút nước	
	NH ₄ ⁺	$< 5 \text{ ppm}$	Trọng lượng		$> 210 \text{ g} / \text{m}^2$

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU PHÒNG SẠCH ASPUREII

Vải split mang đến hiệu quả lau chùi vượt trội!



Đóng gói tinh khiết
100
Loại đáp ứng

Mã số đặt hàng	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3928-51	6×6	1 hộp (100 chiếc)	¥ 8,500	05060
1-3928-52	9×9	1 hộp (100 chiếc)	¥10,700	05060

□MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc)

□Số lượng trong thùng: -51/20 hộp, -52/10 hộp

■ Thông số kỹ thuật

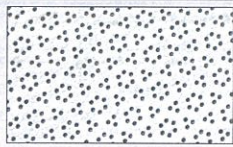
- Vật liệu: 80% Polyester, 20% Nylon
- Phương pháp cắt: Cắt bằng nhiệt
- Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị	Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong không khí	$< 57 / \text{ft}^3 (> 0,5 \mu\text{m})$	Chất rửa giải	NO ₂ ⁻	$< 0,5 \text{ ppm}$
Chất rửa giải	Na ⁺	$< 0,14 \text{ ppm}$		SO ₄ ²⁻	$< 0,5 \text{ ppm}$
	Ca ²⁺	$< 10 \text{ ppm}$	Độ dày	$410 \pm 30 \mu\text{m}$	
	Cl ⁻	$< 0,5 \text{ ppm}$		Khả năng hút nước	
	NH ₄ ⁺	$< 1 \text{ ppm}$	Trọng lượng		$210 \pm 10 \text{ g} / \text{m}^2$

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU THẨM HÚT CR ASPURE



Ảnh phóng đại của sợi vải

Mỗi chiếc

¥13.50

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (inch)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7412-01	ME-1	9×9	1 hộp (100 chiếc)	¥1,350	05360

□MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc)

■ Đặc điểm

•Vải không dệt Melt-blown trên cả hai mặt.

•Vải PP (polypropylene) có khả năng chịu nhiệt cao hơn so với vải của khăn lau polyester.

•Khả năng thấm hút nước vượt trội.

■ Thông số kỹ thuật

•Vật liệu: vải không dệt PP (polypropylene)

•Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

•Thích hợp để khử trùng bằng Autoclave: 121°C, hệ số co ngót ± 5% trong 20 phút thực hiện vô trùng bằng hơi nước

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

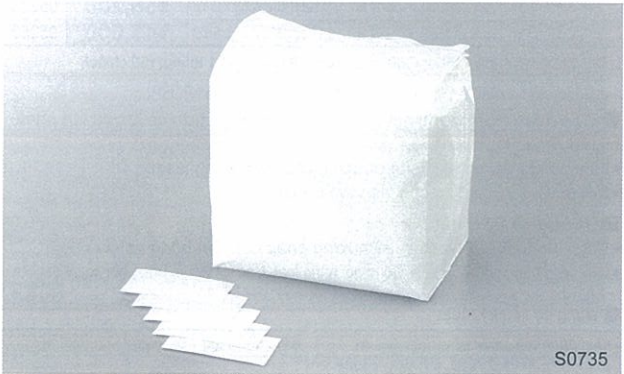
■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Cặn bốc hơi	DI	<2mg/ g
	IPA	<5mg/ g
Chất rửa giải	NO ₃	<20ppm
	SO ₄ ²⁻	<50ppm
	Cl ⁻	<20ppm
Trọng lượng		80±5 g/m ²
Khả năng hút nước		>150ml/㎡
Độ dày		0,4±0,05mm

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU MẬT ĐỘ CAO ASPURE

Khăn lau mật độ cao được làm từ vải không dệt



S0735

- Thông số kỹ thuật •Vật liệu: 50% Polyester, 50% Cellulose
•Kích thước: S0735/70×35mm, WIP-0606/ 6×6 inch, WIP-0612/ 12×12 inch
•Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

KHĂN LAU PREMIUM ASPURE

Loại khăn lau vải không dệt có sợi dài liên tục sử dụng <Bemliese™> với sợi vải ít bị rơi.



Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

6 inches

Mỗi chiếc

¥5.68

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-1715-01	S0735	1 thùng (2400 chiếc/hộp×18 hộp)	¥31,000	05360
3-3411-01	WIP-0606	1 thùng (300 chiếc/hộp×20 hộp)	¥34,100	05360
3-3411-02	WIP-0612	1 thùng (150 chiếc/hộp×10 hộp)	¥19,500	05360

□MOQ(Đơn vị):

3-1715-01/1 thùng(2400 chiếc/hộp×18 hộp),

3-3411-01/1 thùng(300 chiếc/hộp×20 hộp),

3-3411-02/1 thùng(150 chiếc/hộp×10 hộp)

■ Dữ liệu hạt

●Hiện trường giám sát: Wakayama CIC

●Phương pháp đo: Phương pháp xáo trộn JIS B9923

●Dữ liệu đo: Tổng giá trị cho 10 cặp mẫu được chọn ngẫu nhiên (giá trị trung bình sau ba phép đo)

Kích thước hạt (μm)	S0735
0,3 - dưới 0,5	22 hạt
0,5 - dưới 1,0	24 hạt
1,0 - dưới 2,0	13 hạt
2,0 - dưới 5,0	19 hạt
5,0 trở lên	0 hạt

※Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

Mỗi chiếc

¥6.17

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2137-01	SJ231	1 thùng (150 chiếc/hộp×20 hộp)	¥18,500	05350

□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(150 chiếc/hộp×20 hộp)

※ Bemliese™ là loại vải không dệt cellulose có sợi dài liên tục và không chứa chất kết dính, là thương hiệu đã được đăng ký của Công ty Asahi Kasei Fibers Corporation. F42Y314

■ Đặc điểm

• Dễ phân phối.

• Tạo ra lượng bụi thấp, khả năng hút ẩm cao, đặc tính tạp chất thấp, có khả năng kháng dung môi, và đáp ứng được các yêu cầu cao đối với khăn lau cho phòng sạch.

■ Thông số kỹ thuật

• Vật liệu: 100% Cupra, không chứa chất kết dính

• Kích thước: 210 × 220mm

• Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

• Cách gấp: Gấp làm tư

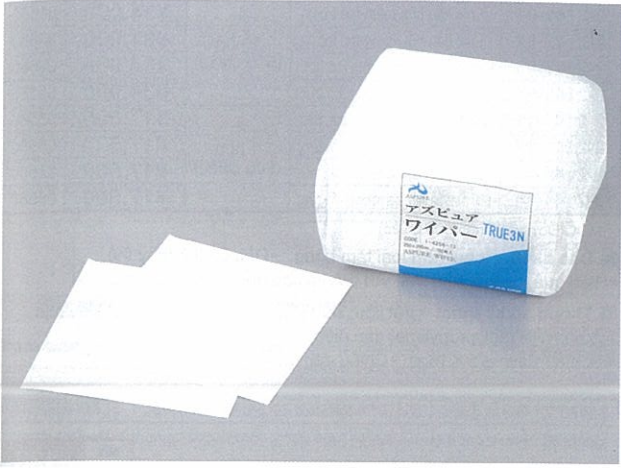
■ Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Vật liệu	Cupra	
Hình dạng sợi vải	Sợi dài liên tục (vỏ tợn)	
Phương pháp định lượng Asahi Kasei để xác định số lượng sợi rơi ra	>100μm 2000 hạt/m ²	
Số lượng hạt	Trong chất lỏng	<1000×10 ⁴ hạt/m ² (> 0,5μm)
	Trong không khí	<3×10 ³ /R ³ (> 0,3μm)

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Chất rửa giải	Nước	400ppm
	IPA	40ppm
	Acetone	50ppm
Ion lấy từ nước	Na	25,0mg/kg
	K	1,3mg/kg
	Ca	<0,16mg/kg
	Cl	4,4mg/kg
Hàm lượng lưu huỳnh		<20mg/kg

※ Đây là các giá trị đo được (không phải là giá trị đảm bảo).

KHĂN LAU ASPURE(Vải không dệt)



Mỗi chiếc

¥4.2

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4256-13	TRUE-3N	1 thùng (100 chiếc/hộp x 30 hộp)	¥12,600	05450

□

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp x 30 hộp)

■

Đặc điểm

•Được làm từ polyester và tơ nhân tạo, với ít xơ hơn.

■

Thông số kỹ thuật

•Vật liệu: 30% Polyester, 70% tơ nhân tạo

•Gấp: Gấp làm tư

•Phân loại mức độ sạch không khí (tiêu chuẩn): khoảng 1000

•Kích thước: 250 x 250mm

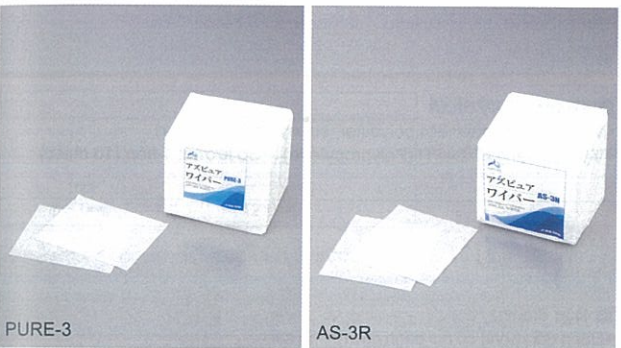
■

Bảng số liệu kỹ thuật

Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Số lượng hạt	Trong chất lỏng	-
	Trong không khí	107 hạt/ft³
Chất rửa giải	Na	9,33ppm
	K	-
	Mg	2,14ppm
	Ca	8,15ppm
	Cl	5,97ppm

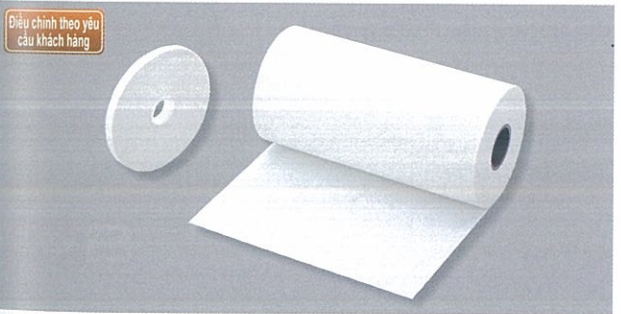
Mục đánh giá	Điều kiện	Giá trị
Trọng lượng		30 g /m²
	Khả năng hút nước	226 g /m²
Lực kéo đứt	Chiều dọc	6,49kg
	Chiều ngang	1,09kg
Độ dày		360μm

KHĂN LAU ASPURE (PURE-3, AS-3R)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4256-02	PURE-3	200×250	1 thùng (100 chiếc/hộp×30 hộp)	¥11,600	05450
1-4256-21	AS-3R	250×250		¥15,700	05450
□MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp×30 hộp)					
■ Đặc điểm					
<PURE-3>					
•Bền và dễ sử dụng.					
<AS-3R>					
•Thấm hút và giữ chất lỏng hiệu quả hơn TRUE-3N.					
•An toàn khi sử dụng với dung môi.					
■ Thông số kỹ thuật					
•Vật liệu: PURE-3/30% polyester, 57% tơ nhân tạo, 13% polyethylene, AS-3R/polyester 30%, 70% tơ nhân tạo					
•Gấp: Gấp làm tư •Phân loại mức độ sạch không khí (tiêu chuẩn): khoảng 1000					

CUỘN KHĂN LAU ASPURE



Vật liệu	Polyester	Vải không dệt	Micro-fiber (87% polyester, 13% PA (nylon))
Chiều ngang (mm)	230~1450	150~600	9~375
Chiều dài (m)	1~100	1~70	1~150
I.D. lõi giấy (mm)	20 - 25 - 40 - 50 - 77	13,5 - 19 - 25 - 38	20 - 25 - 38 - 40 - 77
※Đây là sản phẩm làm theo đơn đặt hàng. Liên hệ với chúng tôi để biết thông tin về giá cả và những chi tiết khác.			
■ Đặc điểm			
•Vật liệu, chiều rộng cuộn và các tính chất khác có thể điều chỉnh theo nhu cầu của khách hàng.			
•Bề mặt bên trong lõi giấy cũng có thể không được bằng phẳng do đưa vào máy tự động.			

BÌNH ĐỰNG CHẤT LỎNG ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Đường kính×Tổng chiều cao (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4612-01	200	φ 85×108	¥1,150	05465
1-4613-01	500	φ 85×140	¥1,300	05465
□MOQ(Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng:10 chiếc				
■ Đặc điểm				
•Một lượng chất lỏng nhất định phun ra, và chất lỏng có thể được giữ lại.				
•Miệng bình không mở, chất lỏng không bay hơi.				
•Chất lỏng ít khi bị đổ ra ngoài cho dù khi bình có rơi xuống đất.				
•Chất lỏng sẽ phun ra chỉ bằng thao tác ấn nhẹ, hiệu quả làm việc cao.				
•Nắp được gắn trên vòi phun chất lỏng để chất lỏng không bị bắn lên.				
■ Thông số kỹ thuật				
•Vật liệu: Thân/ Thủy tinh thông thường, Nắp - Nắp bên trong/PP (polypropylene) , Vòi bơm/Đồng - Ma kền, Ống/PFA (fluororesin)				
•Dung tích: 200/170ml, 500/280ml				



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.

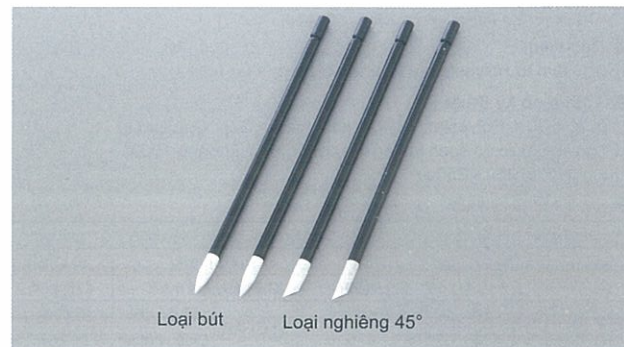


Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

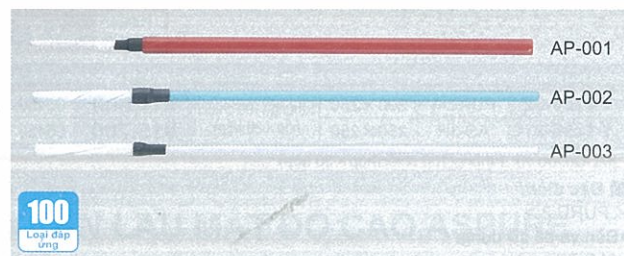


TẮM BÔNG ĐẦU BÚT ASPURE

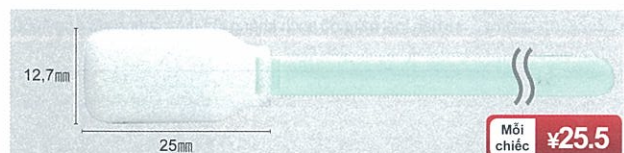
Loại bọt siêu mịn có đặc tính lau chùi vượt trội



TẮM BÔNG PHÒNG SẠCH ASPURE

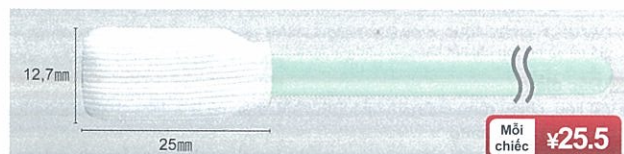


TẮM BÔNG PHÒNG SẠCH ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-01	AP125FCT	125	1 hộp (100 chiếc)	¥2,550	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-02	AP125PCT	125	1 hộp (100 chiếc)	¥2,550	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-04	AP162PCT	162	1 hộp (100 chiếc)	¥2,750	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-06	AP070FCT	70	1 hộp (100 chiếc)	¥1,150	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2141-01	Loại đầu bút, mềm (có trục)	1 hộp (500 chiếc)	¥34,000	05560
2-2141-02	Loại đầu bút, cứng (có trục)		¥34,000	05560
2-2141-03	Loại nghiêng 45°, mềm (có trục)		¥34,000	05560
2-2141-04	Loại nghiêng 45°, cứng (có trục)		¥34,000	05560
2-2141-11	Đầu dùng để thay, loại đầu bút, mềm	1 hộp (500 chiếc)	¥17,500	05560
2-2141-12	Đầu dùng để thay, loại đầu bút, cứng		¥17,500	05560
2-2141-13	Đầu dùng để thay, loại nghiêng 45°, mềm		¥17,500	05560
2-2141-14	Đầu dùng để thay, loại nghiêng 45°, cứng		¥17,500	05560

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(500 chiếc)

Đặc điểm • Ít bụi hơn loại tắm bông. • Đầu có thể thay thế. • Hiệu quả khi thấm bề mặt với IPA và các dung môi khác.

Thông số kỹ thuật • Vật liệu: Đầu/PE (polyethylene) có bọt siêu mịn, Tay cầm/PP (polypropylene) dẫn điện • Kích cỡ đầu: $\phi 5 \times 16\text{mm}$ • Chiều dài: 125mm

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ đầu (mm)	Chiều dài(mm)	JPY	Số tham chiếu
1-2294-01	AP-001	1,25 $\times$ 18,5	146	¥1,380	05550
1-2294-02	AP-002	1,25 $\times$ 15	101	¥1,380	05550
1-2294-03	AP-003	1,25 $\times$ 19,5	150,3	¥1,380	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(10 chiếc) Số lượng trong thùng: 10 hộp

Đặc điểm

Phần đầu ít tạo ra bụi được hàn vào thân chính.

Thông số kỹ thuật

Vật liệu phần đầu: Sợi polyester, sợi nylon (microfiber)
Vật liệu hàng mẫu: PP (Polypropylene) • Số lượng: 1 hộp (10 chiếc)

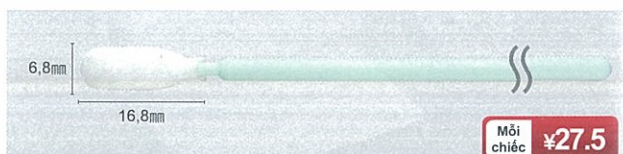


Đặc điểm

Đóng gói không có bụi dành cho phòng sạch. • Phần đầu ít tạo ra bụi được hàn vào thân chính.

Thông số kỹ thuật

Vật liệu phần đầu:
-01, 03, 06 PU (Polyurethane),
-02, 04, 05, 07/Polyester
Vật liệu hàng mẫu: PP (Polypropylene)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-03	AP162FCT	162	1 hộp (100 chiếc)	¥2,750	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-05	AP070PRT	70	1 hộp (100 chiếc)	¥1,150	05550

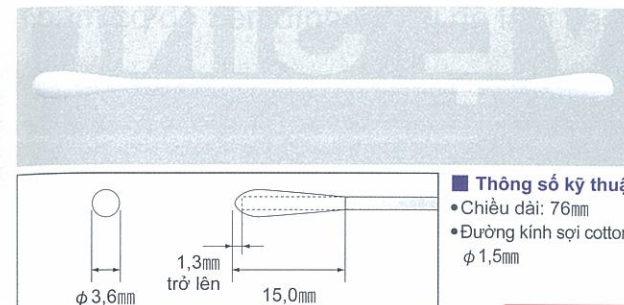
MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài(mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2293-07	AP070PCTS	70	1 hộp (100 chiếc)	¥1,250	05550

MOQ(Đơn vị): 1 hộp(100 chiếc) Số lượng trong thùng: -01- 02/40 hộp, -03-04/50 hộp, -05/200 hộp, -06/100 hộp, -07/5 hộp

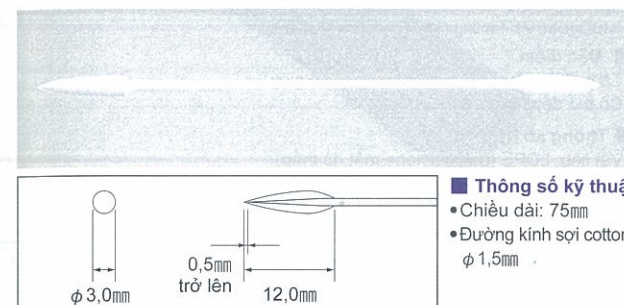
TẮM BÔNG CÔNG NGHIỆP ASPURE



Tắm bông nhỏ trực giấy 3 inch

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-01	AP-1	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 100 hộp)	¥3,700	05655

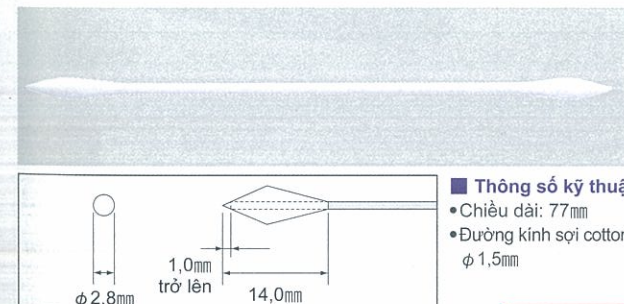
MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 100 hộp) Số lượng trong thùng: 20 thùng



Tắm bông đầu côn dài trực giấy 3 inch

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-03	AP-4AP-3	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp)	¥9,400	05655

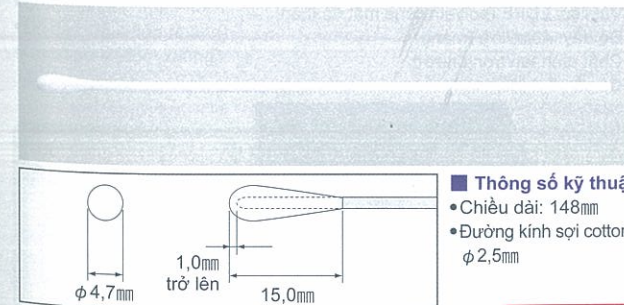
MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp) Số lượng trong thùng: 10 thùng



Tắm bông đầu côn mảnh trực giấy 3 inch

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-05	AP-5	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp)	¥8,200	05655

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp) Số lượng trong thùng: 10 thùng



Tắm bông trực giấy 6 inch

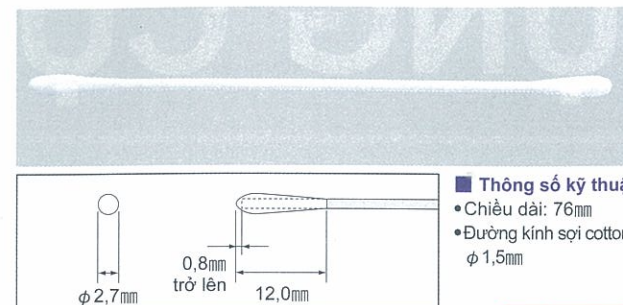
Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-07	AP-7	1 thùng (100 chiếc/hộp $\times$ 10 hộp)	¥2,800	05655

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp $\times$ 10 hộp) Số lượng trong thùng: 20 thùng

Thông số kỹ thuật

Vật liệu: Cotton/100% Cotton thiên nhiên, Trục/Loại que giấy (que nhôm chỉ dành cho loại AP-8)

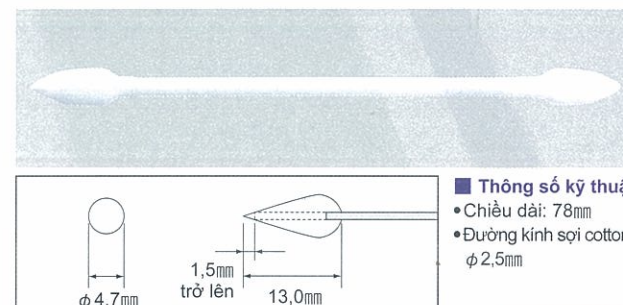
Sản phẩm không được đóng gói trong bao bì sạch.



Tắm bông nhỏ trực giấy 3 inch đầu mảnh

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-02	AP-2	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp)	¥8,200	05655

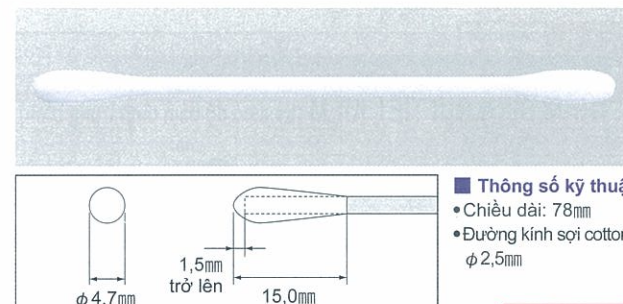
MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 200 hộp) Số lượng trong thùng: 10 thùng



Tắm bông dùng cho mỹ phẩm trực giấy 3 inch

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-14	AP-4	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 50 hộp)	¥2,200	05655

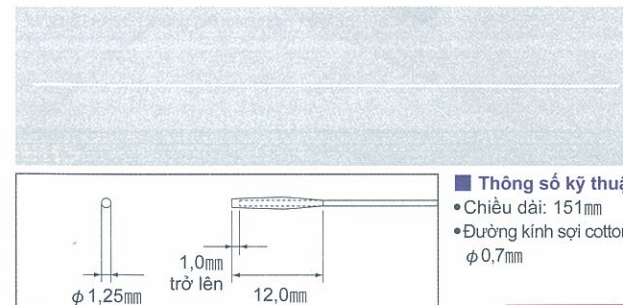
MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 50 hộp) Số lượng trong thùng: 20 thùng



Tắm bông thông thường trực giấy 3 inch

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-16	AP-6	1 thùng (25 chiếc/hộp $\times$ 50 hộp)	¥2,000	05655

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(25 chiếc/hộp $\times$ 50 hộp) Số lượng trong thùng: 20 thùng



Tắm bông 1 đầu, trục nhôm dài 6 inch

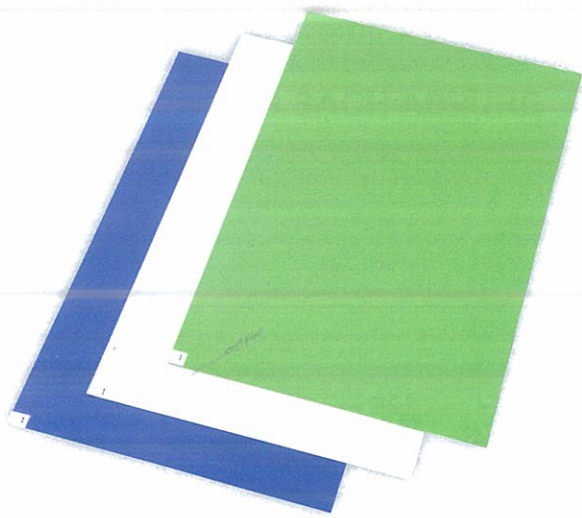
Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-8584-08	AP-8	1 thùng (100 chiếc/hộp $\times$ 1 hộp)	¥3,400	05655

MOQ(Đơn vị): 1 thùng(100 chiếc/hộp $\times$ 1 hộp)

DỤNG CỤ VỆ SINH

THẢM DÍNH BỤI TIẾT KIỆM (Loại có độ bám dính cao)

Thảm dính bụi có hiệu quả kinh tế cao



Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4909-01	Xanh dương	450×900	1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)	¥ 9,450	05760
2-4909-02		600×900		¥15,800	05760
2-4909-03		600×1200		¥24,000	05760
2-4910-01	Trắng	450×900		¥ 9,450	05760
2-4910-02		600×900		¥15,800	05760
2-4910-03		600×1200		¥24,000	05760
3-1735-02	Xanh lá	600×900		¥15,800	05760

600×900mm mỗi tấm ¥52.7

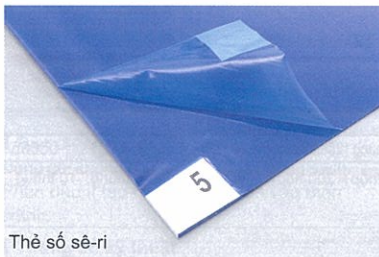
□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)

■ Đặc điểm

- Tấm dính siêu dính loại bỏ bụi trên bề mặt giày.
- Có thể đếm lên.

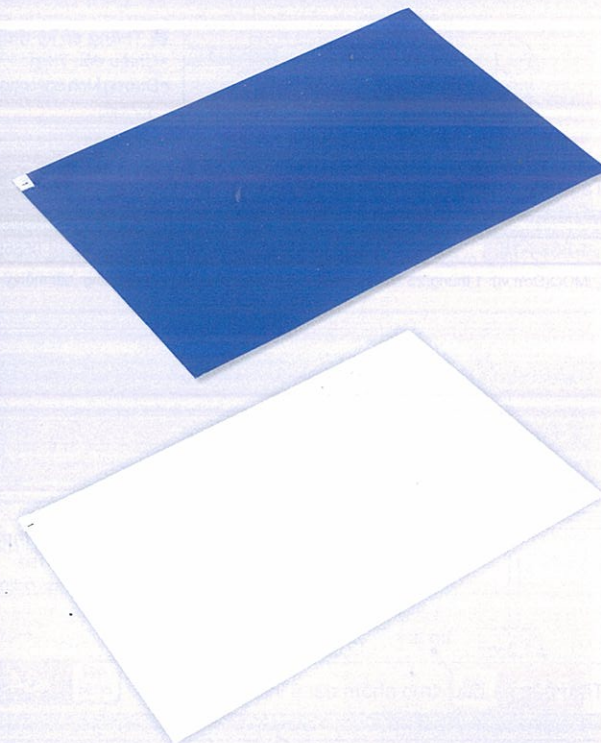
■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: LDPE (polyethylene mật độ thấp)
- Độ dày: 45μm/lớp (màng)
- Chất dính tan trong nước
- Có số sê-ri (đếm lên)



Thẻ số sê-ri

THẢM DÍNH BỤI TIẾT KIỆM (Loại có độ bám dính trung bình)



Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7358-03	Xanh dương	450×900	1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)	¥ 9,450	05760
3-7358-01		600×900		¥15,800	05760
3-7358-04		600×1200		¥24,000	05760
3-7358-05	Trắng	450×900		¥ 9,450	05760
3-7358-02		600×900		¥15,800	05760
3-7358-06		600×1200		¥24,000	05760

600×900mm mỗi tấm ¥52.7

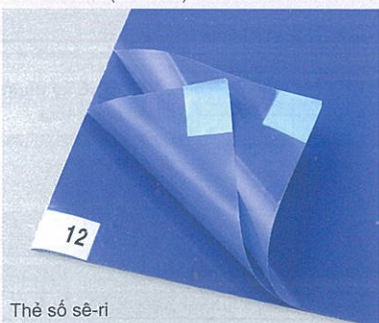
□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)

■ Đặc điểm

- Tấm có độ bám dính cao loại bỏ bụi bẩn khỏi bề mặt giày.
- Có thể đếm lên.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: LDPE (polyethylene mật độ thấp)
- Độ dày: 40μm/lớp (màng)
- Chất dính tan trong nước
- Có số sê-ri (đếm lên)

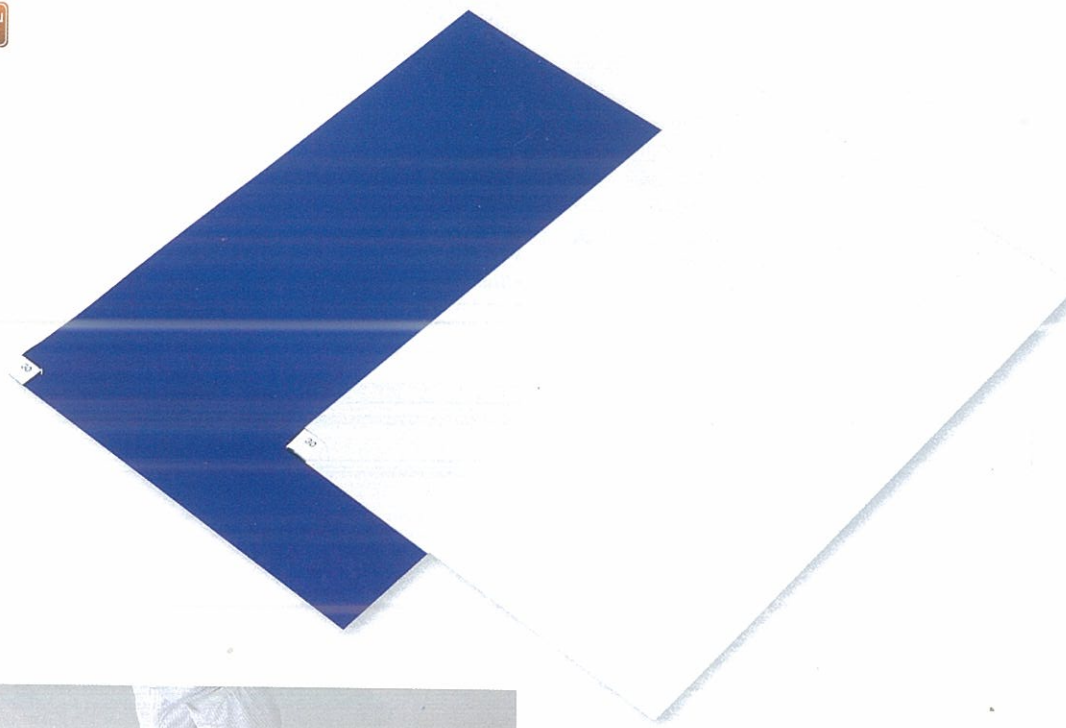


Thẻ số sê-ri

THẢM PHÒNG SẠCH ASPURE

Thảm có độ bền dính tối ưu để làm sạch giày mà không bị cản trở

Điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng



Ví dụ sử dụng



Thẻ số sê-ri

■ Đặc điểm <Chung>

- Có thể đếm xuống.

■ Thông số kỹ thuật <Chung>

- Vật liệu: MDPE (polyethylene mật độ trung bình)
- Chất dính tan trong nước
- Độ dày: 35μm/lớp (màng)
- Có số sê-ri (đếm xuống)

Loại có độ bám dính cao

600×900mm mỗi tấm ¥72.7

Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4250-71	Xanh dương	450×900	1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)	¥17,300	05850
1-4250-72		600×900		¥21,800	05850
1-4250-73		600×1200		¥31,000	05850

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)

Loại có độ bám dính trung bình

600×900mm mỗi tấm ¥72.7

Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-5116-74	Xanh dương	380×700	1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)	¥13,200	05850
1-5116-71		450×900		¥17,300	05850
1-5116-72		600×900		¥21,800	05850
1-5116-73		600×1200		¥31,000	05850
1-4731-73	Trắng	450×900		¥17,250	05850
1-4731-71		600×900		¥21,900	05850
1-4731-72		600×1200		¥31,000	05850

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm × 10 tấm)

Loại có độ bám dính thấp

600×900mm mỗi tấm ¥54.2

Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4822-51	Xanh dương	450×900	1 thùng (60 màng/tấm × 6 tấm)	¥16,100	05860
1-4822-52		600×900		¥19,500	05860
1-4822-53		600×1200		¥25,500	05860

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (60 màng/tấm × 6 tấm)

Góc thông tin sản phẩm Thảm dính bụi <Ví dụ lắp đặt>



Thảm ASPURE dành cho phòng sạch Mã số sản phẩm: 1-5116-72

- Có thể lắp đặt các thảm này ở lối vào và lối ra của nhà máy để làm sạch giày và loại bỏ bất kỳ chất gây ô nhiễm nào.
 - Bằng cách lắp đặt nhiều thảm ở lối vào và lối ra, bạn có thể đảm bảo tất cả nhân viên luôn bước lên các thảm này trước khi vào.
- Hiệu quả loại bỏ bụi: Loại bỏ 99,9% bụi khỏi giày của bạn bằng cách bước mỗi chân lên thảm 5 lần.
- Hiệu quả loại bỏ bụi áp dụng cho sản phẩm đã vượt qua thử nghiệm thành công trước khi được xuất khẩu từ Nhật Bản. Kết quả mô tả ở trên thu được bằng phương pháp thử nghiệm Nhật Bản được hiển thị ở bên phải.
- ※ Giá trị đo được trong phương pháp thử nghiệm thể hiện ở bên phải thu được bằng cách bước lên thảm 5 lần với tải trọng 100 kg.



BAO TAY PHÒNG
SẠCH - BẢO TAY
NGON

TRANG PHỤC

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

Thảm dính
bụiCon lăn
dính bụiBao tay - vải
bám dính

Cây lau

Máy hút bụi

SẢN PHẨM PHÒNG
SẠCHSẢN PHẨM VỎ
TRÙNGCÁC SẢN PHẨM
CHỐNG TÍNH ĐIỆN
(ESD)

THẢM DÍNH BỤI CHỐNG TÍNH ĐIỆN TIẾT KIỆM ASPURE

600×900mm
mỗi tấm ¥65

Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-9086-01	Xanh dương	450×900	1 thùng (30 màng/ tấm×10 tấm)	¥15,000	05950
2-9086-02		600×900		¥19,500	05950
2-9086-03		600×1200		¥27,600	05950

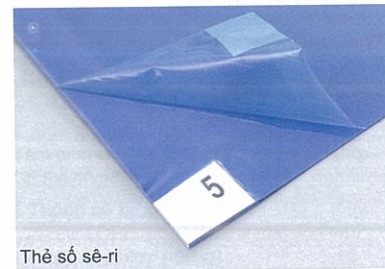
□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm×10 tấm)

■ Đặc điểm

- Có thể đếm lên.
- Mỗi tấm thảm được xử lý bằng chất chống tĩnh điện để giảm tạo ra tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: LDPE (polyethylene mật độ thấp)
- Chất dính tan trong nước có chất chống tĩnh điện
- Độ dày: 45μm/lớp (màng)
- Giá trị điện trở bề mặt (bề mặt có độ bám dính): $10^{8-9}\Omega/\square$
- Có số sê-ri (đếm lên)



Thẻ số sê-ri



THẢM DÍNH BỤI CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE

Điều chỉnh theo yêu
cầu khách hàng600×900mm
mỗi tấm ¥80.3

Loại có độ bám dính trung bình

Mã số đặt hàng	Kiểu	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4737-71	Trắng	Trắng	450×900	1 thùng (30 màng/ tấm×10 tấm)	¥19,600	05950
1-4737-72			600×900		¥24,100	05950
1-4737-73			600×1200		¥33,300	05950
1-4737-74	Xanh dương	Xanh dương	450×900	1 thùng (30 màng/ tấm×10 tấm)	¥19,600	05950
1-4737-75			600×900		¥24,100	05950
1-4737-76			600×1200		¥33,300	05950

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm×10 tấm)

Loại có độ bám dính thấp

600×900mm
mỗi tấm ¥60.8

Mã số đặt hàng	Màu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4823-51	Xanh dương	450×900	1 thùng (60 màng/ tấm×6 tấm)	¥18,500	05960
1-4823-52		600×900		¥21,900	05960
1-4823-53		600×1200		¥27,600	05960

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (60 màng/tấm×6 tấm)

■ Đặc điểm <Chung>

- Chất dính tan trong nước giúp các thảm này phù hợp để sử dụng ở môi trường sạch.
- Thích hợp với nơi làm việc sử dụng dung môi hay chất tương tự, hoặc với khu vực có bảo vệ chống tĩnh điện.
- Có thể đếm xuống.

■ Thông số kỹ thuật <Chung>

- Vật liệu: MDPE (polyethylene mật độ trung bình)
- Chất dính tan trong nước có chất chống tĩnh điện
- Độ dày: 35μm/lớp (màng)
- Giá trị điện trở bề mặt (bề mặt có độ bám dính): $10^{9-11}\Omega/\square$
- Có số sê-ri (đếm xuống)



Ví dụ sử dụng



Thẻ số sê-ri



Bảo vệ chống tĩnh điện

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

Không bột

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để

THẢM DÍNH BỤI DÀNH CHO BUỒNG THỔI KHÍ

Giữ lại bụi và vật thể lạ trong buồng thổi khí.

Độ bám dính trung
bình Mỗi tấm ¥95.7

Mã số đặt hàng	Thông số kỹ thuật	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2148-11	Xanh dương, độ bám dính trung bình	1 tấm	¥2,870	06050
2-2148-12	Trắng, độ bám dính cao	(30 màng/tấm)	¥2,900	06050

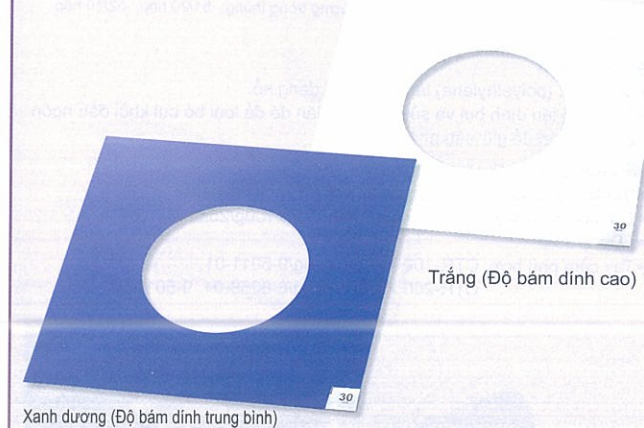
□ MOQ (Đơn vị): 1 tấm (30 màng/tấm) □ Số lượng trong thùng: 20 tấm

■ Đặc điểm

- Được thiết kế để gắn vào tường của buồng thổi khí.
- Giúp nhìn thấy rác và vật thể lạ để đẩy mạnh phương pháp tổ chức nơi làm việc 5S (sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng và sẵn sàng).
- Tấm loại có nhiều lớp, mỗi tấm có thể được bóc ra và vứt đi.
- Có thể đếm xuống.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: MDPE (polyethylene mật độ trung bình)
- Chất dính tan trong nước
- Độ dày: 35μm/lớp (màng)
- Kích cỡ lỗ: φ 150mm
- Kích thước: 300×300mm
- Có số sê-ri (đếm xuống)



Trắng (Độ bám dính cao)

Xanh dương (Độ bám dính trung bình)



Ví dụ sử dụng buồng thổi khí

THẢM DÍNH BỤI KHÁNG KHUẨN ASPURE
(Loại có độ bám dính trung bình)600×900mm
mỗi tấm ¥72.8

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3933-71	4590	450×900	1 thùng (30 màng/ tấm×6 tấm)	¥11,700	06050
1-3933-72	6090	600×900		¥13,100	06050
1-3933-73	60120	600×1200		¥18,600	06050

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 màng/tấm×6 tấm)

■ Đặc điểm

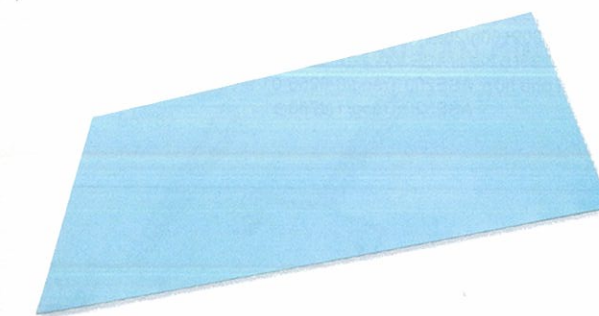
- Với chất dính tan trong nước có đặc tính kháng khuẩn.
- Đặt các thảm này trước lối vào của nơi làm việc không được phép có bụi bẩn để làm sạch dễ dàng.
- Có thể đếm xuống.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: MDPE (polyethylene mật độ trung bình)
- Chất dính tan trong nước (kháng khuẩn)
- Độ dày: 35μm/lớp (màng) • Có số sê-ri (đếm xuống)

THẢM DÍNH BỤI ECO CLEAN

Có thể sử dụng nhiều lần bằng cách lau bằng nước.



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-3456-01	MAT-3-4590AS	450×900	3	¥22,000	06070
1-3456-12	MAT6-0906	900×600	6	¥32,000	06070
1-3456-06	MAT6-1209	1200×900		¥63,000	06070

□ MOQ (Đơn vị): 1 tấm

■ Đặc điểm

- Vừa vận với để giày và hoa văn lốp xe của bánh xe và loại bỏ bụi bẩn.
- Lau bằng nước giúp phục hồi độ dính dễ dàng.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thảm/PU (polyurethane)
- Đặc tính kháng khuẩn • Số lượng: Thảm/1



Ví dụ sử dụng thảm

Ví dụ lau bằng nước

Ví dụ lau bằng nước

KHUNG DÀNH CHO THẢM DÍNH BỤI ASPURE



Loại nhựa

Loại cao su

Loại nhựa

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4251-11	Dành cho 450×900	550×1000	¥ 9,400	06050
1-4251-12	Dành cho 600×900	700×1000	¥ 9,800	06050
1-4251-13	Dành cho 600×1200	700×1300	¥10,800	06050

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Loại cao su

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
6-7585-11	Dưới thảm dành cho 4590	575×1025	¥7,200	06050
6-7585-12	Dưới thảm dành cho 6090	725×1025	¥8,400	06050
6-7585-13	Dưới thảm dành cho 6012	725×1325	¥9,600	06050

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

■ Thông số kỹ thuật

- Số lượng: 1 chiếc



Ký hiệu đóng gói PIC

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



CON LĂN DÍNH BỤI ASPURE (Màng PE)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài X Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4252-51	CTR-100 Xanh dương	100mm X 18m	10 chiếc	¥ 6,300	06150
1-4252-52	CTR-200 Xanh dương	200mm X 18m		¥10,300	06150

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) Số lượng trong thùng: -51/20 hộp, -52/10 hộp

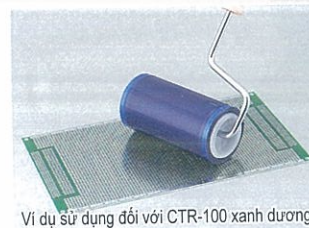
※ Tay cầm là tùy chọn.

■ Đặc điểm

- Màng PE (polyethylene) làm giảm bụi đáng kể.
- Treo con lăn dính bụi và sử dụng con lăn đó để loại bỏ bụi khỏi đầu ngón tay của bạn để giữ sản phẩm sạch sẽ.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/PE (polyethylene), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 50μm /lớp (màng) Lực dính: 500±100g/25mm
- I.D.: φ 38mm
- Tay cầm phù hợp: CTR-100 Xanh dương/9-5011-01
CTR-200 Xanh dương/6-8256-01, 9-5011-02

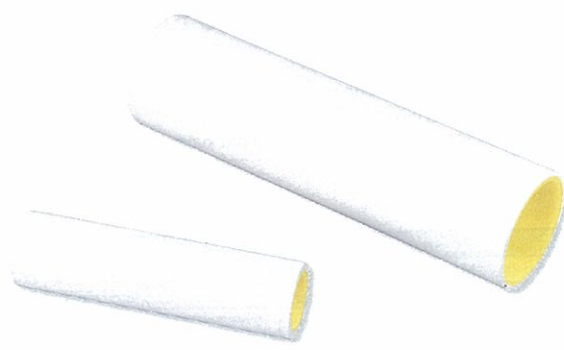


Ví dụ sử dụng đối với CTR-100 xanh dương



Ví dụ sử dụng

CON LĂN DÍNH BỤI CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Màng PE)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài X Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4834-51	ASE200 Trắng	200mm X 20m	10 chiếc	¥17,300	06160
1-4834-52	ASE320 Trắng	320mm X 20m	1 chiếc	¥ 4,850	06160

MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (10 chiếc), -52/1 chiếc
Số lượng trong thùng: -51/10 hộp, -52/25 chiếc

※ Tay cầm là tùy chọn.

■ Đặc điểm

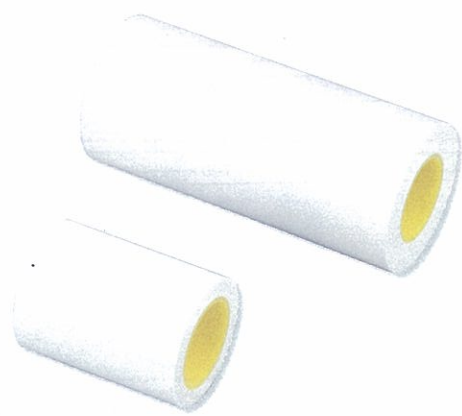
- Mỗi con lăn được xử lý bằng chất chống tĩnh điện để giảm tạo ra tĩnh điện khi tháo màng.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/LDPE (polyethylene mật độ thấp), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 50μm /lớp (màng)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{11}\Omega/\square$
- Lực dính: 300±50g/25mm
- I.D.: ASE200/φ 38mm, ASE320/φ 76mm
- Tay cầm phù hợp: ASE200 Trắng/6-8256-01 9-5011-02,
ASE320 Trắng/1-4760-11



CON LĂN DÍNH BỤI CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Vải không dệt)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài X Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2140-01	NWE80	80mm X 10m	12 chiếc	¥16,100	06160
2-2140-02	NWE160	160mm X 20m	8 chiếc	¥30,000	06160
2-2140-03	NWE320	320mm X 20m	1 chiếc	¥ 9,800	06160

MOQ (Đơn vị): -01/1 hộp (12 chiếc), -02/1 hộp (8 chiếc), -03/1 chiếc
Số lượng trong thùng: -01 02/6 hộp, -03/16 chiếc

※ Tay cầm là tùy chọn.

■ Đặc điểm

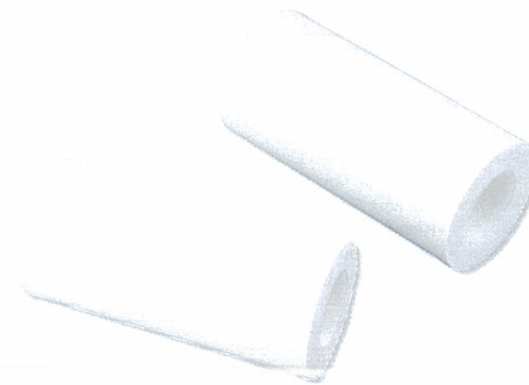
- Con lăn dính bụi chống tĩnh điện chế tạo từ vải không dệt.
- Được trang bị màng ít bụi chế tạo từ vải không dệt.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/vải không dệt, Trục/PE (polyethylene)
- Giá trị điện trở bề mặt: $< 10^{11}\Omega/\square$
- Lực dính: 500±100g/25mm
- Độ dày: 150 (±10)μm
- I.D.: φ 76 (±0,5)mm
- Tay cầm phù hợp: NWE80/2-6277-03 9-5011-01 6-8256-01 9-5011-02,
NWE160/2-6277-05 6-8256-01,
NWE320/1-4760-11 9-5011-02



CON LĂN DÍNH BỤI ASPURE CÓ NHĂM (Màng PE)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài X Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3930-71	CSR-80R	80mm X 15m	10 chiếc	¥11,500	06260
1-3930-72	CSR-160R	160mm X 15m	5 chiếc	¥11,500	06260

MOQ (Đơn vị): -71/1 hộp(10 chiếc), -72/1 hộp (5 chiếc) Số lượng trong thùng: 2 hộp

※ Tay cầm là tùy chọn.

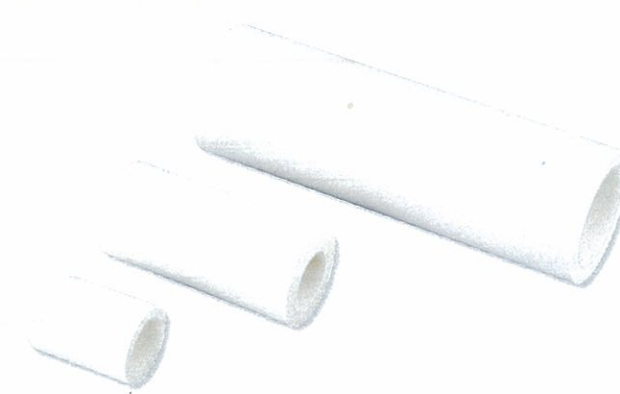
■ Đặc điểm

- Con lăn dính bụi mềm giúp giảm bụi và để lại ít vết bẩn bám dính hơn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/PE (polyethylene), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 200±25μm
- I.D.: φ 38mm
- Màu: Màu trắng sữa
- Lực dính: 150g/25mm trở lên
- Tay cầm phù hợp: CSR-80R/2-6277-03,
CSR-160R/2-6277-05 6-8256-01 9-5011-02

CON LĂN DÍNH BỤI ASPURE (Vải không dệt)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài X Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4760-51	NWR80	80mm X 10m	12 chiếc	¥10,350	06260
1-4760-52	NWR160	160mm X 20m	8 chiếc	¥19,600	06260
1-4760-53	NWR300	320mm X 25m	1 chiếc	¥ 6,300	06260

MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (12 chiếc), -52/1 hộp (8 chiếc), -53/1 chiếc
Số lượng trong thùng: -51-52/6 hộp, -53/16 chiếc

※ Tay cầm là tùy chọn.

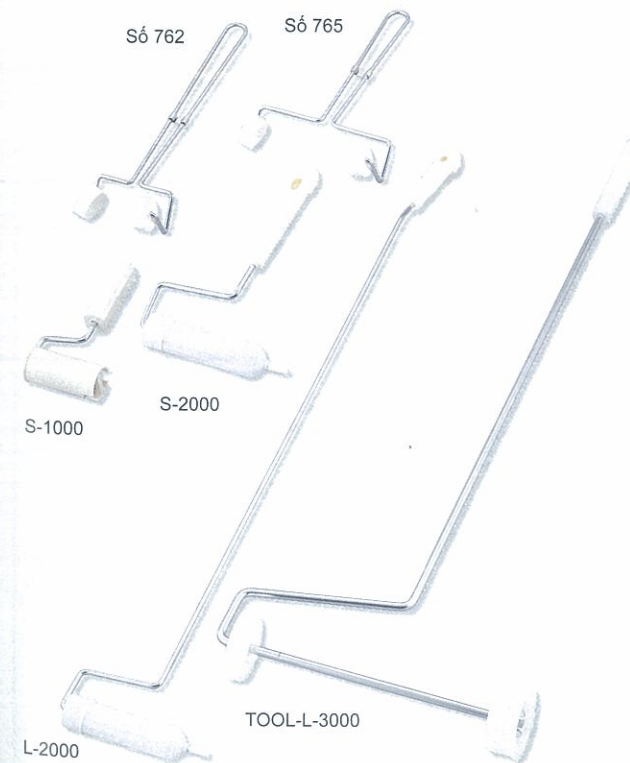
■ Đặc điểm

- Được trang bị màng ít bụi chế tạo từ vải không dệt.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/vải không dệt, Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 110μm
- Lực dính: 500±100g/25mm
- I.D.: NWR80-160/φ 38mm, NWR300/φ 76mm
- Tay cầm phù hợp: NWR80/2-6277-03 9-5011-01 6-8256-01 9-5011-02,
NWR160/2-6277-05 6-8256-01,
NWR300/1-4760-11

TAY CẦM DÀNH CHO CON LĂN DÍNH BỤI



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài phù hợp X Chiều rộng	JPY	Số tham chiếu
2-6277-03	Số 762	80 X 350	¥ 680	06250
2-6277-05	Số 765	160 X 270	¥ 700	06250
9-5011-01	S-1000	80 X 175	¥ 950	06260
6-8256-01	S-2000	160 X 275	¥ 1,000	06260
9-5011-02	L-2000	160 X 1015	¥ 1,200	06260
1-4760-11	TOOL-L-3000	320 X 990	¥21,000	06250

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc
Số lượng trong thùng: 2-6277-05/50 chiếc, 6-8256-01 9-5011-02/10 chiếc,
1-4760-11/5 chiếc

※ Con lăn dính bụi là tùy chọn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu cầm nắm: Số 762, Số 765/Sắt
S-1000/Nhựa ABS
S-2000-L-2000/PE (polyethylene),
TOOL-L-3000/PP (polypropylene)



DỤNG CỤ LÀM SẠCH THỦ CÔNG ASPURE II



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4833-01	APDCR-K6	180×170×φ30	1 chiếc	¥20,000	06360
1-4833-02	APDCR-30A	42×118×φ20		¥13,800	06360
1-4833-03	APDCR-5A	125×φ5		¥4,700	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: -01/10 chiếc, -03/5 chiếc

■ Đặc điểm

- Bản thân con lăn có độ nhớt và không dính.

■ Thông số kỹ thuật

- <APDCR-K6> • Vật liệu: Con lăn/Cao su Silicon, Khung/Nhựa ABS
• Kích thước lăn: 152×φ30mm
- <APDCR-30A> • Vật liệu: Con lăn/cao su silicon, khung/nhôm
• Kích thước lăn: 30×φ20mm
- <APDCR-5A> • Vật liệu: Con lăn/Cao su Silicon, Khung/PE (polyethylene)
• Kích thước đầu: 15×φ5mm



DỤNG CỤ LÀM SẠCH THỦ CÔNG

Có sẵn ba kiểu độ dính.



Đỏ (Loại con lăn chống tĩnh điện - có độ bám dính cao)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Kích thước lăn (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4821-01	PHC-5R	130×φ6	6×φ6	¥6,300	06360
1-4821-02	HR-30R	40×110×20	30×φ20	¥26,500	06360
1-4821-03	HR-150R	177×210×30	150×φ30	¥43,200	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Xanh lá (Loại có độ bám dính trung bình)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Kích thước lăn (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4820-01	PHC-5G	130×φ6	6×φ6	¥5,200	06360
1-4820-02	HR-30G	40×110×20	30×φ20	¥20,100	06360
1-4820-03	HR-150G	177×210×30	150×φ30	¥32,900	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Xanh dương (Loại có độ bám dính thấp)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Kích thước lăn (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4819-01	PHC-5B	130×φ6	6×φ6	¥5,170	06360
1-4819-02	HR-30B	40×110×20	30×φ20	¥20,700	06360
1-4819-03	HR-150B	177×210×30	150×φ30	¥26,500	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

■ Đặc điểm

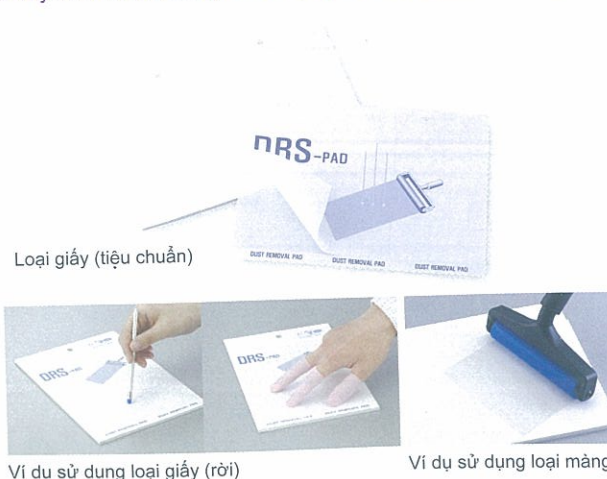
- Bản thân con lăn có đặc tính bám dính và không chứa bất kỳ chất dính nào.
- Sử dụng sản phẩm này cùng với tấm chuyển đổi được bán riêng.

■ Thông số kỹ thuật

- Trọng lượng: PHC-5R/20 g, HR-30R/80 g, HR-150R/220 g
- Vật liệu khung: PHC-5R/Nhựa (acetal), HR-30R/Nhôm, HR-150/Nylon
- Vật liệu con lăn: Polymer
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁸Ω/□(PHC-5R·HR-30R·HR-150R)
- Số lượng: 1 chiếc

GIẤY DÍNH BỤI ASPURE

Chuyển và loại bỏ bụi khỏi dụng cụ làm sạch thủ công.



Loại giấy

Mã số đặt hàng	Loại	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4800-51	Tiêu chuẩn	240×330	1 thùng (50 màng/tấm×10 tấm)	¥27,600	06360
1-4800-53	Rời	240×165	(50 màng/tấm×10 tấm)	¥13,800	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 màng/tấm×10 tấm) □Số lượng trong thùng: -53/4 thùng

※ Các kích thước khác có sẵn theo đơn đặt hàng. Vui lòng yêu cầu chi tiết.

■ Đặc điểm

- Sử dụng màng vải không dệt tạo ra ít bụi.
- Kiểu rời nhỏ để chuyển bụi bẩn từ bao tay hoặc đầu ngón tay.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Giấy, Giấy dính
- Độ dính: Tiêu chuẩn/1200 g/25mm, Rời/800 g/25mm
- Độ dày tấm: 230μm

Loại màng

Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4800-52	195×335	1 thùng (50 màng/tấm×10 tấm)	¥26,500	06360

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 màng/tấm×10 tấm)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng PE (polyethylene), Giấy dính Acrylic
- Độ dính: 600 g/25mm • Độ dày tấm: 80μm

Loại tiêu chuẩn Mỗi tấm ¥55.2

Điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng

Mỗi tấm ¥53

KHĂN LAU DÍNH ASPURE



Loại ống

Loại tấm

Mỗi chiếc (độ bám dính trung bình) ¥100

■ Đặc điểm

- Chứa chất dính giúp cải thiện hiệu suất lau.
- Chế tạo từ 100% polyester, giảm tạo ra xơ vải.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester
- Chất dính tan trong nước
- Phương pháp cắt: Cắt bằng laser

Mã số đặt hàng	Loại	Thông số kỹ thuật	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7369-01	Ống	Độ bám dính cao	130×180	1 hộp (25 chiếc/hộp)	¥4,500	06460
3-7369-02		Độ bám dính trung bình			¥4,300	06460
3-7369-03		Độ bám dính cao	300×400		¥2,700	06460
3-7369-04	Tấm	Độ bám dính trung bình			¥2,500	06460

□MOQ (Đơn vị): 1 hộp (25 chiếc/hộp)
□Số lượng trong thùng: -01-02/15 hộp, -03-04/20 hộp

BAO TAY BẮM DÍNH ASPURE



■ Đặc điểm

- Có tấm chất dính được sử dụng để loại bỏ vật liệu lạ.
- Chất dính có đặc tính dẫn điện làm giảm ô nhiễm nhiều lần do tĩnh điện.
- Có giãn và vừa vặn tuyệt đối.
- Viền trên cổ tay ép chặt để phần mép không bị sờn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% Polyester
- Chất dính tan trong nước có đặc tính dẫn điện
- Màu (cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7370-01	LL	1 hộp (10 đôi/hộp)	¥2,900	06460
3-7370-02	L		¥2,900	06460
3-7370-03	M		¥2,900	06460
3-7370-04	S		¥2,900	06460
3-7370-05	SS		¥2,900	06460

□MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi/hộp)



CÂY LAU PHÒNG SẠCH ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Thông số kỹ thuật	JPY	Số tham chiếu
1-7161-01	CM-WC35SL	Đầu cây lau thay thế (chiều rộng: 380mm)	¥5,750	06550
1-7161-02	SM-WH35/AH-130	Tay cầm (chiều dài: 1350mm)	¥4,260	06550

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: -01/40 chiếc, -02/50 chiếc
※Cây lau đặt trong hộp PIC. ※Tay cầm cây lau được bán riêng.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Thông số kỹ thuật	JPY	Số tham chiếu
1-7162-01	CM-WM370L-L	Đầu cây lau thay thế (chiều rộng: 180mm)	¥5,750	06550
1-7162-02	CM-PH17/AH150	Tay cầm (chiều dài: 1530mm)	¥4,800	06550

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: -01/60 chiếc
※Cây lau đặt trong hộp PIC. ※Tay cầm cây lau được bán riêng.

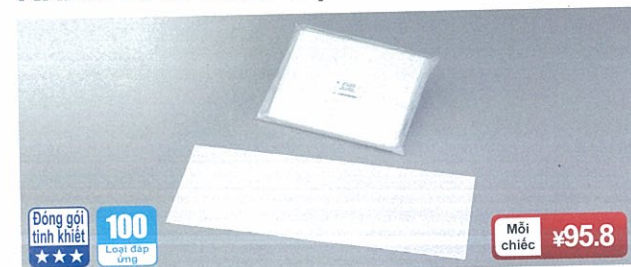
■ Đặc điểm

- Được chế tạo từ sợi polyester dài để giảm đến mức tối thiểu việc tạo ra xơ vải.
- Thích hợp để lau chất lỏng và lau bằng nước. •Đóng gói PIC.

■ Thông số kỹ thuật •Vật liệu cây lau: 100% Polyester
•Phạm vi mở rộng: CM-WC35SL/830 ~ 1350mm
CM-WM370L-L/850 ~ 1530mm

•Số lượng: 1 chiếc

KHĂN LAU SIÊU SẠCH ASPURE (Econo)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4766-54	AS0924	1 thùng (30 chiếc/hộp x 8 hộp)	¥23,000	06550

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (30 chiếc/hộp x 8 hộp)

■ Đặc điểm •Số lượng hạt ít hơn, cận bốc hơi ít hơn và lượng ion phát hiện được cũng ít hơn. •Cạnh cắt bằng nhiệt để giảm đáng kể lượng bụi và xơ vải được tạo ra gần cạnh. •Sợi polyester dài hạn chế đáng kể lượng xơ vải.

■ Thông số kỹ thuật •Vật liệu: 100% Polyester •Kích thước: 9 x 24 inch
•Phương pháp cắt: Cắt bằng nhiệt •Quy cách đóng gói: Đóng gói số lượng lớn

CHỖI CHỐNG TỈNH ĐIỆN & BỘ DỤNG CỤ HÚT RÁC

■ Thông số kỹ thuật
•Vật liệu: nhựa ABS và nhôm
•Điện trở bề mặt: 10⁶ ~ 10⁹Ω



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6461-01	300 x 310 x 780	¥16,400	06550

□MOQ (Đơn vị): 1 bộ

CÂY LAU ASPURE



Cây lau Proprea



Mã số đặt hàng	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7184-01	MC-03	Tay cầm cây lau	1 chiếc	¥11,200	06560
1-7184-13	TP2-M	Cây lau Proprea	1 tấm	¥ 3,800	06560

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: -13/50 chiếc

■ Đặc điểm

- Phần đầu được lót đệm để dễ dàng làm sạch bề mặt gỗ ghe.
- Tay cầm và cây lau ít tự tạo ra bụi hơn, phù hợp cho phòng sạch.

<MC-03>

- Tay cầm có thể điều chỉnh chiều dài, cũng có thể làm sạch tường nhờ trọng lượng nhẹ.

<TP2-M>

- Cây lau có hiệu quả lau chùi vượt trội nhờ phần phẳng sắc của sợi siêu mịn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu cây lau: Polyester - Sợi nylon siêu mịn
- Phạm vi mở rộng: 740 ~ 1400mm
- Kích thước: MC-03/110 x 340 x 1400mm, TP2-M/260 x 375mm

VẢI LAU PROPREA ASPURE II



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7279-51	200 x 200	1 hộp (10 chiếc)	¥4,850	06560

□MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) □Số lượng trong thùng: 50 hộp

※Nếu sử dụng loại vải này trong Loại 100, vui lòng làm sạch vải này trước khi sử dụng.

■ Đặc điểm

- Khăn lau bụi dành cho phòng sạch.
- Sản xuất từ sợi chia nhỏ siêu mịn, mang đến hiệu quả lau chùi vượt trội.

- Bề mặt mép khăn được xử lý đặc biệt giúp giảm đến mức tối đa việc tạo ra bụi.

■ Thông số kỹ thuật •Vật liệu: 67% Polyester, 33% Nylon

•Phương pháp cắt: Cắt bằng nhiệt •Trọng lượng: 210 g/m²

THÙNG CHỐNG TỈNH ĐIỆN

■ Đặc điểm

- Có thể sử dụng cả trong khu vực đo được phóng điện do tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: 10⁵ ~ 10⁹Ω
- Kích thước bên trong: (phần trên) 345 x 235mm (phần dưới) 300 x 190mm (chiều cao) 375mm



Mã số đặt hàng	Kích thước bên ngoài (mm)	thu gom bụi (ℓ)	JPY	Số tham chiếu
3-6568-01	362 x 270 x 379	35	¥6,300	06550

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 10 chiếc

DỤNG CỤ VỆ SINH DÀNH CHO PHÒNG SẠCH



Phụ kiện



DỤNG CỤ VỆ SINH (Dành cho phòng sạch)

Thu được 99,99% bụi 0,15μm.



Ví dụ sử dụng

DỤNG CỤ VỆ SINH (Dành cho phòng sạch)



ULTRA7000



※ Sản phẩm thực tế có màu hơi khác.

■ Đặc điểm

- Máy hút bụi mạnh mẽ với bộ lọc HEPA thu được tất cả bụi và ngăn không xả ra bên ngoài.

■ Thông số kỹ thuật •Áp suất hút: khoảng 19,6kPa (2000mmHgO)

- Lưu lượng không khí: khoảng 1,5m³/min(trung bình)
- Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz Đầu ra 1000W
- Chiều dài dây nguồn: 5m (phích cắm 2 châu nối đất) •Trọng lượng: 18kg

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Dung tích thu gom bụi	JPY	Số tham chiếu
3-1728-01	CR-1	410 x 410 x 560	15 ℓ	¥160,000	06670
3-1728-11	212500	Lớp lọc bằng giấy CR-1 (5 tấm)		¥ 3,200	06670

□MOQ (Đơn vị): -01/1 đơn vị, -11/1 hộp (5 chiếc)

■ Đặc điểm

- Được trang bị bộ lọc ULPA tuân thủ tiêu chuẩn Châu Âu và có khả năng thu gom 99,9995% bụi siêu mịn 0,18-μm.

■ Thông số kỹ thuật •Công suất hoạt động hút: 700W

•Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz •Công suất tiêu thụ: 1kw

•Bộ lọc: ULPA (Tuân thủ tiêu chuẩn Châu Âu (EN1822) U-15)

•Trọng lượng: khoảng 8,6kg

■ Phụ kiện •Vòi (φ 32mm x 2,4m)

•Ống nối dài (51cm x 2 chiếc) •Vòi phun sàn nhà (chiều rộng 36cm)

•Vòi phun khoảng trống (20cm) •Bàn chải tròn (8cm)

•Vòi phun thiết bị (chiều rộng 13cm) •Lớp lọc bằng giấy (5 tấm)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Dung tích thu gom bụi (ℓ)	JPY	Số tham chiếu
7-1032-11	CV-G12CT	1,5	¥82,000	06660
7-1032-02	TN-15	Túi giấy đựng hộp mực (5 tấm)	¥ 1,300	06660

□MOQ (Đơn vị): -11/1 đơn vị, -02/1 hộp (5 chiếc)

■ Đặc điểm

- Loại đồ chứa nhỏ gọn, đính kèm đai đeo vai thuận tiện để mang trong phòng sạch.

- Loại túi giấy mật độ cao có thể được xử lý mà không chạm vào rác.

■ Thông số kỹ thuật •Lực hút: 105W •Bộ lọc xả: Bộ lọc ULPA khử mùi

khử trùng không gây dị ứng - Nano Titanium

•Đường kính hạt thu gom: 0,1μm •Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz

•Chiều dài dây nguồn: 5m với phích cắm 2 châu

•Kích thước phần thân: 576 x 185 x 388mm •Trọng lượng: 6,8kg

■ Phụ kiện •Vòi đàn hồi 1,2m •Ống nối dài đàn hồi

•Kẹp mở móc hút cho sàn nhà (chiều rộng 235mm)

•Kẹp mở móc hút cho vật nhỏ để mở •Kẹp mở móc hút cho kệ hồ

•Kẹp mở móc hút dẻo cho giá kệ •Vòi phun nhỏ nhọn •Đai đeo vai •Dây

•Túi giấy TN-15 (trang bị ở phần thân x 1-túi thay thế x 5)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Dung tích thu gom bụi (ℓ)	JPY	Số tham chiếu
7-1033-01	CV-G104C	4,5	¥105,000	06660
7-1033-03	Bộ lọc CV-G104C003ULPA		¥ 32,000	06690
7-1033-04	Bộ túi giấy TN-45 (5 tấm)		¥ 3,500	06670

□MOQ (Đơn vị): -01/1 đơn vị, -03/1 chiếc, -04/1 hộp (5 chiếc)

■ Đặc điểm

- Có thể sử dụng trong phòng sạch bằng bộ lọc ULPA.

- Tháo xả tốc độ thấp không thổi bụi lên.

- Túi giấy mật độ cao có thể thực hiện tiêu hủy mà không chạm vào rác.

■ Thông số kỹ thuật •Lực hút: 320W •Công suất tiêu thụ: 1,05kW

•Âm thanh hoạt động: 62dB •Kích thước: 327 x 283 x 657mm

•Chiều dài dây: 8m •Trọng lượng: 11,5kg

■ Phụ kiện •Vòi •Kẹp mở móc hút cho sàn nhà

•Ống nối dài đàn hồi •Kẹp mở móc hút dẻo cho giá kệ

•Kẹp mở móc hút cho kệ hồ •Dây

•Túi giấy TN45 (Trang bị ở phần thân x 1-Túi thay thế x 10)

Mã số đặt hàng	Loại	Kích thước (mm)	Dung tích thu gom bụi (ℓ)	JPY	Số tham chiếu
7- 408-01	Ultra 7000	455 x	16	¥270,000	06680
9-4038-01	Ultra 7000 Urupa	420 x 680		¥323,000	06680
7- 408-11	Lọc thô 1 tấm (Để thay thế)			¥ 3,000	06680
7- 408-12	Bộ lọc HEPA 1 tấm (Để thay thế)			¥ 30,800	06680
9-4038-18	Bộ lọc ULPA 1 tấm (Để thay thế)			¥ 66,700	06680
7- 408-13	Vòi hút			¥ 17,000	06680
7- 408-14	Ống nối dài			¥ 4,000	06680
7- 408-15	Bàn chải cọ sàn			¥ 9,000	06680
7- 408-16	Bàn chải tròn			¥ 2,000	06680
7- 408-17	Miệng kệ hồ			¥ 900	06680

□MOQ (Đơn vị): 7-408-01-9-4038-01/1 đơn vị, 7-408-11 ~ 17-9-4038-18/1 chiếc

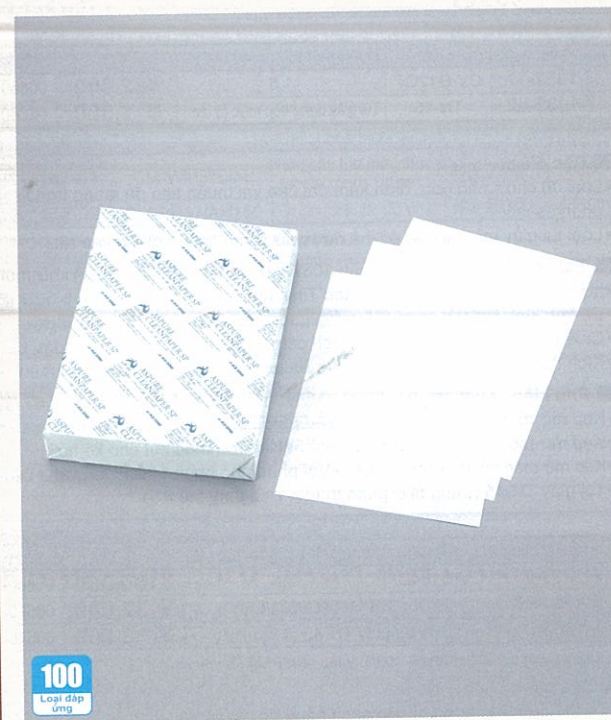
※Không thể hút các hóa chất có độ ăn mòn cao như axit, kiềm và dung môi.

Kiểu	ULTRA7000	ULTRA7000ULPA
Vật liệu	Inox (SUS304)	Bộ lọc/Vải không dệt Tetoron (xử lý chống thấm nước), Bộ phận quạt thổi/Tấm thép, Thùng chứa/ Inox (SUS304)
Đường kính miệng hút	φ 36mm	
Bộ lọc	Mặt chính/Nước đã xử lý, Sơ cấp thứ ba/Bộ lọc HEPA (hiệu quả thu gom: 99,7% trở lên với hạt 0,3μm)	Bộ lọc ULPA (hiệu quả thu gom: 99,995% với hạt 0,1μm)
Phụ kiện	1 bộ chuyên dụng đính kèm, Vòi hút φ 32 x 2m 1 chiếc, Ống nối dài (φ 32 x 0,45m) 2 chiếc, Bàn chải cọ sàn 1 chiếc, Bàn chải cọ miệng kệ hồ 1 chiếc, Bàn chải tròn 1 chiếc	

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

GIẤY PHÒNG SẠCH SP ASPURE

Giấy phòng sạch tạo ra rất ít bụi.



Mỗi chiếc ¥5.0

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2138-01	A4	1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)	¥12,500	06750

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Giấy không bụi có thể tái chế.

■ Thông số kỹ thuật

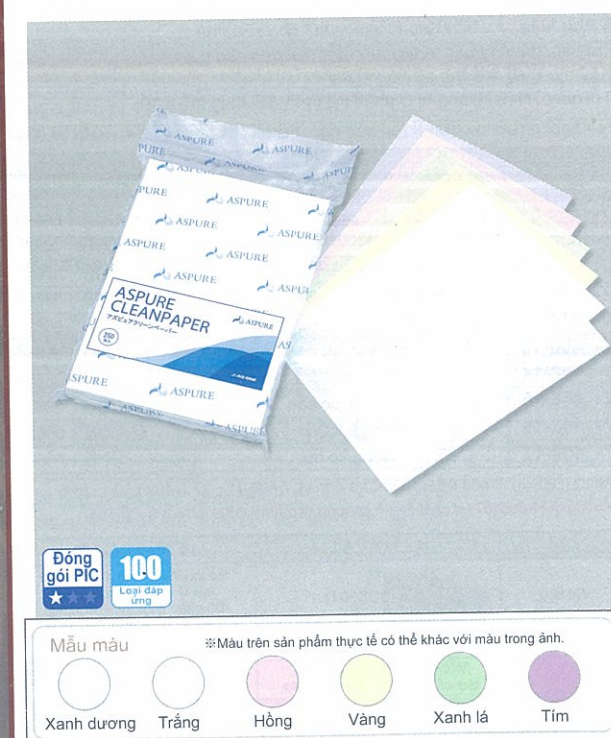
- Vật liệu: Cellulose, Nhựa Polymer tan trong nước
- Mật độ: 72 g/m²
- Màu: Xanh dương
- Sản xuất tại Nhật Bản
- Đáp ứng loại 100

- Tạo hạt (0,3μm trở lên, giá trị tham khảo)

- Phương pháp đo: SEMIG67-0996

Mục	Giá trị (chiếc/cf)
Cọ xát	6
Trộn	8
Xé - Trộn	14

GIẤY PHÒNG SẠCH ASPURE II



Mỗi chiếc ¥5.9

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3068-51	A4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)	¥14,800	06750
1-3068-52		Trắng		¥14,800	06750
1-3068-53		Hồng		¥14,800	06750
1-3068-54		Vàng		¥14,800	06750
1-3068-55		Xanh lá		¥14,800	06750
1-3068-56	A3	Tím	1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp)	¥14,800	06750
1-3068-57		Xanh dương		¥14,800	06750
1-3068-58		Xanh lá		¥14,800	06750
1-3068-60	B4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp)	¥14,800	06750

□ MOQ (Đơn vị): -51 ~ 56/1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp),
-57-58-60/1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp)

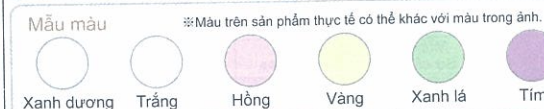
■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cellulose, nhựa polymer tan trong nước
- Mật độ: 72 g/m²
- Đáp ứng loại 100
- Giá trị điện trở bề mặt: <10¹¹Ω/□

- Tạo hạt (0,3μm trở lên, giá trị tham khảo)

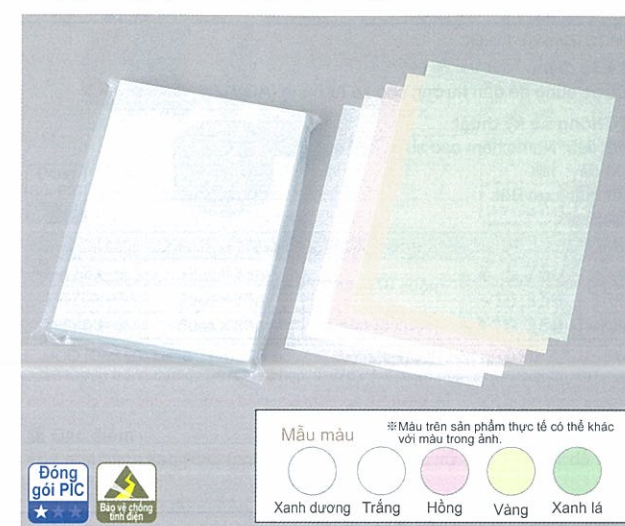
- Phương pháp đo: SEMIG67-0996

Mục	Giá trị (chiếc/cf)
Cọ xát	18
Trộn	20
Xé - Trộn	28



GIẤY PHÒNG SẠCH ASPURE TIẾT KIỆM

Giấy phòng sạch ít bụi giá phù hợp



Mỗi chiếc ¥4.6

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2149-51	A4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)	¥11,600	06850
2-2149-52		Trắng		¥11,600	06850
2-2149-53		Hồng		¥11,600	06850
2-2149-54		Vàng		¥11,600	06850
2-2149-55	A3	Xanh lá	1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp)	¥11,600	06850
2-2149-56		Xanh lá		¥11,600	06850
2-2149-57	A5	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 20 hộp)	¥11,600	06850
2-2149-58	B4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp)	¥11,600	06850

□ MOQ (Đơn vị): -51 ~ 55/1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp),
-56-57-59/1 thùng (250 chiếc/hộp × 5 hộp),
-58/1 thùng (250 chiếc/hộp × 20 hộp)

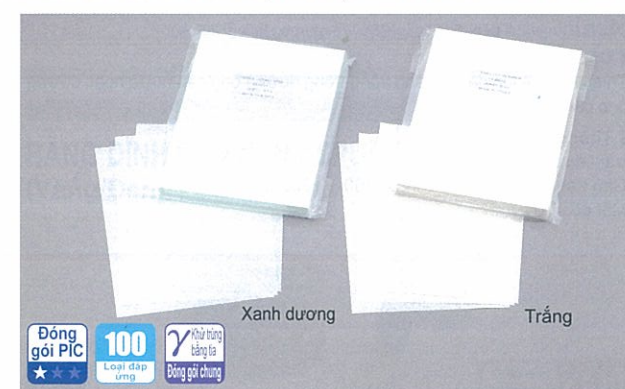
- Thông số kỹ thuật
- Vật liệu: Cellulose, nhựa polymer tan trong nước
- Mật độ: 68 g/m²
- Giá trị điện trở bề mặt: <10¹¹Ω/□

- Tạo hạt (0,3μm trở lên, giá trị tham khảo)

- Phương pháp đo: SEMIG67-0996

Mục	Giá trị (chiếc/cf)
Cọ xát	192
Trộn	23
Xé - Trộn	99

GIẤY PHÒNG SẠCH (VỎ TRÙNG BẢNG TIA Y)



Mỗi chiếc ¥7.8

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4940-01	A4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)	¥19,600	06850
2-4940-02		Trắng		¥19,600	06850

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (250 chiếc/hộp × 10 hộp)

■ Đặc điểm

- Giấy không bụi có thể tái chế.
- Thích hợp cho cả việc viết tay và in bằng máy in.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cellulose và nhựa polymer tan trong nước
- Mật độ: 72 g/m²
- Đáp ứng loại 100 (dấu hiệu thô)
- Vỏ trùng bằng tia Y (đóng gói chung)

SỔ TAY PHÒNG SẠCH ASPURE

Sổ tay giấy phòng sạch dành cho phòng sạch



Mỗi chiếc ¥587

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7170-51	A4	1 hộp (10 chiếc)	¥5,870	06850

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) □ Số lượng trong thùng: 10 hộp

■ Đặc điểm

- Chứa giấy không bụi để sử dụng trong phòng sạch.
- Giấy không bụi có thể tái chế.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Giấy không bụi tái chế có sẵn
- Mật độ: 72 g/m²
- Quyển A: Trang 64 (đường kẻ ngang)
- Giá trị điện trở bề mặt: <10¹¹Ω/□

NHÃN DÁN ASPURE



■ Đặc điểm

- Được làm từ giấy không bụi giúp giảm bụi đến mức tối thiểu.
- Được làm từ giấy tổng hợp, có thể tùy chỉnh số lượng nhãn dán trên mỗi tấm và điều chỉnh hình dạng nhãn dán để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

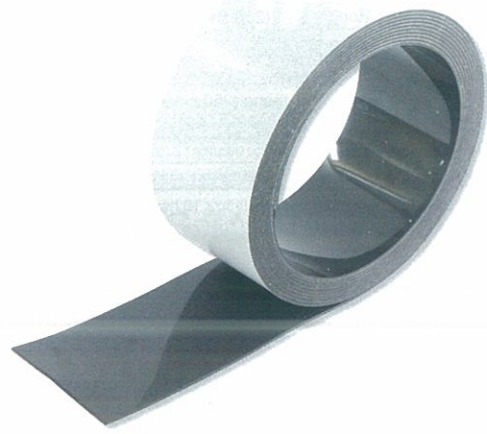
■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Giấy không bụi
- Chất dính: Acrylic
- Kích cỡ: A4
- Độ dày: 92±5μm
- Số lượng: 1 hộp (15.000 tờ)

※ Đây là sản phẩm làm theo đơn đặt hàng. Liên hệ với chúng tôi để biết thông tin về giá cả hoặc kích thước.



BĂNG KEO NAM CHÂM CẢM ỨNG AGV ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng	JPY	Số tham chiếu
3-7361-01	AGV5025	50mm×25m	¥14,000	06960

□ MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

■ Đặc điểm

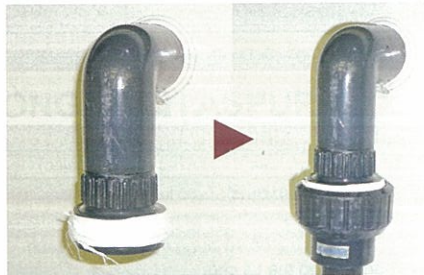
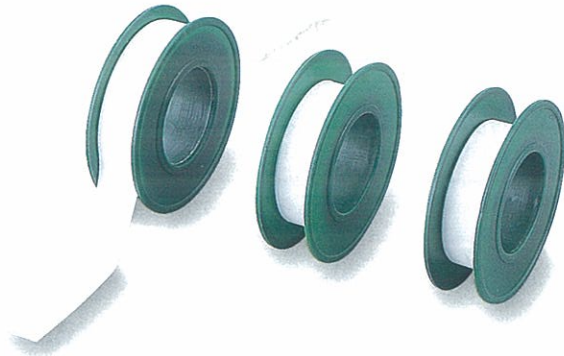
- Được dùng để dẫn hướng cho xe tự hành (AGV).

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nam châm cao su
- Độ dày: 1mm
- Bề mặt: cực Bắc

BĂNG KEO CHỐNG RÒ RỈ ASPURE

mỗi cuộn ¥143.3



Ví dụ sử dụng

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Độ dày (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7057-53	13mm×15m	0,1	1 hộp (6 cuộn)	¥860	06950

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (6 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 200 hộp

■ Đặc điểm

- Thích hợp để lắp đầy khoảng trống trong đường ống cấp nước hoặc đường ống dẫn khí ở phòng sạch.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PTFE (fluororesin)
- Giới hạn nhiệt độ hoạt động: -100 ~ +250°C
- Mật độ: 1,0 g/cm³

MÀNG BẢO VỆ THIẾT BỊ ASPURE

Chiều rộng 510mm mỗi cuộn ¥4,370



Trong suốt

Xanh dương

Mã số đặt hàng	Màu	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4223-01	Trong suốt	510mm×100m	1 thùng (5 cuộn)	¥21,850	06960
2-4223-02		1020mm×100m	1 thùng (2 cuộn)	¥17,250	06960
2-4223-03	Xanh dương	510mm×100m	1 thùng (5 cuộn)	¥21,850	06960
2-4223-04		1020mm×100m	1 thùng (2 cuộn)	¥17,250	06960

□ MOQ (Đơn vị): -01-03/1 thùng (5 cuộn), -02-04/1 thùng (2 cuộn)

■ Đặc điểm

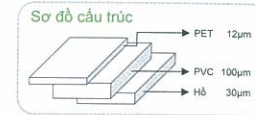
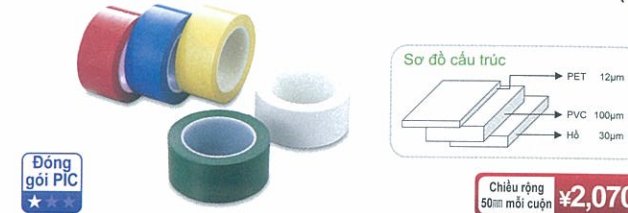
- Bọc quanh lõi nhựa ít bụi.
- Cạnh lõi được vát để làm giảm nguy cơ chấn thương và loại bỏ bụi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng/PE (polyethylene), Chất dính/chất dính tan trong nước
- Độ dày: 50μm
- Lực dính: 220 g f/25mm

BĂNG DÍNH DÁN NỀN ASPURE

Dùng để phân chia phòng sạch



Chiều rộng 50mm mỗi cuộn ¥2,070

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4761-※	12mm×33m	1 hộp (10 cuộn)	¥ 5,750	07050
1-4762-※	25mm×33m	1 hộp (10 cuộn)	¥10,350	07050
1-4763-※	50mm×33m	1 hộp (5 cuộn)	¥10,350	07050

□ MOQ (Đơn vị): 1-4761-1-4762/1 hộp (10 cuộn), 1-4763/1 hộp (5 cuộn)

□ Số lượng trong thùng: 1-4761/12 hộp, 1-4762-1-4763/6 hộp

※ Vui lòng xác định màu theo bảng mã màu lúc đặt hàng.

■ Đặc điểm

- Bề mặt băng keo PVC (polyvinyl chloride) được xử lý bằng PET để tạo ra độ dính tốt hơn.
- Durable để sử dụng trên đường vận chuyển.
- Dễ tháo và không để lại bất kỳ chất bẩn đáng kể nào trên bề mặt.

■ Thông số kỹ thuật • Vật liệu: Thân/Phủ PET bề mặt PVC (vinyl chloride resin), Lõi/PE (polyethylene) • Độ dày: 142μm

■ Bảng mã màu

Mã	-61	-62	-63	-64	-65
Màu	Đỏ	Xanh dương	Vàng	Xanh lá	Trắng

BĂNG DÍNH DÁN NỀN ASPURE
(Vàng/Đen)

Chiều rộng 50mm mỗi cuộn ¥3,100

Mã số đặt hàng	Màu	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4762-67	Vàng/Đen	25mm×33m	1 hộp (10 cuộn)	¥15,500	07050
1-4763-67		50mm×33m	1 hộp (5 cuộn)	¥15,500	07050

□ MOQ (Đơn vị): 1-4762/1 hộp (10 cuộn), 1-4763/1 hộp (5 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 6 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Phủ PET bề mặt PVC (nhựa vinyl chloride), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 142μm

BĂNG KEO ESD ASPURE (Có logo)

Băng keo ESD dành cho môi trường làm việc!

■ Đặc điểm

- Có thể sử dụng làm băng keo đóng gói cho bề mặt dẫn điện và thiết bị bán dẫn.
- Sử dụng lõi nhựa.



Chiều rộng 50mm mỗi cuộn ¥2,660

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7169-52	19mm×50m	1 hộp (10 cuộn)	¥12,000	07050
1-7169-51	50mm×50m	1 hộp (5 cuộn)	¥13,300	07050

□ MOQ (Đơn vị): -52/1 hộp (10 cuộn), -51/1 hộp (5 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 10 hộp

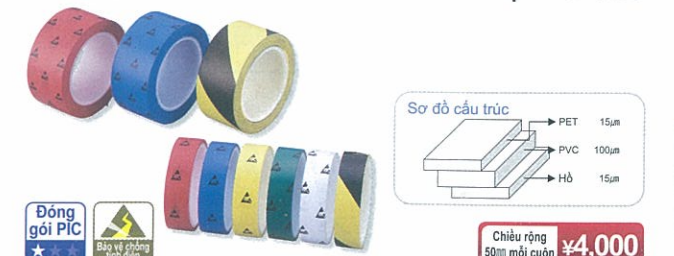
■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PET • Điện trở bề mặt: 10⁷Ω/□ • Độ dày: 50μm
- Độ dính: 600 g/25mm • Màu: Bạc (có lưới ESD, logo ESD)



Ký hiệu đóng gói PIC
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.

BĂNG DÍNH DÁN NỀN PET CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE



Chiều rộng 50mm mỗi cuộn ¥4,000

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4807-※	25mm×33m	1 hộp (10 cuộn)	¥20,000	07060
1-4808-※	50mm×33m	1 hộp (5 cuộn)	¥20,000	07060

□ MOQ (Đơn vị): 1-4807/1 hộp (10 cuộn), 1-4808/1 hộp (5 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 6 hộp

※ Không có logo ESD trên băng keo Vàng/Đen.

※ Vui lòng xác định màu theo bảng mã màu lúc đặt hàng.

■ Đặc điểm

- Thích hợp với nơi cần biện pháp đối phó tĩnh điện trong phòng sạch và đòi hỏi độ bền.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Phủ PET PVC (polyvinyl chloride) trên bề mặt, Lõi/PE (polyethylene) • Độ dày: 130±5μm
- Điện trở bề mặt: Bề mặt băng keo/1×10⁵⁻⁶Ω/□, Chất dính/1×10⁸⁻⁹Ω/□

■ Bảng mã màu

Mã	-51	-52	-53	-54	-55	-56
Màu	Vàng	Trắng	Đỏ	Xanh dương	Xanh lá	Vàng/Đen

BĂNG KEO ĐÁNH DẤU
SÀN NHÀ EPA ESD

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-9983-01	EPAAS50	50mm×33m	1 cuộn	¥4,000	07050

□ MOQ (Unit): 1 cuộn □ Số lượng trong thùng: 30 cuộn

■ Đặc điểm

- EPA (Khu vực bảo vệ chống tĩnh điện) Thích hợp để nhận diện sàn nhà.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Phủ PET bề mặt PVC (nhựa vinyl chloride), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 142±5μm • Giá trị điện trở bề mặt: Bề mặt băng keo/1×10⁶⁻⁸Ω/□, Bề mặt bám dính/1×10¹⁻²Ω/□

BĂNG KEO ESD ASPURE (TRONG SUỐT)

■ Đặc điểm

- Băng keo dính phù hợp để sử dụng trong phòng sạch.
- Có thể dễ dàng cắt bằng tay cho khả năng gia công vượt trội.
- Không chỉ có thể sử dụng làm văn phòng phẩm ở phòng sạch mà còn dùng làm băng keo đóng gói.



Chiều rộng 50mm mỗi cuộn ¥2,040

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3934-51	19mm×50m	1 hộp (10 cuộn)	¥ 7,500	07060
1-3934-52	50mm×50m	1 hộp (5 cuộn)	¥10,200	07060

□ MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 10 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Cellulose, Lõi/PE (polyethylene)
- Điện trở bề mặt: Bề mặt/1×10⁹⁻¹¹Ω/□, Bề mặt bám dính/1×10¹⁰⁻¹¹Ω/□
- Độ dày: 50 (±0,5)μm



Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



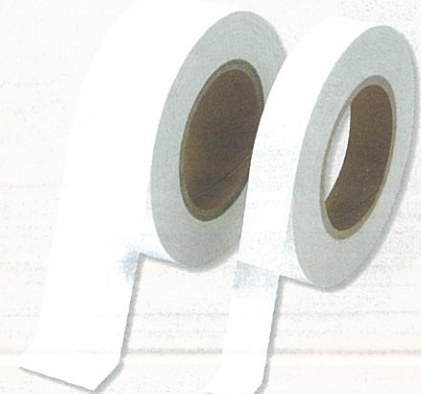
Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.



Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.



BĂNG KEO HAI MẶT CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE

Mua số lượng
nhiều để tiết kiệm5 cuộn chiều rộng
50mm mỗi cuộn

¥5,500~

Mã số đặt hàng	Chiều dài × Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7374-01	25mm × 50m	1 cuộn	¥ 3,000	07160
3-7374-02	50mm × 50m		¥ 6,000	07160
3-7374-51	25mm × 50m	1 hộp (10 cuộn)	¥27,500	07160
3-7374-52	50mm × 50m	1 hộp (5 cuộn)	¥27,500	07160

□ MOQ (Đơn vị): -01/02/1 cuộn, -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn)
 □ Số lượng trong thùng: -01/80 cuộn, -02/40 cuộn, -51/8 hộp, -52/20 hộp

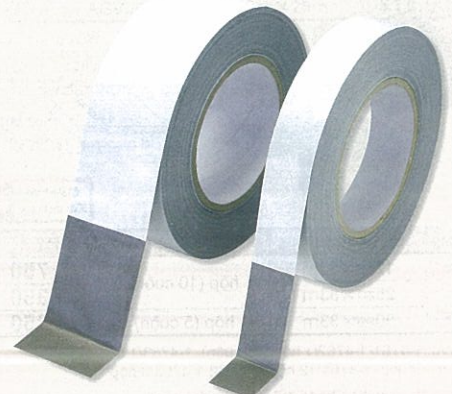
■ Đặc điểm

- Băng keo hai mặt duy trì hiệu quả chống tĩnh điện.
- Thích hợp với nơi làm việc đòi hỏi biện pháp chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: polyester, Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 55±2μm • Lực dính: 1000±100g/25mm
- Điện trở bề mặt: ≤10⁹Ω

BĂNG KEO HAI MẶT DẪN ĐIỆN ASPURE

Mua số lượng
nhiều để tiết kiệm5 cuộn chiều rộng
50mm mỗi cuộn

¥19,200~

Mã số đặt hàng	Chiều dài × Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7375-01	25mm × 50m	1 cuộn	¥10,000	07160
3-7375-02	50mm × 50m		¥20,000	07160
3-7375-51	25mm × 50m	1 hộp (10 cuộn)	¥96,000	07160
3-7375-52	50mm × 50m	1 hộp (5 cuộn)	¥96,000	07160

□ MOQ (Đơn vị): -01/02/1 cuộn, -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn)
 □ Số lượng trong thùng: -01/80 cuộn, -02/40 cuộn, -51/8 hộp, -52/20 hộp

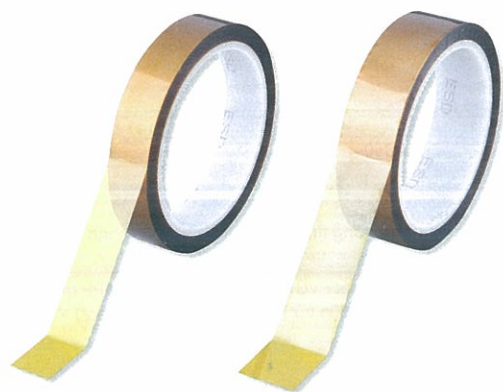
■ Đặc điểm

- Băng keo hai mặt duy trì hiệu quả chống tĩnh điện.
- Thích hợp với nơi làm việc đòi hỏi biện pháp chống tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vải không dệt, Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 50±5μm • Lực dính: 1100±100g/25mm
- Điện trở bề mặt: ≤0,05Ω/cm

BĂNG KEO CHỊU NHIỆT ASPURE

Chiều rộng
19mm mỗi cuộn

¥2,036

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài × Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3022-51	CCT130AS	19mm × 33m	1 hộp (14 cuộn)	¥28,500	07150
1-3022-52		25mm × 33m	1 hộp (10 cuộn)	¥25,300	07150

□ MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (14 cuộn), -52/1 hộp (10 cuộn) □ Số lượng trong thùng: 18 hộp

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vật liệu nền/polyimide, Chất dính/silicon, Lõi/PE (polyethylene)
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁸Ω/□ trở xuống
- Độ dày: 65 (±6)μm
- Lực dính: 650 (±70)gf/25mm
- Giới hạn nhiệt độ cho phép: 220°C (30sec)

■ Ứng dụng

- Để dùng cho mặt nạ trong quá trình hàn bằng in.
- Để cách điện chịu nhiệt cho thiết bị điện và máy móc điện tử.
- Để bảo vệ chịu nhiệt, v.v...

DỤNG CỤ CẮT BĂNG KEO BẰNG INOX



Ví dụ sử dụng

Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
3-3373-01	CQ-507	¥17,000	07170

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

■ Đặc điểm

- Được làm từ inox và có thể được sử dụng trong phòng sạch hoặc ở nơi làm việc yêu cầu bảo vệ khỏi ô nhiễm vật liệu lạ.
- Phần đế được trang bị đệm lót cao su an toàn để dụng cụ cắt không bị rơi.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/inox (SUS304), đế/NBR (cao su nitrile)
- Băng keo phù hợp: Chiều rộng/25mm, chiều rộng lõi/76mm

BỘ LẮN BỤI



Ví dụ sử dụng

Ví dụ sử dụng gương

Mã số đặt hàng	Loại	Kích thước (mm)	Trọng lượng (kg)	JPY	Số tham chiếu
2-7351-01	Có gương	668 × 334 × 1800	khoảng 11	¥63,400	07270

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

※ Cũng có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Vui lòng liên hệ với chúng tôi.

■ Đặc điểm

- Được trang bị gương để kiểm tra việc treo con lăn.
- Có thể cuộn ba con lăn cùng lúc.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Thuốc chống nấm kháng khuẩn (Ông thép + nhựa AAS mốc và mốc kháng khuẩn)
- Kích thước gương: 600 × 600mm
- Có sọt rác (30 l)

GIÁ TREO



HAN-A1200

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-2089-01	HAN-A1200	1200 × 400 × 2000	¥42,000	07250
3-2089-02	HAN-A1500	1500 × 400 × 2000	¥44,000	07250
3-2089-03	HAN-A1800	1800 × 400 × 2000	¥46,000	07250

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

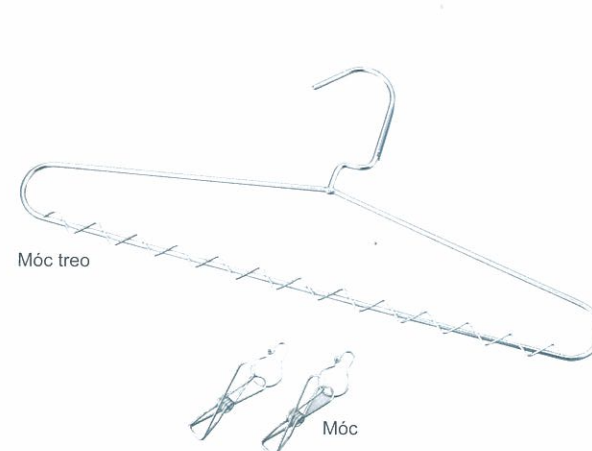
■ Đặc điểm

- Cao 2m, đủ để treo trang phục chống bụi mà không chạm sàn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Inox (SUS304)
- Bánh xe đẩy: φ 50mm làm từ nylon urethane (có móc hãm chéo)

MÓC TREO INOX



Móc treo

Móc

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-2000-01	Móc treo	1 hộp (10 chiếc)	¥5,300	07260
3-2000-11	Móc	1 hộp (6 chiếc)	¥ 700	07260

□ MOQ (Đơn vị): -01/1 hộp (10 chiếc), -11/1 hộp (6 chiếc) □ Số lượng trong thùng: -11/100 hộp

■ Đặc điểm

- Móc treo đi kèm với thẻ tên, có thể đặt con dấu.
- Nhờ dùng móc, có thể treo tất cả khẩu trang và bao tay trên móc treo.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu móc treo: Inox (SUS304)
- Kích thước móc treo: 420 × 178,5mm



Ví dụ sử dụng móc



Ví dụ sử dụng thẻ tên

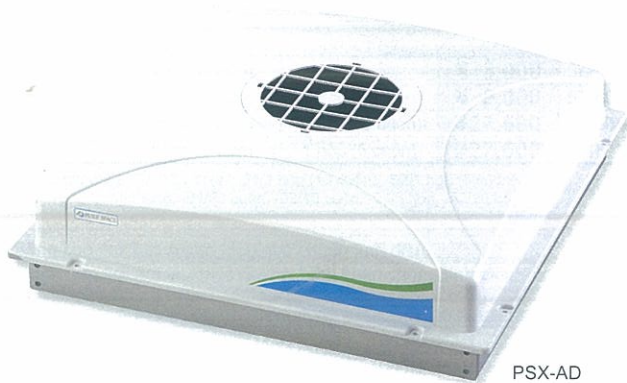


THIẾT BỊ LỌC KHÍ

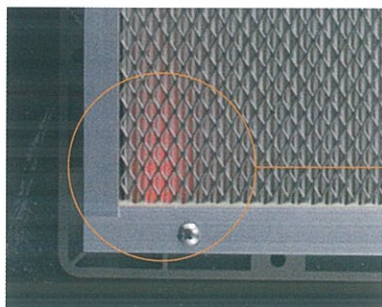
Bộ lọc HEPA khử mùi/kháng khuẩn cho không khí sạch hơn



PSV-AD



PSX-AD



Đèn LED là thiết bị tiêu chuẩn và cho phép kiểm tra nhanh xem quạt có đang hoạt động không!

Khi hoạt động (đèn LED, phía bộ lọc)

THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 01 (Loại bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn)



PS01-AD

THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 05 (Loại lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	JPY	Số tham chiếu
3-1425-01	PSV-AD	Có điều khiển từ xa	¥100,000	07370
3-1425-02	PSV-AD (Không R)	Không có điều khiển từ xa	¥ 98,000	07370
3-1425-11	PSV-05AD	Thay thế bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn	¥ 37,000	07370
1-7884-12	PSVX-PF	Thay thế bộ lọc thô	¥ 900	07370

□MOQ (Đơn vị): 3-1425-01/02/1 đơn vị, 3-1425-11-1-7884-12/1 chiếc
※ Nếu không có bộ điều khiển từ xa không dây thì không thể hoạt động riêng. Thiết bị này trở thành bộ phận dùng để kết nối như biểu đồ bên dưới.

THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 10 (Loại bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	JPY	Số tham chiếu
3-1426-01	PSX-AD	Có điều khiển từ xa	¥132,000	07370
3-1426-02	PSX-AD (Không R)	Không có điều khiển từ xa	¥130,000	07370
3-1426-11	PSX-10AD	Thay thế bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn	¥ 53,000	07370
1-7884-12	PSVX-PF	Thay thế bộ lọc thô	¥ 900	07370

□MOQ (Đơn vị): 3-1426-01/02/1 đơn vị, 3-1426-11-1-7885-12/1 chiếc
※ Nếu không có bộ điều khiển từ xa không dây thì không thể hoạt động riêng. Thiết bị này trở thành bộ phận dùng để kết nối như biểu đồ bên dưới.

■ Đặc điểm

- Hoạt động với động cơ DC tiết kiệm điện, có thể điều chỉnh lưu lượng không khí của thiết bị này trong 5 bước.
- Đèn LED được gắn vào bề mặt bộ lọc giúp duy trì khả năng hiển thị hoạt động quạt.
- Đơn giản chỉ cần gắn vào bu lông và kết nối với ổ cắm, thiết bị này sẽ tạo ra môi trường sạch.
- <Có điều khiển từ xa>
- Bộ điều khiển từ xa có dây được cung cấp theo tiêu chuẩn cho phép BẬT/TẮT nguồn và điều chỉnh lưu lượng không khí dễ dàng.
- Đèn chỉ báo trên bộ điều khiển từ xa sáng lên để thể hiện thời điểm nên thay bộ lọc sau khi sử dụng khoảng 4.000 giờ.
- Nhiều bộ phận có thể được kết nối bằng cách gắn thành hàng để kiểm soát giúp cung cấp cùng một bước. THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 05 và 10 có thể được sử dụng chung.

■ Thông số kỹ thuật

Kiểu	Thiết bị lọc khí, 05	Thiết bị lọc khí, 10
Lưu lượng không khí	Quy định 5 bước/khoảng 5m³/min (tiêu chuẩn), khoảng 4m³/min, khoảng 3m³/min, khoảng 2m³/min (IM LẠNG), khoảng 6m³/min (TỐC ĐỘ SẠCH)	Quy định 5 bước/khoảng 10m³/min (tiêu chuẩn), khoảng 8m³/min, khoảng 6m³/min, khoảng 4m³/min (IM LẠNG), khoảng 11m³/min (TỐC ĐỘ SẠCH)
Vận tốc gió	Tiêu chuẩn: khoảng 0,5m/s (tối thiểu 0,2m/s)	
Mức độ sạch của cửa thông gió	Loại 100	
Kích thước bộ lọc HEPA khử mùi kháng vi trùng	450 × 450 × 50mm	610 × 610 × 50mm
Hiệu quả thu gom bụi của bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn	99,97% trở lên (hạt 0,3μm)	
Vật liệu thân	ABS (nhựa acrylonitrile butadiene styrene)	
Động cơ	Động cơ không chổi DC	
Nguồn cấp điện	AC100V, 50/60Hz, khoảng 52W (300W tối đa lúc khởi động)	AC100V, 50/60Hz, khoảng 86W (300W tối đa lúc khởi động)
Chiều dài dây nguồn	5m (Phích cắm 3 chấu)	2m
Chiều dài dây điều khiển từ xa	2m	
Kích thước/Trọng lượng	494 × 494 × 134mm/khoảng 8,6kg	654 × 654 × 134mm/khoảng 11kg
Phụ kiện	Bộ lọc và bộ lọc thô HEPA kháng khuẩn/khử mùi	

※ Chỉ dành cho loại có điều khiển từ xa

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-1423-01	PS01-AD	260×260×149	¥32,000	07370
3-1423-11	PS01-1AD	Thay thế bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn	¥10,000	07370
1-7883-12	PS01-PF	Thay thế bộ lọc thô	¥ 900	07370

□MOQ (Đơn vị): 3-1423-01/1 đơn vị, 3-1423-11-1-7883-12/1 chiếc

※ Đính kèm bộ lọc thô và bộ lọc HEPA

■ Đặc điểm

- Có thể dễ dàng tạo ra môi trường sạch.
- Đơn giản chỉ cần kết nối thiết bị này với ổ cắm AC100V giúp cung cấp khoảng 1m³/min không khí sạch thông qua bộ lọc HEPA kháng khuẩn/khử mùi.
- Bộ lọc thô trên bề mặt trần nhà có thể dễ dàng thay thế.
- Thân bằng nhựa trọng lượng nhẹ.

■ Thông số kỹ thuật

- Lưu lượng không khí: khoảng 1m³/min
- Tốc độ không khí: khoảng 0,5m/s
- Kích thước bộ lọc HEPA kháng khuẩn/khử mùi: 200 × 200 × 50mm
- Hiệu quả thu gom bụi của bộ lọc HEPA kháng khuẩn/ khử mùi: 99,97% trở lên (hạt 0,3μm)
- Vật liệu thân: Nhựa ABS
- Động cơ: Động cơ AC
- Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz 36/38W
- Chiều dài dây nguồn: 1,8m (phích cắm điện 2 chấu)
- Trọng lượng: khoảng 3,2kg

THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 01 (Có thiết bị khử tĩnh điện)



PS01-ION

Thiết bị bộ lọc quạt được trang bị thiết bị khử tĩnh điện cung cấp không khí sạch.

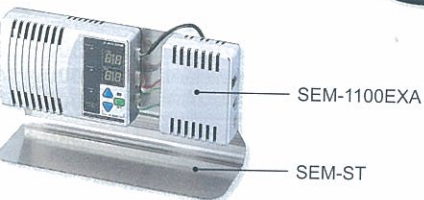


PURE-NIZER

Đơn giản chỉ cần cài đặt sản phẩm này vào thiết bị bộ lọc quạt của bạn để đảm bảo cung cấp không khí sạch.

THIẾT BỊ GIÁM SÁT XUNG QUANH

Để giám sát môi trường hạt mịn



Thiết bị đầu ra analog - Ví dụ sử dụng để

■ Đặc điểm

- <SEM-1100>
- Hiện thị kết quả tương đương với loại 1000 ~ 100000 ở 10 mức độ.
- Hiện thị mức độ sạch cập nhật mỗi 5 giây.
- Đo cả nhiệt độ và độ ẩm, có đo môi trường đa năng.
- <SEM-1100EXA>
- Có đầu ra bên ngoài của mức hạt, nhiệt độ và độ ẩm.
- Phát ra âm thanh báo động khi nhận tín hiệu đầu ra báo động được gửi từ phần thân (hệ thống chuyển mạch BẬT/TẮT báo động).
- Có thể xuất kết quả đo ra thiết bị bên ngoài bằng jack cắm đầu ra báo động.
- Có thể xuất dữ liệu ra máy tính bằng cách sử dụng bộ chuyển đổi đo lường analog hoặc bảng đầu vào analog có sẵn trên thị trường.
- <SEM-ST>
- Đây là để để bàn để lắp đặt thiết bị giám sát xung quanh và thiết bị đầu ra.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-2009-11	PS01-ION	Bộ thiết bị khử tĩnh điện	260×395×215	¥118,000	07470
3-2009-02	PURE-NIZER	Chỉ thiết bị khử tĩnh điện	257×395×66	¥ 90,000	07470

□MOQ (Đơn vị): 1 đơn vị

※ PS01-ION có bộ lọc thô và bộ lọc HEPA khử mùi kháng khuẩn.

■ Đặc điểm

- Thiết bị bộ lọc quạt có bộ thiết bị khử tĩnh điện, nguồn cấp tĩnh thái ra không khí sạch.
- PURE - NIZER được đặt trên thiết bị bộ lọc quạt hiện tại của bạn Có thể dễ dàng thái ra không khí sạch.

■ Thông số kỹ thuật

- <Thiết bị bộ lọc quạt>
- Lưu lượng không khí: khoảng 1m³/min
- Tốc độ không khí: khoảng 0,5m/s
- Kích thước bộ lọc HEPA kháng khuẩn/khử mùi: 200 × 200 × 50mm
- Hiệu quả thu gom bụi của bộ lọc HEPA kháng khuẩn/khử mùi: 99,97% trở lên (hạt 0,3μm)
- Vật liệu: Nhựa ABS
- Động cơ: Động cơ AC
- Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz 36/38W
- Chiều dài dây nguồn: 1,8m (phích cắm 2 chấu)
- Trọng lượng: khoảng 3,2kg
- <PURE-NIZER>
- Phương pháp tạo ion: Phương pháp xả điện hoa áp lực cao DC
- Cân bằng ion: ±30V trở xuống (Khi sử dụng THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 01)
- Lượng ozone tạo ra: Ít hơn 0,05ppm (trước 50mm)
- Thời gian khử tĩnh điện: 5 giây trở xuống (khi sử dụng THIẾT BỊ LỌC KHÍ - 01)
- Nguồn cấp điện: AC100V 50/60Hz
- Công suất tiêu thụ: 50W
- Trọng lượng: 3,2kg

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-9078-11	SEM-1100	Thân + Bộ cảm biến	148,9×100×36	¥128,000	07470
1-9078-21	SEM-1100EXA	Thiết bị đầu ra analog	77,4×100×34	¥ 21,000	07470
1-9078-22	SEM-ST	Để để bàn	253,4×92,8×146,8	¥ 4,000	07470

□MOQ (Đơn vị): -11-21/1 đơn vị, -22/1 chiếc

※ Hạt là biến hiện mức độ sạch, không phải con số.

■ Thông số kỹ thuật

- <SEM-1100EXA>
- Đầu ra analog: 4 ~ 20mA/FS
- Cờ tích hợp (có công tắc BẬT/TẮT)
- Nguồn cấp điện: DC12V (được cấp từ thân)
- Cấp đầu ra analog × Chiều dài: 1,5m, Bề mặt thiết bị/Giắc cắm mô-đun 6 chấu, Bên ngoài/Không có jack cắm
- <SEM-ST>
- Phụ kiện: Cáp kết nối phần thân × 2 ống, Cáp đầu ra analog, Kim loại cố định
- Vật liệu: Inox (SUS304)

Kiểu	SEM-1100
Đường kính hạt phù hợp	0,3μm trở lên
Thời gian lấy mẫu	5min
Thời gian cập nhật đo	5sec
Phạm vi nhiệt độ đo	0 ~ 60°C*1
Phạm vi độ ẩm đo	10 ~ 95%RH*1
Hiện thị mức độ sạch	Đèn LED hiển thị mức độ sạch (áp dụng Loại)
Hiện thị mức độ sạch	10 bước trong mức độ đáp ứng Loại 100 ~ Loại 100.000 100-1.000-2.000-3.000-5.000-10.000-20.000-30.000-50.000-100.000
Đo mức độ sạch	Phương pháp tán xạ ánh sáng
Phương pháp lấy mẫu	Sử dụng dòng vận động đi lên từ bộ gia nhiệt bên trong
Đầu ra báo động	Đèn LED hiển thị mức độ sạch (áp dụng Loại) được đặt đầu ra bộ thu thập mở tùy ý
Vị trí lắp đặt	Vị trí thẳng đứng (trong ±3°)
Nguồn cấp điện	AC100V 50/60Hz (bao gồm bộ sạc AC)
Trọng lượng	Thân: 270 g
Phụ kiện	Điều chỉnh kim loại treo tường

※ 1 Chỉ thực hiện bằng bộ cảm biến.

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG

BAO TAY CAO SU LATEX VÔ TRÙNG ASPURE (Loại nhám đầu ngón tay)



Mỗi đôi **¥155**

■ Đặc điểm

- Vô trùng bằng tia Y.
- Thiết kế 3 chiều dành riêng cho tay để dễ mang vào.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex • Không bột
- Chiều dài: khoảng 300mm (12 inch) • Độ dày: khoảng 0,14mm (lòng bàn tay)
- Loại dành riêng cho tay
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói riêng)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-3371-01	SS	1 thùng (1 đôi/hộp × 200 hộp)	¥31,000	07560
3-3371-02	S		¥31,000	07560
3-3371-03	M		¥31,000	07560
3-3371-04	L		¥31,000	07560
3-3371-05	LL		¥31,000	07560

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1 đôi/hộp × 200 hộp)

BAO TAY SIÊU SẠCH (Cao su latex, không bột)

Bao tay giá phù hợp được vô trùng bằng tia Y và làm sạch với nước siêu tinh khiết!



Mỗi đôi **¥220**

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
6-906-51	ST	L	1 thùng (50 chiếc (Bên trái) + 50 chiếc (Bên phải))	¥11,000	07560
6-906-52		M		¥11,000	07560
6-906-53		S		¥11,000	07560

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc (Bên trái) + 50 chiếc (Bên phải)) □ Số lượng trong thùng: 10 thùng

■ Đặc điểm

- Được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết (16MΩ trở lên), đặt trong hộp sạch được rửa kỹ theo tiêu chuẩn loại 100.
- Bao tay dành riêng cho tay được đóng gói 50 bao gồm đóng gói kép bên trong được làm sạch bằng chất làm sạch chống tĩnh điện.
- Thoải mái khi làm việc nhờ dễ kéo giãn và vừa khít.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex
- Không bột
- Bao tay bên trái và bên phải được đóng gói riêng
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói chung)

Đóng gói sạch Ký hiệu đóng gói tinh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.

Đóng gói sạch Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG Bao tay - Khẩu trang - Quần áo

KHẨU TRANG 3 LỚP VÔ TRÙNG ASPURE (Loại dây đeo tai)



Mỗi chiếc **¥28.5**

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-3372-01	S3PME-S	1 thùng (50 chiếc/hộp × 20 hộp)	¥28,500	07650

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp × 20 hộp)

■ Đặc điểm

- Đóng gói riêng để sử dụng không lãng phí khẩu trang sau khi mang trong phòng sạch sinh học.
- Vô trùng bằng tia Y, để sử dụng tại nơi làm việc không cho phép có vi khuẩn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vải không dệt • Vô trùng bằng tia Y (25 kGy, đóng gói riêng)
- Loại 3 lớp • Kích thước phần thân: 180 × 95mm



KHẨU TRANG VÔ TRÙNG DÙNG MỘT LẦN



Đeo qua tai

Dây đeo qua đầu

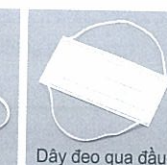
Đeo qua tai Mỗi chiếc **¥40**

Mã số đặt hàng	Loại	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-491-01	Đeo qua tai	1 thùng (1 chiếc/hộp × 30 hộp)	¥1,200	07660
1-491-02	Dây đeo qua đầu	1 thùng (1 chiếc/hộp × 30 hộp)	¥1,300	07660

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1 chiếc/hộp × 30 hộp) □ Số lượng trong thùng: 24 thùng

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Bộ lọc/PP (polypropylene) Vải không dệt, Kẹp mũi/PE (polyethylene)
- Cấu trúc 3 lớp • Vô trùng bằng tia Y • 30 chiếc/hộp × 50 hộp



TRANG PHỤC PHÒNG SẠCH CHIẾU XẠ BẰNG TIA GAMMA (Dùng một lần)

Lý tưởng để làm trang phục bảo hộ cơ bản!



Với cao su vừa khít

Thắt eo đàn hồi (lưng)

Có dây đeo căng chân



Mỗi chiếc **¥1,690**

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Chiều cao phù hợp (cm)	Vòng ngực phù hợp (cm)	JPY	Số tham chiếu
2-818-01	VGW-01S	S	152 ~ 164	76 ~ 92	¥33,800	07665
2-818-02	VGW-02M	M	158 ~ 170	84 ~ 104	¥33,800	07665
2-818-03	VGW-03L	L	164 ~ 182	92 ~ 112	¥33,800	07665
2-818-04	VGW-04XL	XL	170 ~ 188	96 ~ 124	¥33,800	07665

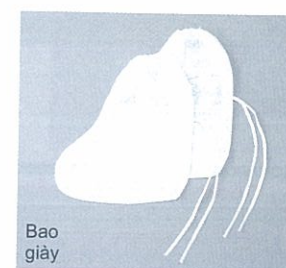
MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1 chiếc/hộp × 20 hộp)

■ Đặc điểm

- Vô trùng bằng tia Y (15kGy) và lý tưởng để làm trang phục bảo hộ cơ bản trong không gian quản lý, phòng sạch và hơn thế nữa.
- Tính linh hoạt vượt trội và thoáng khí với hiệu quả ngăn chặn tốt.
- Mỗi túi có chỉ báo đã vô trùng.
- Xử lý loại bỏ bụi sau khi may.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vải không dệt SMS
- Dấu hiệu thô của Mức độ: Loại 10000
- Thành phần: 1 bộ (áo liền quần với mũ trùm, bao giày)/túi × 20 túi
- Vô trùng bằng tia Y (có giấy chứng nhận bức xạ)



Bao giày

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG

Bao tay - Khẩu trang - Quần áo

Khăn lau - Sổ tay - Đồ chứa

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)



BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG

Bao tay - Khẩu trang - Quần áo

Khăn lau - Sổ tay - Đồ chứa

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

KHĂN LAU PHÒNG SẠCH VÔ TRÙNG ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2261-01	AP5509	1 thùng (50 chiếc/hộp x 15 hộp)	¥35,700	07750

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (50 chiếc/hộp x 15 hộp)

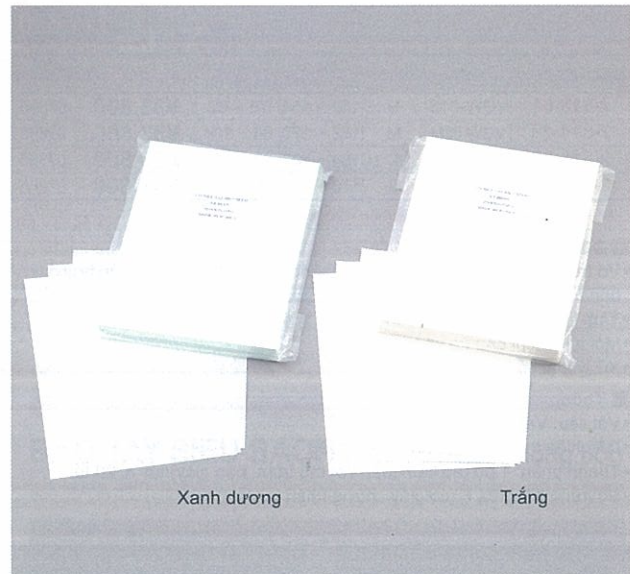
■ **Đặc điểm**

- Được đóng gói trong môi trường phòng sạch Loại 10.
- Cấu trúc sợi polyester 2 lớp cho khả năng hấp thụ nước vượt trội.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Polyester
- Kích thước: 9 x 9 inches
- Tiêu chuẩn loại: Loại 100
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói chung)

GIẤY PHÒNG SẠCH



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Màu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4940-01	A4	Xanh dương	1 thùng (250 chiếc/hộp x 10 hộp)	¥19,600	07750
2-4940-02		Trắng		¥19,600	07750

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (250 chiếc/hộp x 10 hộp)

■ **Đặc điểm**

- Giấy không bụi có thể tái chế.
- Thích hợp cho cả việc viết tay và in bằng máy in.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Cellulose và nhựa polymer tan trong nước
- Mật độ: 72 g/m²
- Đáp ứng loại 100 (dấu hiệu thô)
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói chung)

Góc thông tin sản phẩm

So sánh các phương pháp khử trùng

	Khử trùng bằng tia Y	Khử trùng bằng chùm tia điện tử	Khử trùng bằng EOG
Nguyên tắc	Chiếu xạ tia Y làm hư hại mô sinh học (DNA, tế bào, v.v...).	Chùm tia điện tử làm hư hại mô sinh học (DNA, tế bào, v.v...).	EOG (khí ethylene oxide) alkyl hóa axit nucleic và protein bên trong cơ thể.
Ưu điểm	Phương pháp này không sử dụng khí hoặc hóa chất, loại bỏ nguy cơ về dư lượng.	Phương pháp này không sử dụng khí hoặc hóa chất, loại bỏ nguy cơ về dư lượng. So với khử trùng bằng tia Y, thiết bị cần thiết cho phương pháp này nhỏ gọn hơn rất nhiều. (Công ty có thể có thiết bị chiếu xạ riêng.)	Loại khử trùng này có thể được thực hiện ở nhiệt độ thấp, phù hợp với vật liệu nhạy cảm với nhiệt độ và độ ẩm cao.
Khuyết điểm	Việc chiếu xạ tia Y cần có thiết bị lớn (Có khoảng 10 thiết bị như vậy tại Nhật Bản.) Có nguy cơ suy giảm tính chất, đổi màu và tạo mùi, tùy thuộc vào lượng chiếu xạ và loại vật thể được khử trùng.	Lượng chiếu xạ tối đa ở mỗi hoạt động nhỏ hơn so với phương pháp chiếu tia gamma. Có nguy cơ suy giảm tính chất, đổi màu và tạo mùi, tùy thuộc vào lượng chiếu xạ và loại vật thể được khử trùng.	Vì khí này rất độc, nên bất kỳ lượng khí nào còn sót lại cũng có thể có ảnh hưởng xấu đến cơ thể. Khi tiếp xúc với vật được khử trùng, khí này có thể kích hoạt phản ứng hóa học và tạo ra hợp chất thứ cấp.

Không bột
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để các bề mặt không bị dính vào nhau.

Bảo vệ chống tĩnh điện
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

BÌNH CHỨA VÔ TRÙNG

Ngăn rò rỉ nước không cần nút chặn!



- **Đặc điểm (chung)**
- Ngăn rò rỉ nước không cần nút chặn.
 - Có thể tiết kiệm thời gian và công sức tháo nút chặn.
 - Vượt trội trong việc chống hóa chất.

LỌ CÓ NÚT VẶN



Sử dụng bao bì sạch

Wakayama CIC áp dụng công nghệ làm sạch tiên tiến để cung cấp các sản phẩm bao bì trong phòng sạch.

Thiết bị và vật tư tiêu hao dùng để sản xuất hoặc kiểm soát chất lượng chủ trọng vào bao bì sạch bằng công nghệ CIC (làm sạch bằng nước tinh khiết) và SCC (tẩy rửa bề mặt). Hãy liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin.

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VÔ TRÙNG

Bao tay - Khẩu trang - Quần áo

Khăn lau - Sổ tay - Đồ chứa

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

Vô trùng bằng tia Y (1 chiếc)

Mã số đặt hàng	Thông số kỹ thuật	Kiểu	thụ gom bụi (m ²)	JPY	Số tham chiếu
5-001-31	Hẹp	ST50m ²	50	¥130	07860
5-001-32		ST100m ²	100	¥140	07860
5-001-33		ST250m ²	250	¥190	07860
5-001-34		ST500m ²	500	¥310	07860
5-002-31	Rộng	ST50m ²	50	¥130	07860
5-002-32		ST100m ²	100	¥140	07860
5-002-33		ST250m ²	250	¥200	07860
5-002-34		ST500m ²	500	¥320	07860

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □ Số lượng trong thùng: -31/200 chiếc, -32/150 chiếc, 5-001-33/100 chiếc, 5-002-33/70 chiếc, -34/25 chiếc

※Hãy đảm bảo trước rằng chất lỏng có thể bị thấm vào từ phía miệng tùy thuộc vào loại chất lỏng.

Vô trùng bằng tia Y + đóng gói sạch (Hộp)

Mã số đặt hàng	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Dung tích (m ³)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
7-2101-31	100m ² -ST	Hẹp	100	1 thùng (5 chiếc/ hộp x 2 hộp)	¥3,200	07860
7-2101-32	250m ² -ST		250		¥4,200	07860
7-2101-33	500m ² -ST		500	1 thùng (2 chiếc/ hộp x 5 hộp)	¥6,050	07860
7-2102-31	100m ² -ST	Rộng	100	1 thùng (5 chiếc/ hộp x 2 hộp)	¥3,300	07860
7-2102-32	250m ² -ST		250		¥4,300	07860
7-2102-33	500m ² -ST		500	1 thùng (2 chiếc/ hộp x 5 hộp)	¥6,300	07860

MOQ (Đơn vị): -31-32/1 thùng (5 chiếc/ hộp x 2 hộp), -33/1 thùng (2 chiếc/ hộp x 5 hộp)
Số lượng trong thùng: 7-2101-31/40 thùng, 7-2101-32/15 thùng, -33/6 thùng

※Hãy đảm bảo trước rằng chất lỏng có thể bị thấm vào từ phía miệng tùy thuộc vào loại chất lỏng.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Thân, Nắp/PP (polypropylene)
- Đã thông qua kiểm tra rò rỉ nước
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói chung)

■ Bảng kích cỡ (Đơn vị: mm)

Dung tích	A (Hẹp/Rộng)	B (Hẹp/Rộng)	C (Hẹp/Rộng)	D (Hẹp/Rộng)	E (Hẹp/Rộng)	F (Hẹp/Rộng)
50m ²	76/77	16/20	56/55	40/40	11/25	26/40
100m ²	100/98	20/20	76/76	47/47	16/25	33/40
250m ²	133/130	20/22	109/106	62/62	16/32	33/50
500m ²	167/162	22/22	141/138	76/76	20/42	40/61

Mã số đặt hàng	Kiểu	Dung tích (m ³)	Đường kính thân x Chiều cao x ID, Miệng (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
7-2110-34	No.2-ST	6	φ18 x 40 x φ10	1 thùng (20 chiếc/ hộp x 5 hộp)	¥13,000	07850
7-2110-35	No.3-ST	9	φ21 x 45 x φ10		¥14,000	07850
7-2110-37	No.5-ST	20	φ27 x 55 x φ14,5		¥ 9,900	07850
7-2110-38	No.6-ST	30	φ30 x 65 x φ14,5	1 thùng (10 chiếc/ hộp x 5 hộp)	¥12,000	07850
7-2110-39	No.7-ST	50	φ35 x 78 x φ20		¥14,000	07860
7-2110-40	No.8-ST	110	φ40 x 120 x φ20		¥19,800	07860

MOQ (Đơn vị): -34-35/1 thùng (20 chiếc/ hộp x 5 hộp), -37~40/1 thùng (10 chiếc/ hộp x 5 hộp)
Số lượng trong thùng: -34/20 thùng, -38/8 thùng

※Bức xạ tia Y có thể gây ra mùi và thay đổi về màu và đặc điểm vật liệu.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Thân/Thủy tinh Borosilicate, Nắp/PP (polypropylene)
- Vô trùng bằng tia Y (đóng gói chung)



100 Đáp ứng loại 100
Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường phòng sạch.

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TỈNH ĐIỆN (ESD)

VÒNG ĐEO TAY ASPURE II (có dây)



Ví dụ sử dụng

- Gắn dây đeo này vào cổ chân để loại bỏ tĩnh điện từ mặt đất.
- Vì dây đeo không được gắn vào tay bạn nên không cản trở không gian làm việc của bạn.



Mỗi chiếc ¥550

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại đai	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4277-72	WS101	Polyester	1 thùng (10 chiếc)	¥5,500	07960

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc) Số lượng trong thùng: 20 thùng

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài dây: 3m
- Vật liệu đai: Polyester chứa sợi dẫn điện

VÒNG ĐEO TAY ASPURE II (có dây)



Mỗi chiếc ¥900

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại đai	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4265-71	WS106	Inox	1 thùng (10 chiếc)	¥9,000	07960

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài dây: 3m
- Vật liệu đai: Inox (SUS304)

VÒNG ĐEO TAY ASPURE

Phù hợp với người bị dị ứng kim loại



CWS-109-6 Mỗi chiếc ¥1,288

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài dây (m)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2155-01	CWS-109-6	khoảng 1,8	1 thùng (5 chiếc)	¥6,440	07950
2-2155-02	CWS-109-10	khoảng 3	1 thùng (5 chiếc)	¥7,000	07950

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

Đặc điểm

- Kim loại không được sử dụng khi tiếp xúc với da.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu đai: Polyester chứa sợi dẫn điện
- Kích thước đai: khoảng 20 x 200mm

VÒNG ĐEO TAY ASPURE (có dây)

Được trang bị đai cao su silicon phù hợp với phòng sạch cần bảo vệ chống bụi



ML-700GM-B5 Xanh lá cây

ML-700BM-L5 Xanh dương

Mỗi chiếc ¥1,100~

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4275-51	ML-700GM-B5 Xanh lá cây	1 thùng (10 chiếc)	¥11,000	07950
1-4275-52	ML-700BM-L5 Xanh dương	1 thùng (10 chiếc)	¥11,000	07950
1-4276-52	ML-700BM-L11 Xanh dương	1 thùng (10 chiếc)	¥11,400	07950

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài dây: B5, L5/khoảng 1,8m, L11/khoảng 3m

VÒNG ĐEO TAY

Được trang bị đai cao su có chứa sợi dẫn điện



BHO-01M-L5 Mỗi chiếc ¥1,840

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4272-51	BHO-01M-L5	1 thùng (5 chiếc)	¥9,200	08050
1-4272-52	BHO-01M-L11	1 thùng (5 chiếc)	¥9,500	08050

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài dây: L5/khoảng 1,8m, L11/3m

VÒNG ĐEO TAY

Được trang bị đai cao su có chứa sợi dẫn điện



ML-301A-L5C Mỗi chiếc ¥2,590

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4269-51	ML-301A-L5C	1 thùng (5 chiếc)	¥12,950	08050
1-4269-52	ML-301A-L11C	1 thùng (5 chiếc)	¥13,300	08050

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Chiều dài dây: L5C/khoảng 1,8m, L11C/khoảng 3m

VÒNG ĐEO TAY

Được trang bị đai inox để loại bỏ bụi



Mỗi chiếc ¥3,340

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4270-51	ML-300AMM-L5C	1 thùng (5 chiếc)	¥16,700	08050
1-4270-52	ML-300AMS-L5C	1 thùng (5 chiếc)	¥16,700	08050

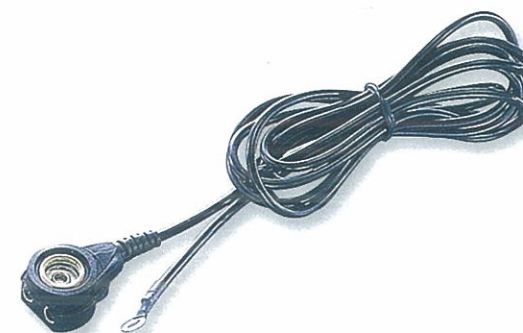
MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Kích thước đai: 300AMM/14cm, 300AMS/12,5cm
- Chiều dài dây: khoảng 1,8m

DÂY NỐI ĐẤT CÓ CỔNG KẾT NỐI

Có khả năng nối đất hai vòng đeo tay



Mỗi chiếc ¥1,040

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4284-51	S-2	1 thùng (10 chiếc)	¥10,400	08050

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

Thông số kỹ thuật

- Đường kính dây: 3,0mm
- Chiều dài dây: khoảng 1,8m

Góc thông tin sản phẩm

Cơ chế tĩnh điện

Tĩnh điện là một hiện tượng bình thường và thường xuyên xảy ra, dù hầu như không bao giờ phát hiện điện tích tĩnh điện yếu từ 1kV trở xuống. Tuy nhiên, việc tích tĩnh điện hoàn toàn không được nhân viên tại nơi sản xuất chú ý thường có thể gây tổn hại đến chất lượng sản phẩm hoặc cản trở quá trình làm việc. Tĩnh điện thường xuyên gây ra nhiều vấn đề không mong muốn bao gồm thiệt hại hỏng tĩnh điện đối với linh kiện điện tử, lỗi in ấn hoặc lớp phủ, trực tiếp thiết bị đo, hoặc ô nhiễm vật liệu lạ.

Tầm an khả năng tích điện đối với cơ thể con người	Cường độ điện giật
1,0kV	Không cảm nhận được chút nào
2,0kV	Điện giật không đau trên bề mặt ngón tay
5,0kV	Đau nhức
8,0kV	Khu vực bị té liệt giữa lòng bàn tay và cẳng tay
10,0kV	Đau và cảm nhận được dòng điện ở toàn bộ bàn tay
12,0kV	Cảm thấy đau nhức nặng nề ở toàn bộ bàn tay



BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGỒN

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRUNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD)

Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân
Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện
Thảm/Tấm chống tĩnh điện
Thiết bị khử tĩnh điện - Thiết bị đo lường
Băng keo
Dụng cụ - Phụ kiện

Góc thông tin sản phẩm

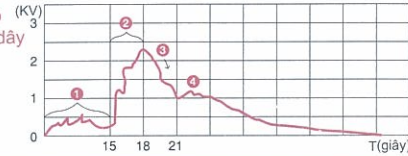
Khắc phục giới hạn ở nơi làm việc bằng dây đeo không dây!

1. Vòng đeo tay không dây

- Các vòng đeo tay này loại bỏ tĩnh điện bằng truyền dẫn hiệu điện thế dựa trên nguyên tắc vật lý liên quan đến hiệu ứng phóng điện hoa và phóng điện ở đầu. (Các vòng đeo này không phù hợp với việc loại bỏ tĩnh điện tạm thời.)

■ Hiệu suất loại bỏ tĩnh điện không dây

- ① Tạo ra tĩnh điện
- ② Khu vực nạp điện
- ③ Tích tụ tĩnh điện
- ④ Phóng điện



2. Dây đeo gót chân

- Các dây đeo gót chân này tăng cường hiệu quả chống tĩnh điện bằng cách nối đất chân của bạn trực tiếp với mặt đất.
- Nếu sàn nhà được bảo vệ chống tĩnh điện, dây đeo gắn vào chân của bạn sẽ giúp bạn nối đất và không giới hạn chuyển động của bạn như với vòng đeo tay có dây.

Sử dụng dây đeo gót chân kết hợp với vòng đeo tay không dây độc lập sẽ tăng cường hiệu quả chống tĩnh điện.

VÒNG ĐEO TAY (Loại không dây)

Dây đeo không dây phù hợp với công việc đứng hoặc công việc đòi hỏi nhiều chuyển động



Mỗi chiếc ¥1,580

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4266-51	ML-301C1	1 thùng (5 chiếc)	¥7,900	08150

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu đai: Đai cao su có sợi dẫn điện
- Kích thước: 28 × 40 × 14mm
- Trọng lượng: khoảng 20 g

VÒNG ĐEO TAY (Loại không dây)

Dây đeo không dây phù hợp với công việc đứng hoặc công việc đòi hỏi nhiều chuyển động



Mỗi chiếc ¥1,660

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4268-51	ML-33C1-SL	1 thùng (5 chiếc)	¥8,300	08150

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu đai: Cao su Silicon
- Kích thước: 26 × 35 × 13mm
- Trọng lượng: khoảng 16 g

VÒNG ĐEO TAY (Loại không dây)

Dây đeo không dây phù hợp với công việc đứng hoặc công việc đòi hỏi nhiều chuyển động



Mỗi chiếc ¥2,900

Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4267-51	ML-300M	1 thùng (5 chiếc)	¥14,500	08150

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu đai: Inox
- Kích cỡ: 28 × 40 × 14mm
- Kích thước đai: 14cm
- Trọng lượng: khoảng 38 g

DÂY ĐEO CỔ CHÂN ASPURE



Phương pháp sử dụng
※ Gắn dây đeo trực tiếp lên da trên cổ chân của bạn.

CAS-208-256
Mỗi chiếc ¥1,104

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều rộng × chiều dài (mm)	Chiều dài mã (m)	JPY	Số tham chiếu
2-2153-01	CAS-208-256	20 × 250	khoảng 1,8	¥5,520	08260
2-2153-02	CAS-208-2510		khoảng 3	¥6,100	08260
2-2153-03	CAS-208-326	20 × 320	khoảng 1,8	¥5,850	08260
2-2153-04	CAS-208-3210		khoảng 3	¥6,440	08260

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (5 chiếc)

■ Đặc điểm

- Dây đeo được sử dụng làm đai cổ chân để đảm bảo chuyển động tay tự do.
- Chiều dài đai và cáp nối đất có thể được điều chỉnh theo đặc điểm của nơi làm việc.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu đai: Polyester có sợi dẫn điện
- Số lượng: 1 thùng (5 chiếc)

DÂY ĐEO GÓT CHÂN ASPURE (loại đế giày)



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	JPY	Số tham chiếu
2-2158-01	CFS-208S	S (22,5~24,5cm)	¥2,300	08260
2-2158-02	CFS-208M	M (25,0~27,0cm)	¥2,300	08260
2-2158-03	CFS-208L	L (27,5~29,5cm)	¥2,300	08260
2-2158-04	CFS-208LL	LL (30,0~32,0cm)	¥2,300	08260

□ MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

※ Gắn dây trực tiếp lên da của bạn như thể hiện trên hình.

■ Đặc điểm

- Toàn bộ bề mặt bao gồm lòng bàn chân được phủ bằng cao su dẫn điện, đảm bảo nối đất đúng cách để loại bỏ tĩnh điện.
- Dây đeo gót chân có thể dễ dàng gắn vào hoặc tháo ra bằng băng dán xé.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su dẫn điện, Polyester
- Số lượng: 1 chiếc

DÂY ĐEO GÓT CHÂN ASPURE II



Mỗi chiếc ¥570

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4278-71	FG101	Loại đeo gót chân	1 thùng (10 chiếc)	¥5,700	08260
1-4279-71	FG301	Loại đeo ngón chân		¥5,700	08260

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

※ Gắn dây trực tiếp lên da của bạn như thể hiện trên hình.

■ Đặc điểm

- Dây đeo này đảm bảo bảo vệ chống tĩnh điện mà không hạn chế chuyển động của bạn.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần uốn cong/PP (polypropylene), Phần gót chân/ cao su nitrile
- Có băng dính xé để điều chỉnh kích cỡ

BỘ DỤNG CỤ ESD ASPURE

Bộ dụng cụ cầm tay bạn có thể đem đến khu vực làm việc



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
2-2154-01	CSK-601	khoảng 600 × 610	¥5,520	08260

□ MOQ (Đơn vị): 1 bộ

■ Đặc điểm

- Thảm làm việc được trang bị túi dụng cụ.
- Gấp thảm lại để dễ mang theo.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thảm/PVC (nhựa vinyl chloride), Đai vòng đeo tay/cao su có sợi dẫn điện
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁸~10¹⁰Ω/□
- Chiều dài dây vòng đeo tay: khoảng 1,8m
- Chiều dài dây nối đất: khoảng 1,8m (đầu kẹp cá sấu)

■ Thành phần bộ dụng cụ

- Bảng tĩnh × 1
- Vòng đeo tay × 1
- Dây nối đất dành cho bàn × 1



Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.



Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường phòng sạch.



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/tất cả bao bì)
Đây là sản phẩm vô trùng



CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD) ● Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân

MÁY KIỂM TRA VÒNG ĐEO TAY ASPURE

Để dàng đo lường để kiểm tra trước khi làm việc



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
2-2139-01	HWT498	80 × 117 × 40	¥12,000	08360

□ MOQ (Đơn vị): 1 đơn vị

■ Đặc điểm

• Máy kiểm tra này cho phép bạn kiểm tra các kết nối của vòng đeo tay có dây.

■ Thông số kỹ thuật

- Xác định: THẤP/R<800kΩ, TỐT/800kΩ≤R≤9MΩ, CAO/R>9MΩ
- Nguồn cấp điện: Pin AAA × 2 (đi kèm để kiểm tra)
- Trọng lượng: 150 g (không bao gồm pin)
- Phụ kiện: Dây nối đất (2,5m)
- Có sẵn hiệu chuẩn



Ví dụ sử dụng

MÁY KIỂM TRA VÒNG ĐEO TAY

Máy kiểm tra vòng đeo tay 10 MΩ



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4290-01	MT100	71 × 28 × 90	¥35,600	08350

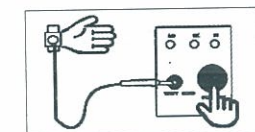
□ MOQ (Đơn vị): 1 đơn vị

■ Đặc điểm

- Máy kiểm tra này cho phép bạn dễ dàng kiểm tra độ dẫn điện của vòng đeo tay và dây nối đất.
- Máy kiểm tra sử dụng đèn LED và âm thanh để đánh giá điện trở suất ở ba mức độ.

■ Thông số kỹ thuật

- LO/ít hơn 800kΩ, OK/từ 800kΩ đến ít hơn 10MΩ, HI/10MΩ trở lên
- Trọng lượng: 145 g
- Nguồn cấp điện: Pin 006P (9V) × 1 cục (đi kèm để kiểm tra)
- Có sẵn hiệu chuẩn



Phương pháp sử dụng

MÁY KIỂM TRA VÒNG ĐEO TAY

Kiểm tra đơn giản về hiệu quả chống tĩnh điện



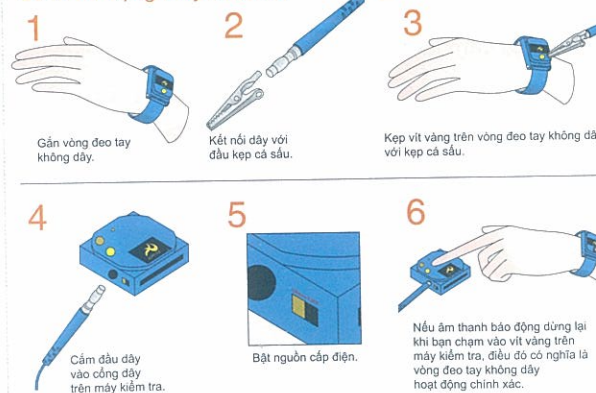
Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4289-01	MTL-70T	40 × 35 × 15	¥8,900	08350
1-4289-11	Mã kiểm tra	-	¥ 750	08350

□ MOQ (Đơn vị): -01/1 đơn vị, -11/1 chiếc

■ Đặc điểm

- Có kiểm tra vòng đeo tay không dây kết hợp với kiểm tra dây (được bán riêng).
- Âm thanh và đèn LED sẽ cho bạn biết vòng đeo tay có hoạt động hay không.

Cách sử dụng máy kiểm tra



■ Thông số kỹ thuật

- Trọng lượng: khoảng 25 g
- Pin: Pin LR-44 × 2 cục (đi kèm để kiểm tra)

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TÍNH ĐIỆN (ESD) ● Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện

BAO TAY CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE (Loại có viền cổ tay)

Bao tay PA (nylon) chống tĩnh điện



- Đặc điểm
- Viên trên cổ tay ép chặt để không bị sờn.
- Lớp phủ PU (polyurethane) chống trượt bền.
- Các vật liệu thoáng khí đảm bảo vừa khít, thoải mái khi sử dụng.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: chiếc/100% nylon (chứa sợi dẫn điện), Phần nhựa phủ/PU (polyurethane)
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁶⁻⁹Ω/□ (phần sợi)
- Màu (phần cổ tay): SS/vàng, S/trắng, M/xanh lá, L/xám, LL/nâu

Mua số lượng nhiều để tiết kiệm
Phủ đầu ngón Mỗi đôi
Phủ lòng bàn tay Mỗi đôi

Mã số đặt hàng	Loại		1-2285	1-2284	Số tham chiếu
	Kích cỡ	Số lượng	Phủ đầu ngón JPY	Phủ lòng bàn tay JPY	
-61	LL	1 thùng (10 đôi/hộp × 30 hộp)	¥85,050	¥93,150	08460
-62	L		¥85,050	¥93,150	08460
-63	M		¥85,050	¥93,150	08460
-64	S		¥85,050	¥93,150	08460
-65	SS		¥85,050	¥93,150	08460

□ MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 đôi/hộp × 30 hộp)

Phủ đầu ngón Mỗi đôi
Phủ lòng bàn tay Mỗi đôi

Mã số đặt hàng	Loại		1-2285	1-2284	Số tham chiếu
	Kích cỡ	Số lượng	Phủ đầu ngón JPY	Phủ lòng bàn tay JPY	
-11	LL	1 hộp (10 đôi)	¥ 3,150	¥ 3,450	08450
-12	L		¥ 3,150	¥ 3,450	08450
-13	M		¥ 3,150	¥ 3,450	08450
-14	S		¥ 3,150	¥ 3,450	08450
-15	SS		¥ 3,150	¥ 3,450	08450

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

BAO TAY PHỦ PU ASPURE



Mỗi đôi
¥305

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4297-01	S	1 hộp (10 đôi) *	¥3,050	08450
1-4297-02	M		¥3,050	08450
1-4297-03	L		¥3,050	08450
1-4297-04	LL		¥3,050	08450

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Lớp phủ polyurethane ở lòng bàn tay làm tăng độ bám chắc.
- Đan xen với sợi carbon làm giảm tĩnh điện.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Lòng bàn tay/Phủ PU, Mu bàn tay/Polyester sợi dài (đan xen với sợi carbon)
- Điện trở bề mặt: 10⁹⁻¹⁰Ω/□ (mu bàn tay)
- Màu (phần cổ tay): S/vàng, M/đỏ, L/xanh lá, XL/xanh dương

BAO TAY POLYESTER CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE



Mỗi đôi
¥185

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4295-01	S	1 hộp (10 đôi)	¥1,850	08450
1-4295-02	M		¥1,850	08450
1-4295-03	L		¥1,850	08450
1-4295-04	LL		¥1,850	08450

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 30 hộp

■ Đặc điểm

- Đan xen với sợi carbon làm giảm tĩnh điện.
- Thoải mái khi sử dụng với vật liệu thoáng khí.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Polyester sợi dài (đan xen với sợi carbon)
- Điện trở bề mặt: 10⁹⁻¹⁰Ω/□
- Màu (phần cổ tay): S/vàng, M/đỏ, L/xanh lá, XL/xanh dương

BAO TAY MICROFIBER ASPURE



Mỗi đôi
¥676

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7171-61	S	1 hộp (10 đôi)	¥6,760	08450
1-7171-62	M		¥6,760	08450
1-7171-63	L		¥6,760	08450

□ MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi) □ Số lượng trong thùng: 50 hộp

■ Đặc điểm

- Lớp vải ở lòng bàn tay được làm từ sợi siêu mịn và có thể dùng để lau chùi.
- Lớp vải ở phần mu bàn tay được làm từ sợi polyester đan xen với sợi carbon để giảm tĩnh điện.
- Loại bao tay có độ bền cao như thế này có thể rửa sạch và sử dụng lại nhiều lần.

■ Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần lòng bàn tay/sợi microfibre (polyester, nylon), Phần mu bàn tay/sợi filament bằng polyester (đan với carbon)
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁶⁻⁸Ω/□ (phần mu bàn tay)
- Màu (phần cổ tay): S/đỏ, M/nâu, L/xanh dương



CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD) ● Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện

BAO TAY PHÒNG SẠCH - BAO TAY NGÓN

TRANG PHỤC

TRANG PHỤC

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân

Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện

Thảm/Tấm chống tĩnh điện

Thiết bị khử tĩnh điện - Thiết bị đo lường

Băng keo

Dụng cụ - Phụ kiện

MÁY SẠCH BAO TAY NGÓN

Để dễ dàng vệ sinh bao tay ngón

BAO TAY NGÓN SẠCH - BAO TAY NGÓN

Độ chính xác.
Tàu ngón tay.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-2123-01	ANDL-3F	L	1 hộp (10 đôi)	¥1,150	08560
2-2123-02		M		¥1,150	08560
2-2123-03		S		¥1,150	08560

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 đôi) Số lượng trong thùng: 30 hộp

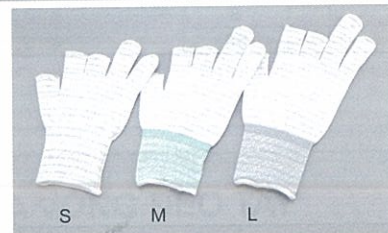
Đặc điểm

- Là loại bao tay nylon chống tĩnh điện.
- Có thể sử dụng làm lớp lót cho bao tay ngón và bao tay cao su latex.
- Phần cổ tay đã được xử lý gia công viên để tránh bị sờn.
- Thoải mái khi làm việc nhờ thiết kế vừa khít và thoáng khí.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: 100% PA (nylon) (dệt lẫn với sợi dẫn điện)
- Điện trở bề mặt: $10^9 \Omega/\square$ trở xuống (sợi)
- Màu (phần cổ tay): S/trắng, M/xanh lá, L/xám

Ví dụ sử dụng bao tay ngón (bán riêng)



BAO TAY NGÓN DẪN ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3924-61	S	1 thùng (1440 chiếc/hộp x 10 hộp)	¥57,000	08550
1-3924-62	M		¥57,000	08550
1-3924-63	L		¥57,000	08550
1-3924-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 6,900	08550
1-3924-02	M		¥ 6,900	08550
1-3924-03	L		¥ 6,900	08550

MOQ (Đơn vị): -61-63/1 thùng (1440 chiếc/hộp x 10 hộp), -01-03/1 hộp (1440 chiếc)
Số lượng trong thùng: -01-03/10p hộp

Đặc điểm

- Xử lý nhám đầu ngón tay giúp tạo lực cầm nắm tốt hơn.
- Tính năng dẫn điện nhờ có chứa carbon.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex (có chứa carbon)
- Điện trở bề mặt: $10^{6-8} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,10mm trở lên
- Chiều dài: khoảng 61mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN DẪN ĐIỆN ASPURE (Loại cắt)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3002-51	S	1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)	¥99,350	08550
1-3002-52	M		¥99,350	08550
1-3002-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 6,000	08550
1-3002-02	M		¥ 6,000	08550

MOQ (Đơn vị): -51-52/1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp), -01-02/1 hộp (1440 chiếc)
Số lượng trong thùng: -01-02/20 hộp

Đặc điểm

- Xử lý nhám đầu ngón tay giúp tạo lực cầm nắm tốt hơn.
- Tính năng dẫn điện nhờ có chứa carbon.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex (có chứa carbon)
- Điện trở bề mặt: $10^{6-8} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,10mm trở lên
- Chiều dài: 50±2mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD) ● Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện

BAO TAY NGÓN CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn)



Không bột

- Đặc điểm: Đầu ngón tay chống trượt nhám.
- Phù hợp với công việc liên quan đến tĩnh điện vì là loại chống tĩnh điện.

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-4942-51	S	1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)	¥47,000	08650
2-4942-52	M		¥47,000	08650
2-4942-53	L		¥47,000	08650
2-4942-01	S	1 hộp (1440 chiếc)	¥ 2,870	08650
2-4942-02	M		¥ 2,870	08650
2-4942-03	L		¥ 2,870	08650

MOQ (Đơn vị): -51~53/1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp), -01~03/1 hộp (1440 chiếc)
Số lượng trong thùng: -01~03/20 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,09mm trở lên
- I.D. : S/khoảng 15mm, M/khoảng 18mm, L/khoảng 21mm
- Chiều dài: khoảng 63mm±2mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Loại trơn)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-5111-81	S	1 thùng (1000 chiếc/hộp x 10 hộp)	¥23,000	08650
1-5110-82	M		¥23,000	08650
1-5110-81	L		¥23,000	08650
1-5110-83	LL		¥23,000	08650

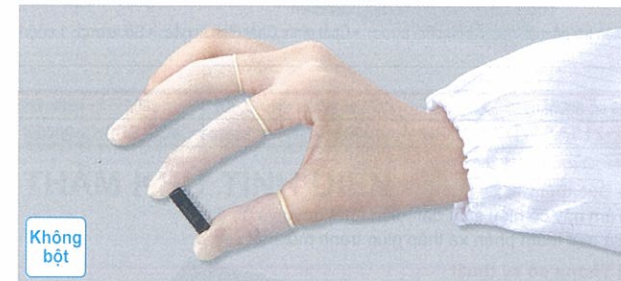
MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1000 chiếc/hộp x 10 hộp)

- Đặc điểm: Các bao tay ngón này không nhám, phù hợp với công việc đòi hỏi ma sát thấp.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su latex
- Chiều dài: khoảng 70mm
- Điện trở bề mặt: $10^{12} \Omega/\square$ trở xuống
- Chu vi: S/48,0mm, M/52,8mm, L/58,0mm, LL/63,0mm

BAO TAY NGÓN CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Loại cuộn - cầm nắm tốt)



Không bột

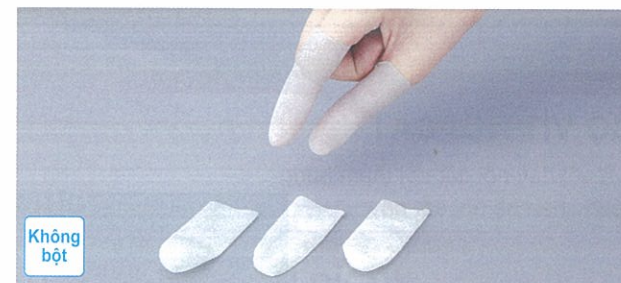
Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-2289-01	S	1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)	¥41,500	08650
1-2289-02	M		¥41,500	08650
1-2289-03	L		¥41,500	08650

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,09mm trở lên
- Chiều dài: 65mm±2mm
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE (Loại cắt - cầm nắm tốt)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3001-51	S	1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)	¥39,000	08650
1-3001-52	M		¥39,000	08650

MOQ (Đơn vị): 1 thùng (1440 chiếc/hộp x 20 hộp)

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,09mm trở lên
- Xử lý nhám đầu ngón tay

BAO TAY NGÓN ASPURE (Loại cắt - không có lưu huỳnh)



Không bột

Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3003-51	S	1 thùng (1000 chiếc/hộp x 20 hộp)	¥63,000	08650
1-3003-52	M		¥63,000	08650
1-3003-01	S	1 hộp (1000 chiếc)	¥ 3,680	08650
1-3003-02	M		¥ 3,680	08650

MOQ (Đơn vị): -51-52/1 thùng (1000 chiếc/hộp x 20 hộp), -01-02/1 hộp (1000 chiếc)
Số lượng trong thùng: -01-02/20 hộp

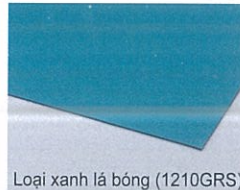
Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su tự nhiên (xử lý chống tĩnh điện)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{10-12} \Omega/\square$
- Độ dày: 0,12mm trở lên
- Không có lưu huỳnh
- Xử lý nhám đầu ngón tay

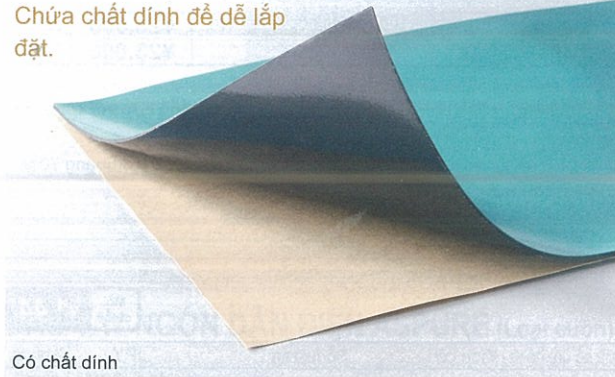


TẤM CHỐNG TÍNH ĐIỆN ASPURE

Được trang bị cao su khuếch tán tĩnh điện và cao su dẫn điện để giảm tĩnh điện



Chứa chất dính để dễ lắp đặt.



Có chất dính

Thảm dẫn điện

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng×Độ dày	Màu	JPY	Số tham chiếu
1-4255-01	1206GR	600mm×10m×2mm	Xanh lá	¥21,850	08760
1-4255-02	1206GL	10m×2mm	Xám	¥21,850	08760
1-4255-03	1209GR	900mm×10m×2mm	Xanh lá	¥31,600	08760
1-4255-04	1209GL	10m×2mm	Xám	¥31,600	08760
1-4255-05	1212GR	1200mm×10m×2mm	Xanh lá	¥43,100	08760
1-4255-06	1212GL	10m×2mm	Xám	¥43,100	08760
1-4255-07	1210GR	1000mm×10m×2mm	Xanh lá	¥34,300	08760
1-4255-08	1210GL		Xám	¥34,300	08760
1-4255-09	1210IV		Ngà	¥38,000	08760
1-4255-10	1210GRS		Xanh lá bóng	¥34,300	08760
1-4255-11	1210LG		Xanh lá nhạt	¥34,300	08760
1-4255-12	1210LGS		Xanh lá nhạt bóng	¥34,300	08760

□MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

- **Đặc điểm**
 - Phù hợp để lắp đặt vào bàn làm việc, kệ bảo vệ và thảm yêu cầu chống tĩnh điện.
 - Có thể làm giảm tích tĩnh điện cao cỡ 20.000 vôn đến mức an toàn trong vài giây.
 - Chịu được dầu, mỡ bôi trơn và dung môi chung.
 - Các cạnh khó cuộn lại.
 - Loại 1210GRS/LGS là thảm dẫn điện bóng.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Phía trước/Cao su nitrile khuếch tán tĩnh điện, Phía sau/cao su nitrile dẫn điện
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{8-9}\Omega/\square$ (phía trước), $10^{4-5}\Omega/\square$ (phía sau)
- Số lượng: 1 cuộn
- Có chất dính

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng×Độ dày	JPY	Số tham chiếu
3-1733-01	1210GR-A	1000mm×10m×2mm	¥43,700	08760

□MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

■ **Đặc điểm**

- Chất dính được sử dụng ở mặt sau, giảm khối lượng công việc cho ứng dụng.
- Tấm này phù hợp để lắp đặt vào bàn làm việc, kệ bảo vệ và các loại tương tự yêu cầu biện pháp chống tĩnh điện.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Phía trước/Cao su nitrile khuếch tán tĩnh điện, Phía sau/Cao su nitrile dẫn điện
- Điện trở bề mặt: $10^{8-9}\Omega/\square$ (phía trước) • Chất dính: Chất dính Acrylic • Số lượng: 1 cuộn

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng×Độ dày	JPY	Số tham chiếu
2-2157-01	1210GRH	1000mm×10m×2mm	¥37,950	08760

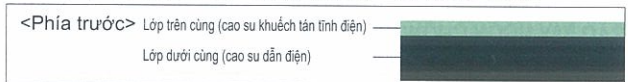
□MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

■ **Đặc điểm**

- Tấm này có hiệu suất dẫn điện nhất quán và ổn định.
- Bề mặt thảm phản xạ thấp giúp tránh mỏi mắt.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Phía trước/Cao su nitrile khuếch tán tĩnh điện, Phía sau: cao su nitrile dẫn điện
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^{6-7}\Omega$ (phía trước) • Số lượng: 1 cuộn



TẤM CHỐNG TÍNH ĐIỆN HIỆU SUẤT CAO ASPURE (Thảm dẫn điện)

Thảm dẫn điện với điện trở bề mặt giảm nhiều



DÂY NỐI ĐẤT DÀNH CHO THẢM LÓT SÀN

Dây nối đất dành cho thảm lót sàn



■ **Thông số kỹ thuật**

- Đường kính dây: 2,3mm
- Hình dạng kết nối cuối: Loại I/Tròn, Loại B/Giắc chuột

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài dây (m)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4285-51	UFO-06I	khoảng 1,8	1 thùng (10 chiếc)	¥11,000	08750
1-4285-52	UFO-10I	khoảng 3		¥12,700	08750
1-4285-53	UFO-15I	khoảng 4,5		¥13,800	08750
1-4285-54	UFO-06B	khoảng 1,8		¥11,400	08750
1-4285-55	UFO-10B	khoảng 3		¥11,300	08750
1-4285-56	UFO-15B	khoảng 4,5		¥15,000	08750

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

※Loại B có kẹp.

BỘ VÍT NỐI ĐẤT

Kết nối dây nối đất với thảm bằng cách chèn bộ nối đất này



Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4287-51	CCB-136AB	1 thùng (10 chiếc)	¥2,430	08750

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (10 chiếc)

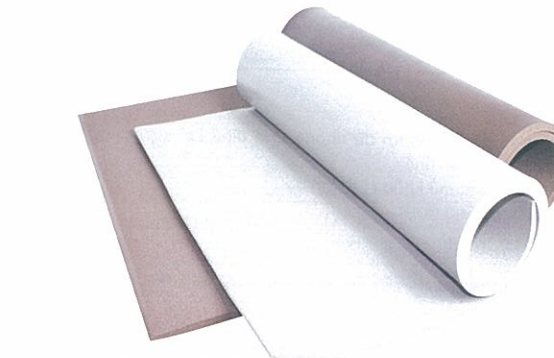
Đóng gói sạch Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước siêu tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt và ion.

Đóng gói sạch Ký hiệu đóng gói sạch

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

THẢM ĐỆM CUỘN ESD ASPURE



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng×Độ dày	JPY	Số tham chiếu
3-7376-01	Nâu	1000mm×10m×8mm	¥98,000	08860
3-7376-02	Xám		¥98,000	08860

□MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

■ **Đặc điểm**

- Đặc tính của lớp đệm lót tuyệt vời làm giảm căng chân khi đứng làm việc.
- Thảm loại con lăn phù hợp để sử dụng ở nhiều môi trường khác nhau.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: PVC (polyvinyl chloride) phân tán tĩnh điện
- Điện trở bề mặt: $\leq 10^{10}\Omega/\square$

THẢM GIẢM MỎI CHÂN PHÒNG SẠCH ESD ASPURE

Tạo sự thoải mái khi đứng làm việc ở phòng sạch.



Ví dụ sử dụng

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng×Độ dày (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-3929-01	600×900×10	¥20,000	08860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

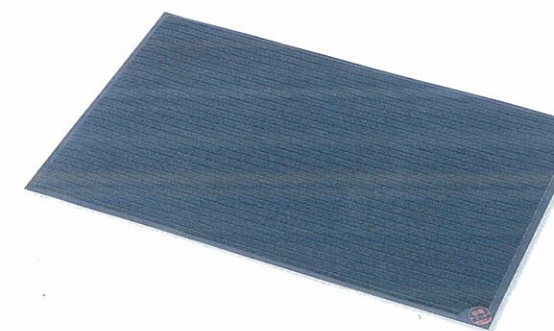
■ **Đặc điểm**

- Đặc tính của lớp đệm lót tuyệt vời sẽ làm giảm mỏi chân khi đứng làm việc.
- Các thảm này có hiệu suất chống tĩnh điện và tạo ra ít bụi hơn, dành riêng cho phòng sạch.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Phía trước/TPU (polyurethane nhiệt dẻo), Phía sau/PU (polyurethane)
- Điện trở bề mặt: $1,0 \times 10^9 \sim 1,0 \times 10^9 \Omega$

THẢM KHỬ TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-8743-11	491-0010	600×900	¥12,500	08860

□MOQ (Đơn vị): 1 chiếc □Số lượng trong thùng: 10 chiếc

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: Lông mịn/Polyester có sợi dẫn điện, Pucking/PVC (polyvinyl chloride) có sợi dẫn điện
- Điện trở bề mặt: $10^9\Omega$ trở xuống
- Số phê chuẩn chống cháy: E0110066

THẢM KHỬ TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
7-135-01	1 chiếc/300×300×10	1 thùng (9 chiếc)	¥18,800	08860

□MOQ (Đơn vị): 1 thùng (9 chiếc) □Số lượng trong thùng: 4 thùng

■ **Đặc điểm**

- Duy trì trạng thái sạch nhờ cấu trúc dễ rửa.
- Có thể sử dụng trong phòng sạch và buồng sạch nhờ bề mặt có lỗ hở.

■ **Thông số kỹ thuật**

- Vật liệu: PVC (polyvinyl chloride) dẫn điện
- Điện trở bề mặt: $1 \times 10^9\Omega$ trở xuống



BẢO TAY PHÒNG SẠCH - BẢO TAY NGON

TRANG PHỤC

KHĂN LAU

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRÙNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân

Bao tay - bao tay ngón chống tĩnh điện

Thảm/Tấm chống tĩnh điện

Thiết bị khử tĩnh điện - Thiết bị đo lường

Băng keo

Dụng cụ - Phụ kiện

THẨM LÓT BÀN CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE

Thảm chống tĩnh điện không tạo ra và tích tĩnh điện.



Ví dụ sử dụng



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
2-2159-01	CPM-S	555 × 292	¥2,700	08960
2-2159-02	CPM-L	595 × 480	¥3,450	08960

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Đặc điểm

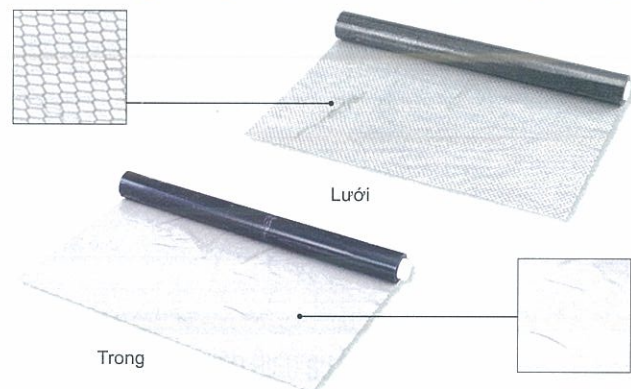
- Cung cấp biện pháp tiện lợi để chống tĩnh điện khi sử dụng máy tính hoặc trong không gian nhỏ.
- Bảo vệ PC hoặc vật thể không bị dính bụi.
- Được gia công chống trượt.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Cao su dẫn điện
- Điện trở bề mặt: Phía trước/10⁹ ~ 10¹¹Ω/□, Phía sau/10³ ~ 10⁶Ω/□
- Xử lý nhám đầu ngón tay • Độ dày: 3mm
- Màu: Phía trước/xám, Phía sau/đen
- Phụ kiện: Cáp nối đất (Chiều dài/khoảng 430 ~ 800mm)

TẤM PVC DẪN ĐIỆN ASPURE

Đối với vách ngăn đơn giản hoặc màn che ở khu vực chống tĩnh điện.



Mã số đặt hàng	Màu	Chiều dài × Chiều rộng × Độ dày	JPY	Số tham chiếu
1-5115-01	Lưới	1370mm × 30m × 0,3mm	¥33,200	08950
1-5115-02	Trong		¥51,800	08950

MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

Đặc điểm

- Lưới carbon được in trên tấm PVC (lưới).
- Chất chống tĩnh điện được phủ tấm PVC (trong).

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PVC (polyvinyl chloride)
- Số lượng: 1 cuộn

Điện trở bề mặt

	Phía trước	Phía sau
Lưới	<10 ⁹ Ω/□	10 ¹⁰ ~ 10 ¹¹ Ω/□
Trong		10 ⁹ ~ 10 ¹¹ Ω/□

THẨM LÓT SÀN PVC ASPURE

Làm giảm và loại bỏ tĩnh điện khỏi cơ thể của bạn.



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài × Chiều rộng × Độ dày	JPY	Số tham chiếu
1-7179-01	Họa tiết cảm thạch hơi xám	1000mm × 10m × 1,8mm	¥36,800	08960

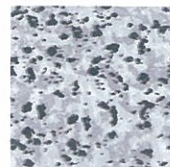
MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

Đặc điểm

- Thảm này phù hợp để phủ sàn trong quá trình làm việc yêu cầu bảo vệ chống tĩnh điện, ví dụ như sản xuất và lắp ráp chất bán dẫn và linh kiện điện tử.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phía trước/PVC (nhựa vinyl chloride), Phía sau/cao su nitrile dẫn điện
- Giá trị điện trở bề mặt: Lớp khuếch tán tĩnh điện/1,4 × 10⁸ ~ 10¹⁰Ω/□, Lớp dẫn điện/1,6 × 10⁴ ~ 10⁵Ω/□



Ảnh phóng to của họa tiết cảm thạch

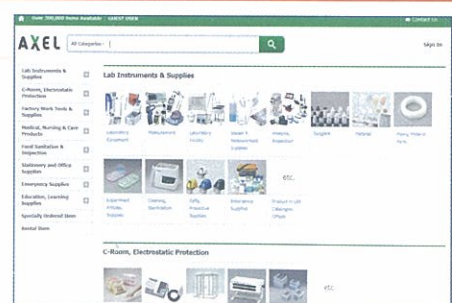
TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

Các tính năng chính

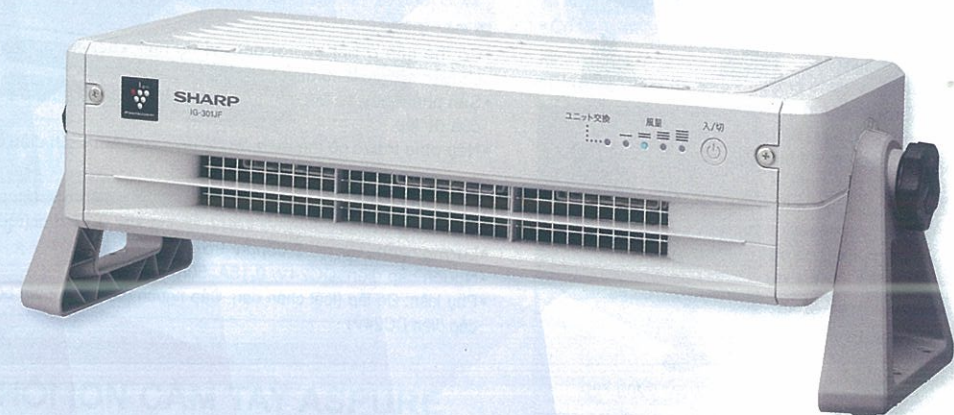
- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chung loại sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>



Máy tạo Plasmacluster Ion chống tĩnh điện (Máy tạo plasma cluster ion chống tĩnh điện)

Loại bỏ tĩnh điện chính xác cao trong không gian rộng



Đặc điểm

- Thiết bị này nhanh chóng loại bỏ tĩnh điện bằng cách đảm bảo cân bằng ion đặc biệt bằng hệ thống DC mạch song song.
- Sử dụng bộ cảm biến ion để phát hiện lượng ion. Lỗi được biểu thị bằng mẫu ánh sáng hoặc xuất ra thiết bị bên ngoài.
- Hướng thổi khí có thể được điều chỉnh quanh góc 360°.
- Thiết bị tạo plasma cluster ion có thể được thay thế mà không cần bất kỳ dụng cụ nào.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-3305-01	IG-301JF	452 × 156 × 142	¥98,000	09070
3-3305-11	IZ-JAC1	Bộ sạc AC	¥ 5,000	09070
3-3305-12	IZ-C301	Thiết bị tạo ion (để thay thế)	¥19,000	09070

MOQ (Đơn vị): 1 cuộn

※ Bộ sạc AC không được đính kèm ở mỗi phần thân.

※ Sản phẩm được liệt kê trong catalog này có thông số kỹ thuật nội địa của Nhật Bản.

Thông số kỹ thuật

- Phương pháp trung hòa: Hệ thống mạch DC song song
- Cân bằng ion: ±10V • Lưu lượng không khí: 0,7 - 2,9m³/min (chuyển mạch 4 bước)
- Tốc độ gió: 1,4 - 3,8m/s (chuyển mạch 4 giai đoạn)
- Nguồn cấp điện: DC24V 0,72A • Chiều dài dây nguồn: khoảng 1,8m
- Khối lượng: khoảng 1,9kg

Máy tạo Plasmacluster Ion chống tĩnh điện

Được trang bị bộ lọc loại bỏ bụi để đảm bảo loại bỏ tĩnh điện sạch



Đặc điểm

- Với quạt dựa trên công nghệ tự nhiên và bộ lọc loại bỏ bụi, thiết bị này giúp giảm bụi tích tụ và loại bỏ tĩnh điện nhanh chóng.
- Thiết bị được trang bị cơ chế đầu vào và đầu ra bên ngoài, cho phép bạn xuất ra báo động hoặc điều khiển hoạt động của thiết bị từ bên ngoài.
- Thiết bị có thể được gắn vào giá đỡ phù hợp với tiêu chuẩn VESA và được sử dụng tại địa điểm có không gian lắp đặt giới hạn.

Mã số đặt hàng	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-5417-01	IG-251JF	Thân	155 × 105 × 205	¥42,000	09070
3-3305-11	IZ-JAC1	Bộ sạc AC		¥ 5,000	09070
3-5417-11	IZ-C251J	Thiết bị tạo Plasmacluster ion để thay thế		¥13,000	09070
3-5417-12	IZ-F251J	Bộ lọc bụi thay thế (5 tấm)		¥ 3,600	09070

MOQ (Đơn vị): 1 đơn vị

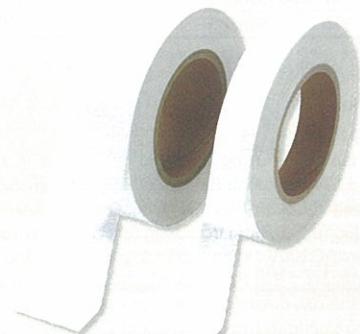
※ Sản phẩm được liệt kê trong catalog này có thông số kỹ thuật nội địa của Nhật Bản.

Thông số kỹ thuật

- Phương pháp trung hòa: Hệ thống mạch DC
- Cân bằng ion: ±5V (lắp đặt bộ lọc loại bỏ bụi/±10V)
- Lưu lượng không khí: 1,1 - 2,5m³/min (chuyển mạch 4 bước)
- Nguồn cấp điện: DC24V hoặc AC100V 50/60Hz (Bộ sạc AC được bán riêng)
- Trọng lượng: khoảng 1,0kg



BẢNG KEO HAI MẶT CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



Mua số lượng nhiều để tiết kiệm
10 cuộn băng keo 25mm Giá mỗi cuộn **¥2,750**

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7374-01	25mm×50mm	1 cuộn	¥ 3,000	09360
3-7374-02	50mm×50mm	1 cuộn	¥ 6,000	09360
3-7374-51	25mm×50mm	1 hộp (10 cuộn)	¥27,500	09360
3-7374-52	50mm×50mm	1 hộp (5 cuộn)	¥27,500	09360

MOQ (Đơn vị): -01/02/1 cuộn, -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn)
Số lượng trong thùng: -01/80 cuộn, -02/40 cuộn, -51/8 hộp, -52/20 hộp

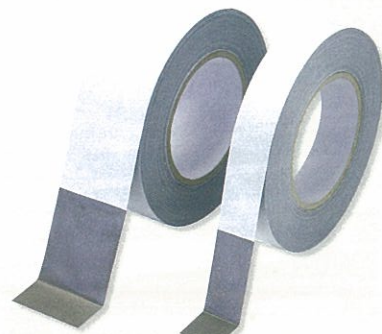
Đặc điểm

- Phù hợp với những nơi làm việc yêu cầu bảo vệ chống tĩnh điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/polyester, Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 55±2μm •Độ dính: 1300 ±100 g /25mm
- Điện trở bề mặt: ≤10⁹Ω/□

BẢNG KEO HAI MẶT DẪN ĐIỆN ASPURE



Mua số lượng nhiều để tiết kiệm
10 cuộn băng keo 25mm Giá mỗi cuộn **¥9,600**

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-7375-01	25mm×50mm	1 cuộn	¥10,000	09360
3-7375-02	50mm×50mm	1 cuộn	¥20,000	09360
3-7375-51	25mm×50mm	1 hộp (10 cuộn)	¥96,000	09360
3-7375-52	50mm×50mm	1 hộp (5 cuộn)	¥96,000	09360

MOQ (Đơn vị): -01/02/1 cuộn, -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn)
Số lượng trong thùng: -01/80 cuộn, -02/40 cuộn, -51/8 hộp, -52/20 hộp

Đặc điểm

- Phù hợp với những nơi làm việc yêu cầu bảo vệ chống tĩnh điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/vải không dệt, Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 50±5μm •Độ dính: 1100 ±100 g /25mm
- Điện trở bề mặt: ≤0,05Ω/cm

BẢNG DÍNH DÁN NỀN PET CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



Chiều rộng 50mm Mỗi cuộn **¥4,000**

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4807-※	25mm×33mm	1 hộp (10 cuộn)	¥20,000	09360
1-4808-※	50mm×33mm	1 hộp (5 cuộn)	¥20,000	09360

MOQ (Đơn vị): 1-4807-※/1 hộp (10 cuộn), 1-4808-※/1 hộp (5 cuộn)
Số lượng trong thùng: 6 hộp

※Không có logo ESD trên băng keo Vàng/Đen.
※Vui lòng xác định màu theo bảng mã màu lúc đặt hàng.

Đặc điểm

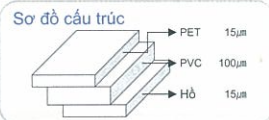
- Thích hợp với nơi cần biện pháp đối phó tĩnh điện trong phòng sạch và đòi hỏi độ bền.

Thông số kỹ thuật

- Độ dày: 130±5μm
- Vật liệu: Thân/PVC (polyvinyl chloride)
Phủ PET trên bề mặt, Lõi/PE (polyethylene)
- Điện trở bề mặt: Bề mặt băng keo/10×10⁵⁻⁶Ω/□,
Chất dính/1×10⁵⁻⁶Ω/□

Bảng mã màu

Mã	-51	-52	-53	-54	-55	-56
Màu	Vàng	Trắng	Đỏ	Xanh dương	Xanh lá	Vàng/Đen



BẢNG KEO ĐÁNH DẤU SÀN NHÀ EPA ESD



Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
2-9983-01	EPAAS50	50mm×33mm	1 cuộn	¥4,000	09350

MOQ (Đơn vị): 1 cuộn Số lượng trong thùng: 30 cuộn

Đặc điểm

- Thích hợp để nhận diện sàn nhà EPA (Khu vực bảo vệ chống tĩnh điện).

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Phủ PET bề mặt PVC (polyvinyl chloride), Lõi/PE (polyethylene)
- Độ dày: 142±5μm
- Giá trị điện trở bề mặt: Bề mặt băng keo/1×10⁶⁻⁸Ω/□,
Bề mặt bám dính/1×10⁷⁻⁸Ω/□

BẢNG KEO ESD ASPURE (Có logo)

Bảng keo ESD dành cho môi trường làm việc!



Chiều rộng 50mm Mỗi cuộn **¥2,660**

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7169-52	19mm×50mm	1 hộp (10 cuộn)	¥12,000	09450
1-7169-51	50mm×50mm	1 hộp (5 cuộn)	¥13,300	09450

MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (5 cuộn), -52/1 hộp (10 cuộn) Số lượng trong thùng: 10 hộp

Đặc điểm

- Có thể sử dụng làm băng keo đóng gói cho bề mặt dẫn điện và thiết bị bán dẫn.
- Sử dụng lõi nhựa.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PET
- Điện trở bề mặt: 10⁹Ω/□
- Độ dày: 50μm
- Lực dính: 600 g /25mm
- Màu: Bạc (có Lưới ESD, logo ESD)

BẢNG KEO ESD ASPURE (Trong suốt)



Chiều rộng 50mm Mỗi cuộn **¥2,040**

Mã số đặt hàng	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3934-51	19mm×50mm	1 hộp (10 cuộn)	¥ 7,500	09460
1-3934-52	50mm×50mm	1 hộp (5 cuộn)	¥10,200	09460

MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (10 cuộn), -52/1 hộp (5 cuộn) Số lượng trong thùng: 10 hộp

Đặc điểm

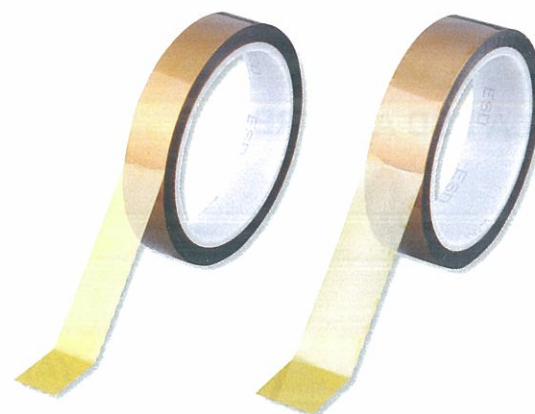
- Dễ cắt bằng tay.
- Không chỉ có thể sử dụng làm vỏ bọc phòng phẩm ở phòng sạch mà còn dùng làm băng keo đóng gói.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/Cellulose, Lõi/PE (polyethylene)
- Điện trở bề mặt: Bề mặt/1×10⁹⁻¹¹Ω/□,
Bề mặt bám dính/1×10¹⁰⁻¹¹Ω/□
- Độ dày: 50 (±0,5)μm



BẢNG KEO CHỊU NHIỆT ASPURE



Chiều rộng 25mm Mỗi cuộn **¥2,530**

Mã số đặt hàng	Kiểu	Chiều dài×Chiều rộng	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3022-51	CCT130AS (19mm)	19mm×33mm	1 hộp (14 cuộn)	¥28,500	09450
1-3022-52	CCT130AS (25mm)	25mm×33mm	1 hộp (10 cuộn)	¥25,300	09450

MOQ (Đơn vị): -51/1 hộp (14 cuộn), -52/1 hộp (10 cuộn) Số lượng trong thùng: 18 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Vật liệu nền/polyimide, Chất dính/silicon, Lõi/PE (polyethylene)
- Giá trị điện trở bề mặt: 10⁸Ω/□ trở xuống
- Độ dày: 65 (±6)μm
- Lực dính: 650 (±70)gf/25mm
- Nhiệt độ chịu nhiệt: 220°C (30sec)

Ứng dụng

- Để dùng cho mặt nạ trong quá trình hàn bằng in. để cách điện chịu nhiệt cho dụng cụ máy móc điện và điện tử. để bảo vệ chịu nhiệt, v.v...

Sử dụng bao bì sạch

Wakayama CIC áp dụng công nghệ làm sạch tiên tiến để cung cấp các sản phẩm bao bì trong phòng sạch.

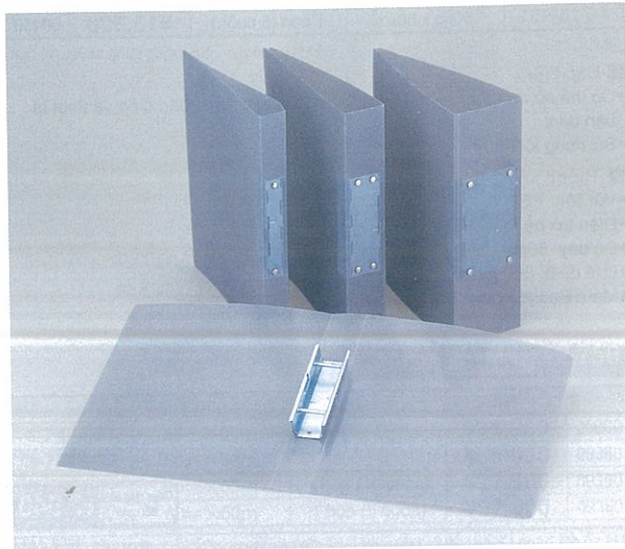
Thiết bị và vật tư tiêu hao dùng để sản xuất hoặc kiểm soát chất lượng chủ trọng vào bao bì sạch bằng công nghệ CIC (làm sạch bằng nước tinh khiết) và SCC (tẩy rửa bề mặt). Hãy liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin.





BÌA CÒNG ỐNG DẪN ĐIỆN ASPURE

Được thiết kế để lưu trữ tài liệu hoặc sơ đồ ở khu vực có bảo vệ chống tĩnh điện

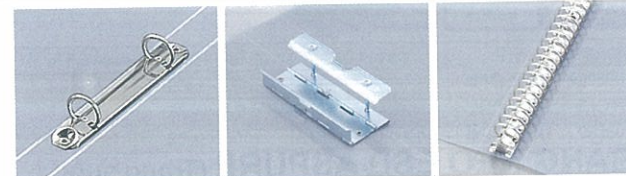


Mã số đặt hàng	Số lượng	Kích cỡ	Chiều rộng lưng (mm)	JPY	Số tham chiếu
1-4813-17	1 thùng (5 chiếc)	A4	25	¥ 2,650	09560
1-4813-13	1 thùng (10 chiếc)	A4	2 lỗ	¥ 3,400	09560
1-4813-18	1 thùng (5 chiếc)	A4	35	¥ 4,250	09560
1-4813-16	1 thùng (10 chiếc)	A4	30 lỗ	¥ 3,500	09560
1-4813-07	1 chiếc	A4	25	¥23,600	09560
1-4813-03	1 chiếc	A4	2 lỗ	¥30,000	09560
1-4813-08	1 chiếc	A4	35	¥19,000	09560
1-4813-06	1 chiếc	A4	30 lỗ	¥15,500	09560

MOQ (Đơn vị): -17-18/1 thùng (5 chiếc), -13-16/1 thùng (10 chiếc), -03-06-07-08/1 chiếc
Số lượng trong thùng: -13-17/10 thùng, -18/5 thùng, -06-07/10 chiếc, -08/12 chiếc

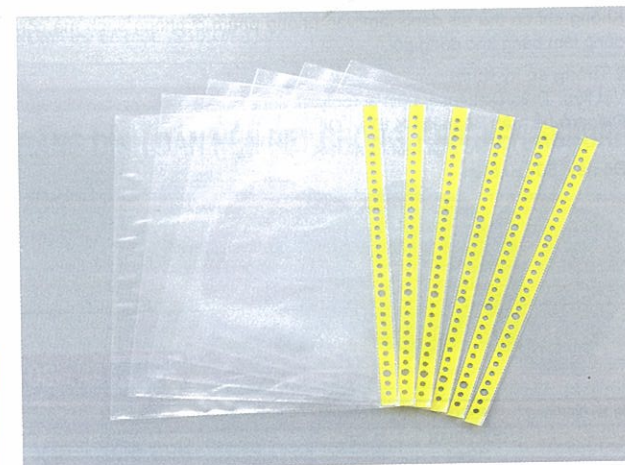
Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Bìa hồ sơ/PP (polypropylene), Dụng cụ cố định/Inox
- Điện trở bề mặt: $10^5 \sim 10^9 \Omega/\square$
- Độ dày tấm: 1,2mm



Vòng kẹp (vòng tròn, chiều rộng gáy: 25mm) Vòng kẹp (hai lỗ, chiều rộng gáy: 55mm) Vòng kẹp (30 lỗ)

BÌA LỖ TÍNH ĐIỆN ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Độ dày (μm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-3932-01	A4 (cho loại 30 lỗ)	70	1 hộp (100 chiếc)	¥5,200	09560

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (100 chiếc) Số lượng trong thùng: 25 hộp

※ Tác dụng chống tĩnh điện có thể bị vô hiệu hóa nếu làm sạch sản phẩm này bằng dung môi.

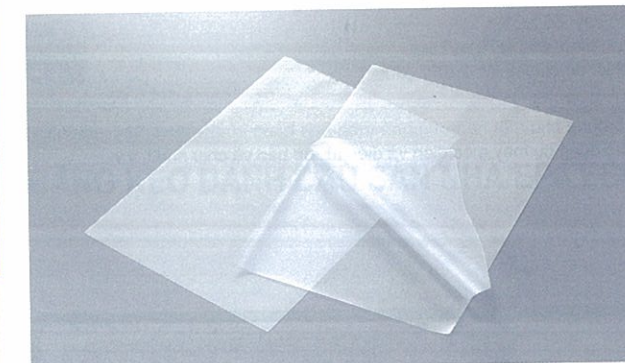
Đặc điểm

- Có thể sử dụng cho bìa còng ống dẫn điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Màng PP (polypropylene)
- Điện trở bề mặt: $10^9 \sim 10^{11} \Omega/\square$

MÀNG CÁN MỎNG TRONG ESD ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-7178-61	A4	1 hộp (100 chiếc)	¥12,650	09560
1-7178-62	A3		¥21,900	09560

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (100 chiếc) Số lượng trong thùng: 10 hộp

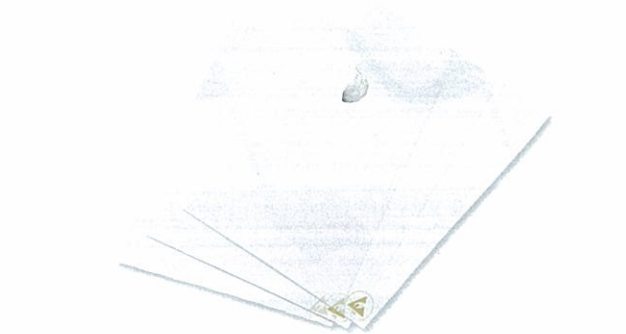
Đặc điểm

- Lớp phủ đặc biệt đảm bảo giữ nguyên điện trở bề mặt.
- Khả năng hiển thị cao cho phép bạn dễ dàng kiểm tra nội dung bên trong.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PET (polyethylene terephthalate) dẫn điện
- Độ dày: 100μm • Điện trở bề mặt: $\leq 10^5 \sim 10^9 \Omega/\square$

BÌA LÁ ESD ASPURE



Mã số đặt hàng	Kích cỡ	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4799-61	A4	1 hộp (10 chiếc)	¥2,300	09560

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) Số lượng trong thùng: 100 hộp

Đặc điểm

- Lau bằng IPA hoặc cồn sẽ không ảnh hưởng đến điện trở bề mặt.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PP (polypropylene) dẫn điện
- Điện trở bề mặt: $10^5 \sim 10^9 \Omega/\square$
- Màu: trong suốt



Bảo vệ chống tĩnh điện

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm có bảo vệ chống tĩnh điện.

BÌA KẸP HỒ SƠ ASPURE (Trong suốt)

Phù hợp để sử dụng trong phòng sạch



BÌA TRÌNH KÝ DẪN ĐIỆN ASPURE

Phù hợp để sử dụng ở khu vực có bảo vệ chống tĩnh điện



Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4756-11	CB-1	228 × 334	1 chiếc	¥4,550	09660

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 50 chiếc

Đặc điểm

- Bìa kẹp hồ sơ này được làm từ PP (polypropylene) có khả năng chống hóa chất cao.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: PP (polypropylene)
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^6 \sim 10^9 \Omega/\square$

BÚT BÌ ESD ASPURE

Cả thân và lõi đều có điện trở bề mặt thấp.



Lõi có thể thay thế

AP900
Mỗi chiếc ¥900

Mã số đặt hàng	Kiểu	Mực	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4818-01	AP900	Đen/đỏ	1 hộp (10 chiếc)	¥9,000	09650
1-4818-11	AP7 (Lõi có thể thay thế)	Đen		¥ 800	09650
1-4818-12		đỏ		¥ 800	09650
1-4818-13		Xanh dương		¥ 800	09650

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc) Số lượng trong thùng: -01/40 hộp, -11-13/10 hộp

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/đồng thau, Lõi giữa/Inox
- Loại nạp xoay
- Mạ đồng thau/crôm và đánh sọc hair-line
- Giá trị điện trở bề mặt: $10^2 \Omega/\square$ trở xuống

KHAY CẮM BÚT CHỐNG TÍNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6861-01	φ 75 × 105	¥2,800	09650

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $10^5 \sim 10^9 \Omega$



Ký hiệu đóng gói PIC

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm gói bằng bao bì chống bụi trong phòng sạch.



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.

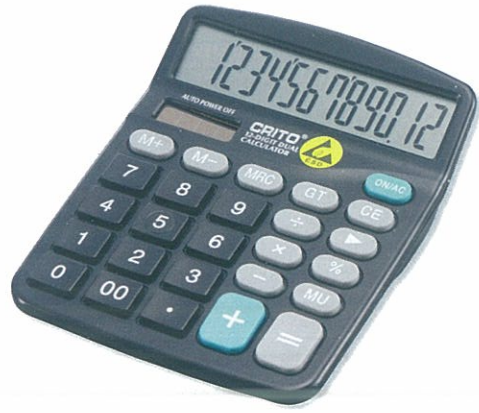


Không bột

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được xử lý bằng clo chứ không phải bột để



MÁY TÍNH ESD



Mã số đặt hàng	Kiểu	Số lượng chữ số	JPY	Số tham chiếu
3-3413-01	CF-211	12 chữ số	¥5,400	09760

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

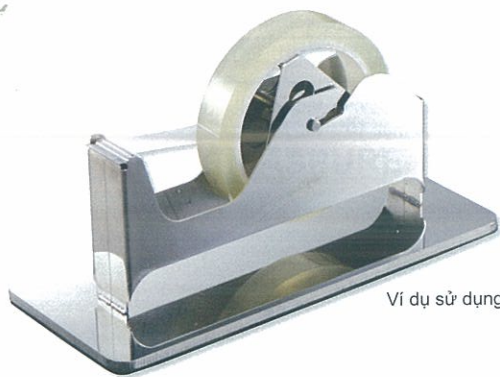
Đặc điểm

- Máy tính này được trang bị bảo vệ chống tĩnh điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $1 \times 10^{5-9} \Omega$
- Kích thước (mm): 120 × 143 × 50

DỤNG CỤ CẮT BĂNG KEO BẰNG INOX



Ví dụ sử dụng

Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
3-3373-01	CQ-507	¥17,000	09770

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Đặc điểm

- Dụng cụ cắt này được làm từ inox và có thể được sử dụng trong phòng sạch hoặc nơi làm việc yêu cầu bảo vệ khỏi ô nhiễm vật liệu lạ.
- Phần đế được trang bị đệm lót cao su an toàn để dụng cụ cắt không bị rơi.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Thân/inox (SUS304), Đế/NBR (cao su nitrile)
- Băng keo phù hợp: Chiều rộng/25mm, chiều rộng lõi/76mm

KÉO CHỐNG TĨNH ĐIỆN



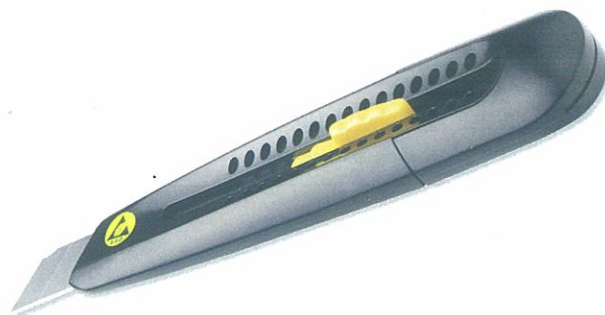
Mã số đặt hàng	Tổng chiều dài (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6856-01	180	¥2,500	09750

MOQ (Đơn vị): 1 đôi

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần nhựa/Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9} \Omega$

DAO RỌC GIẤY CHỐNG TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6855-01	20 × 140	¥2,000	09750

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần nhựa/Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9} \Omega$
- Kích thước lưỡi cắt: Chiều rộng 18 × chiều dài 100mm

BÀN PHÍM ESD



Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
2-9984-11	CF-213-1	¥13,700	09860

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Đặc điểm

- Bàn phím chống tĩnh điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $\leq 10^9 \Omega$
- Kích thước: 470 × 270 × 40mm, Dây cáp 1,3m
- Màu: đen

CHUỘT ESD



Mã số đặt hàng	Kiểu	JPY	Số tham chiếu
2-9985-11	CF-212-1	¥6,900	09860

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 40 chiếc

Đặc điểm

- Chuột chống tĩnh điện.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $\leq 10^9 \Omega$
- Kích thước: 120 × 60 × 35mm, Dây cáp 1,4m
- Trọng lượng: 100 g
- Màu: đen

MIẾNG LÓT CHUỘT CHỐNG TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6858-01	220 × 180	¥1,200	09850

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: TPU (polyurethane nhiệt dẻo)
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9} \Omega$

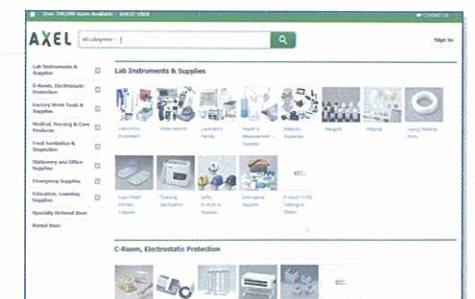
TRANG WEB AXEL GLOBAL

Trang web tìm kiếm chung của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ thiết bị và vật tư khoa học đến các nhà máy MRO.

Các tính năng chính

- Lọc kết quả tìm kiếm và tìm kiếm theo nhà sản xuất và hạng mục
- Tính năng tìm kiếm nhanh
- Chủng loại sản phẩm rộng và đa dạng (Hơn 1 triệu mặt hàng)
- Hiện thị các sản phẩm liên quan, bản vẽ sản phẩm và hướng dẫn sử dụng

URL <https://axel-gl.as-1.co.jp/>





BẢO TAY PHÒNG SẠCH - BẢO TAY NGỒN

TRANG PHỤC

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRUNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân
Bảo tay - bao tay ngón chống tĩnh điện
Thảm/Tấm chống tĩnh điện
Thiết bị khử tĩnh điện - Thiết bị đo lường
Băng keo
Dụng cụ - Phụ kiện

TUA VÍT CHỐNG TĨNH ĐIỆN ESD (Soft Finish®)



302ESDHK501

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Đỉnh vít#	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
3-5899-01	302ESDHK501	Bộ tua vít ESD (bộ 5 loại)			¥8,060	09970
3-5899-11	311ESDPH0	Tua vít đầu Phillips ESD	PH0	1 chiếc	¥1,480	09970
3-5899-12	311ESDPH1		PH1		¥1,800	09970
3-5899-13	311ESDPH2		PH2		¥2,390	09970
3-5899-14	302ESDS25	Tua vít đầu dẹp ESD	2,5	1 chiếc	¥1,150	09970
3-5899-15	302ESDS30		3		¥1,300	09970
3-5899-16	302ESDS40		4		¥1,500	09970
3-5899-17	302ESDS55		5,5		¥2,240	09970
3-5899-18	302ESDS65		6,5		¥2,600	09970

MOQ (Đơn vị): -01/1 bộ, -11~18/1 chiếc

Đặc điểm

- Tua vít này phóng tĩnh điện với tốc độ không đổi để bảo vệ thiết bị điện.

Thông số kỹ thuật

- Điện trở bề mặt: $10^{9-10}\Omega$
- Thành phần bộ dụng cụ: $\oplus$ 311ESD/PH0×60, PH1×80, PH2×100, $\ominus$ 302ESD/3,0×100, 4,0×100 (1 chiếc mỗi loại)

TUA VÍT CHÍNH XÁC CHỐNG TĨNH ĐIỆN ESD



273E

272E

Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	Đỉnh vít#	JPY	Số tham chiếu
3-5904-01	273E000	Tua vít chính xác đầu Phillips	000	¥1,880	09970
3-5904-02	273E00		00	¥1,380	09970
3-5904-03	273E0		0	¥1,100	09970
3-5904-04	273E1		1	¥1,290	09970
3-5905-01	272E15	Tua vít chính xác đầu dẹp	1,5	¥1,240	09970
3-5905-02	272E20		2,0	¥1,080	09970
3-5905-03	272E25		2,5	¥1,020	09970
3-5905-04	272E30		3,0	¥ 940	09970
3-5905-05	272E35		3,5	¥1,080	09970
3-5905-06	272E40		4,0	¥1,150	09970

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

※Dụng cụ này không dành để sử dụng ở trạng thái có điện.

Đặc điểm

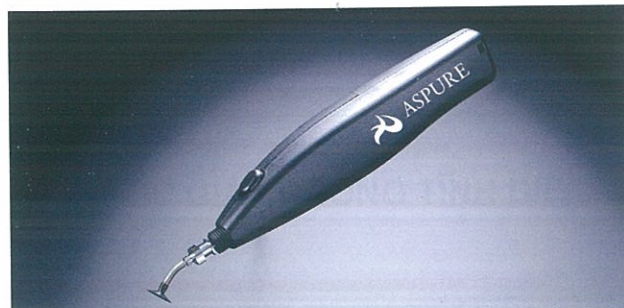
- Xoay nắp trên đầu tay cầm cho phép bạn dễ dàng vận vít.

Thông số kỹ thuật

- Điện trở bề mặt: $10^{9-10}\Omega$ (chống tĩnh điện)
- Tiêu chuẩn sản xuất: IEC 61340-5-1 (Tiêu chuẩn ESD)

BÚT HÚT CHÂN KHÔNG ASPURE

Bút hút pin có bơm hút tích hợp



Mã số đặt hàng	Kiểu	Loại	JPY	Số tham chiếu
2-2134-01	H394	Thân	¥14,800	09960
1-6404-02	A1198	Vòi phun uốn cong/φ 0,26mm	¥ 600	09960
1-6404-03	A1486	Vòi phun thẳng có nút chặn	¥ 600	09960
9-5007-12	A1166	Miếng đệm/φ 3mm	¥ 400	09960
1-6404-04	A1312	Miếng đệm/φ 5mm	¥ 400	09960
9-5007-13	A1167	Miếng đệm/φ 7mm	¥ 400	09960
9-5007-14	A1311	Miếng đệm/φ 10mm	¥ 400	09960

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc

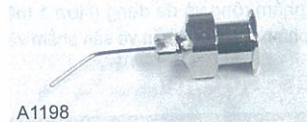
Đặc điểm

- Bút này có thể nhấc vật nặng đến 120 g (khi được trang bị miếng đệm φ 10mm).
- Các bút này có thể được sử dụng thoải mái cho hoạt động lâu dài như lắp ráp linh kiện điện tử.

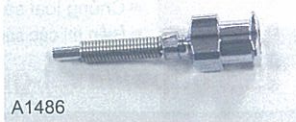
Thông số kỹ thuật

- Vật liệu miếng đệm: Cao su silicone dẫn điện
- Nguồn cấp điện: Pin AAA×2 (đi kèm để kiểm tra)
- Kích thước thân: 130×29×22mm
- Trọng lượng: 43 g (không bao gồm pin)

- Phụ kiện** • Vòi phun uốn cong (A1165, φ 1,1mm)×1 chiếc
- φ 5mm (A1312) Miếng đệm×1 chiếc
- φ 10mm (A1311) Miếng đệm×1 chiếc • Hộp đựng



A1198



A1486



Ký hiệu đóng gói tĩnh khiết

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm được làm sạch bằng nước tinh khiết trong phòng sạch để giảm thiểu việc nhiễm bẩn hạt.

BÀN CHẢI CHỐNG TĨNH ĐIỆN ASPURE



BB-512

BB-520

Mã số đặt hàng	Kiểu	Kích thước (mm)	Số lượng	JPY	Số tham chiếu
1-4292-51	BB-512	180×12×14	1 hộp (10 chiếc)	¥6,350	10050
1-4292-52	BB-520	230×22×22		¥9,300	10050

MOQ (Đơn vị): 1 hộp (10 chiếc)

Đặc điểm

- Bàn chải này làm giảm tĩnh điện và loại bỏ bụi hoặc các chất gây ô nhiễm tương tự một cách hiệu quả.
- Có thể giặt sạch bằng nước và sử dụng nhiều lần.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Phần tay cầm/nhựa, Phần chổi/nylon
- Giá trị điện trở bề mặt: Phần chổi/ $10^{9-10}\Omega/\square$, Phần tay cầm/ $10^4\Omega/\square$

BỘ CHỒI VÀ DỤNG CỤ HÓT RÁC CHỐNG TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước (mm)	JPY	Số tham chiếu
3-6461-01	300×310×780	¥16,400	10050

MOQ (Đơn vị): 1 bộ

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: nhựa ABS và nhôm
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega$

THÙNG CHỐNG TĨNH ĐIỆN



Mã số đặt hàng	Kích thước bên ngoài (mm)	thụ gom bụi (ℓ)	JPY	Số tham chiếu
3-6568-01	362×270×379	35	¥6,300	10050

MOQ (Đơn vị): 1 chiếc Số lượng trong thùng: 10 chiếc

Đặc điểm

- Thùng này có thể được sử dụng ở khu vực có bảo vệ ESD.

Thông số kỹ thuật

- Vật liệu: Nhựa ABS
- Điện trở bề mặt: $10^{5-9}\Omega/\square$
- Kích thước bên trong: Phần trên/345×235mm, Phần dưới/300×190mm, Chiều cao/375mm

Wakayama CIC

Hãy để chúng tôi giúp bạn tạo nên môi trường sạch sẽ

Cung cấp các thiết bị và vật tư tiêu hao phòng sạch được sử dụng để tạo ra môi trường sạch và các mục đích tương tự bằng công nghệ CIC (kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch) và SCC (kiểm soát ô nhiễm bề mặt).



Tiến trình dịch vụ

Đặt hàng sản phẩm
Yêu cầu dịch vụ làm sạch

CIC (Kiểm soát ô nhiễm trong phòng sạch)
SCC (Kiểm soát ô nhiễm bề mặt)

Giao hàng
bằng bao bì sạch



Đáp ứng loại 100

Ký hiệu này biểu thị các sản phẩm phù hợp để sử dụng trong môi trường loại 100.



Vô trùng bằng tia gamma (riêng biệt/tất cả bao bì)

Đây là sản phẩm vô trùng.

BẢO TAY PHÒNG SẠCH - BẢO TAY NGỒN

TRANG PHỤC

KHĂN Llau

DỤNG CỤ VỆ SINH

SẢN PHẨM PHÒNG SẠCH

SẢN PHẨM VỎ TRUNG

CÁC SẢN PHẨM CHỐNG TĨNH ĐIỆN (ESD)

Vòng đeo tay/Dây đeo gót chân
Bảo tay - bao tay ngón chống tĩnh điện
Thảm/Tấm chống tĩnh điện
Thiết bị khử tĩnh điện - Thiết bị đo lường
Băng keo
Dụng cụ - Phụ kiện

Bảng dữ liệu chống hóa chất

Tên vật liệu (ký hiệu) ^{※1}	Cao su					Nhựa								
	NR	IIR	NBR	U	SI	Nhựa nhiệt dẻo								
Tên hóa chất (khối lượng thể tích % - nhiệt độ °C)						PVC	PVA	PE	PET	PP	PA	PMMA	PTFE	PFA
Axit acetic (10 · RT)	△	△	△	×	○	○	-	○	○	○	×	×	○	○
Axit acetic (100 · RT)	×	×	×	×	○	×	-	△	△	△	×	×	○	○
Acetone	△	○	△	×	○	×	×	△	△	△	○	×	○	○
Acetylene	○	○	○	-	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Benzyl alcohol	○	○	×	-	-	×	-	○	-	-	-	-	○	-
Benzyl benzoate	○	○	×	-	-	○	-	-	-	-	-	-	○	-
Benzene (Benzol)	×	×	×	×	△	×	-	△	△	△	○	×	○	○
Butyl acetate	△	○	×	△	×	×	×	○	○	-	○	△	○	-
Butyl alcohol	○	○	○	×	○	×	-	○	○	-	○	△	○	-
Cyclohexane	×	×	○	○	×	×	×	×	○	△	○	×	○	○
Cyclohexanone	△	○	×	△	△	×	×	△	-	△	△	×	○	○
Dung dịch trắng phim (Hypos)	○	○	-	-	-	○	○	○	-	○	○	○	○	○
Dibenzyl ether	×	○	×	-	-	×	-	△	-	△	○	×	○	○
Dibutyl ether	-	○	△	-	-	×	-	×	○	△	○	×	○	-
Dibutyl phthalate	×	○	×	△	○	×	-	○	-	○	○	×	○	-
Dichlorobenzene	×	×	○	△	×	×	×	×	-	△	○	-	○	○
Diethyl ether	×	△	○	○	×	×	-	○	-	○	○	-	○	-
Diethylene glycol	○	○	○	×	○	×	-	○	-	○	○	-	○	-
Ethyl acetate	△	○	△	×	△	×	×	△	-	△	○	△	○	○
Ethyl acrylate	-	-	×	-	-	×	×	-	-	-	-	×	○	○
Ethyl alcohol	○	○	○	○	○	×	-	○	○	○	○	×	○	○
Ethyl benzene	×	×	×	-	×	×	×	×	△	△	-	×	○	○
Ethyl chloride	○	○	○	-	△	×	×	×	-	△	×	×	○	○
Ethylene oxide	-	△	×	-	△	×	-	-	-	-	-	×	○	○
Fluorobenzene	×	×	×	-	×	×	×	×	△	△	-	-	○	-
Formaldehyde (40 · RT)	○	○	○	×	-	○	-	○	○	○	○	○	○	○
Hexane	×	×	○	-	○	×	-	×	○	△	○	△	○	○
Axit clohydric	○	○	○	-	○	○	○	○	○	○	△	○	○	○
Axit clohydric	△	○	×	-	×	×	△	△	○	○	×	△	○	○
Axit flohydric	○	○	×	-	-	○	○	○	○	○	△	○	○	○
Axit flohydric	×	○	×	-	-	△	○	○	○	○	△	○	○	○
Hydrogen peroxide (※2 Chỉ có PET: nồng độ 5%)	×	○	×	-	○	○	-	○	○	○	△	△	○	○
Isobutyl alcohol	○	○	○	-	○	×	-	○	○	○	○	×	○	○
Isocetane	×	×	○	○	×	×	-	△	-	-	-	△	○	○
Isopropyl alcohol	○	○	○	-	○	×	-	○	○	○	○	×	○	○
Isopropyl ether	×	○	○	-	-	×	-	○	-	○	○	×	○	○
Methyl acetate	-	○	×	-	△	×	×	×	-	△	○	×	○	○
Methyl alcohol	○	○	○	○	○	×	-	○	○	○	△	×	○	○
Methyl chloride	×	△	×	-	×	×	×	×	-	△	×	×	○	○
Methyl ethyl ketone (MEK)	△	○	×	×	△	×	×	△	○	○	△	△	○	○
Axit nitric (10 · RT)	×	○	×	×	○	○	○	○	○	○	△	×	○	○
Axit nitric (61,3 · RT)	×	×	×	×	×	×	×	△	-	△	×	×	○	○
Axit sulfuric	○	○	○	×	-	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Axit sulfuric	○	○	○	×	○	×	△	○	-	○	△	△	○	○
Axit sulfurous	○	○	○	-	○	○	-	○	○	○	○	○	○	○
Toluene	×	×	△	△	×	×	-	△	△	△	○	△	○	○
Xylene	×	△	×	△	×	×	×	○	△	△	○	○	○	○

※1 NR: Cao su thiên nhiên, IIR: Cao su Butyl, NBR: Cao su Nitrile, U: Cao su Polyurethane, SI: Cao su Silicon, PVC: Polyvinyl Chloride, PVA: Polyvinyl Alcohol, PE: Polyethylene, PET: Polyethylene Terephthalate, PP: Polypropylene, PA: Nylon, PMMA: Polymethyl Methacrylate, PTFE-PFA: Fluororesin

■ Tính chống hóa chất vô cơ được quyết định chủ yếu bởi sự thay đổi hình thức vật mẫu, mức độ ô nhiễm chất lỏng, và sự thay đổi tính chất vật lý.

■ Theo quy định, tính chống dầu hữu cơ và dung môi được phân loại theo các ký hiệu sau đây bằng cách ngâm vật mẫu ở nhiệt độ phòng trong 48 giờ, đo tỷ lệ thay đổi trọng lượng.

○	Không có hoặc có ít hiệu quả	○	Có một số tác động, nhưng có thể chịu đựng đủ để được sử dụng theo điều kiện.	△	Tốt hơn là không sử dụng	×	Vì có ảnh hưởng lớn, nên không phù hợp để sử dụng.	-	Không có dữ liệu
---	------------------------------	---	---	---	--------------------------	---	--	---	------------------

■ Trừ khi có quy định khác, nồng độ của dung dịch nước là bão hòa và nhiệt độ là nhiệt độ phòng (RT).

■ Bảng này được trích dẫn từ từ điển polymer.

※ Bảng tính chất vật lý, bảng dữ liệu chống hóa chất và các giá trị số khác được liệt kê là giá trị dữ liệu thử nghiệm và không phải là giá trị được đảm bảo. Vui lòng đảm bảo đã điều tra kỹ và xác nhận khi sử dụng sản phẩm.

Sách hướng dẫn Catalog

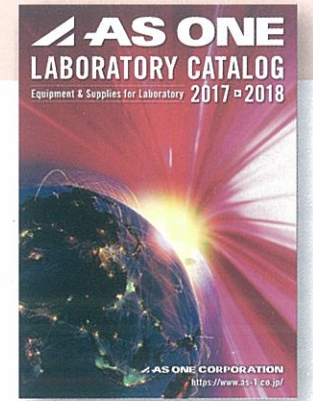
Catalog phòng thí nghiệm 2017

Số lượng bản in 194.000

Số trang 2.376

Số sản phẩm 49.315

Lĩnh vực thiết bị khoa học có thể được coi là xuất phát điểm của AS ONE. Vào đầu những năm 1960, chúng tôi là một trong những người đầu tiên tập trung vào triển vọng về dụng cụ phòng thí nghiệm bằng nhựa trong tương lai và tính hợp lý của việc bán catalog, và phát hành catalog về dụng cụ phòng thí nghiệm.



AXEL

TRANG WEB TOÀN CẦU

URL: <https://axel-gl.as-1.co.jp/>

Công cụ tìm kiếm toàn cầu của AS ONE cho phép bạn tìm kiếm mọi thứ từ dụng cụ nghiên cứu khoa học và vật tư tiêu hao đến nhà máy MRO.

Đặc điểm đặc biệt

1 > Có sẵn hơn 400.000 mặt hàng!

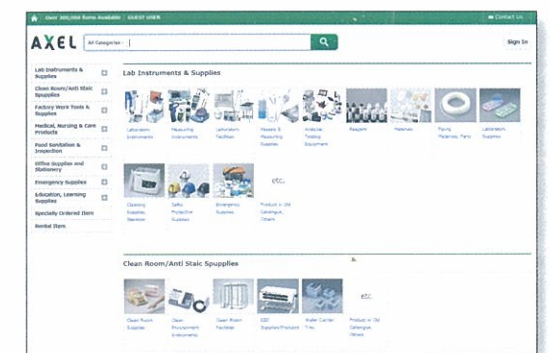
AXEL cung cấp hơn 1 triệu sản phẩm từ nhiều nhà sản xuất khác nhau!

2 > Công cụ tìm kiếm sáng tạo!

Công cụ tìm kiếm này cho phép bạn thu hẹp tìm kiếm của mình bằng cách chỉ định không chỉ nhà sản xuất hoặc nhãn hiệu, mà còn cả loại sản phẩm, phạm vi đo lường và đặc điểm sản phẩm cụ thể khác.

3 > Thông tin sản phẩm chi tiết!

Mô tả sản phẩm bao gồm hình ảnh cũng như video minh họa, bản vẽ và mọi thông tin cần thiết khác mà bạn cần để chọn sản phẩm.



AXEL

All Categories Order Number

Liên hệ với chúng tôi để nhận catalog này và hỗ trợ của chúng tôi. (địa chỉ liên hệ thay đổi theo vị trí của bạn)

NHẬT BẢN

<https://www.as-1.co.jp/en/faq/>



E-mail

TRUNG QUỐC

information@mail.as-1.cn

Các quốc gia khác

I7000-28@so.as-1.co.jp

Lưu ý

Catalog này dành để thúc đẩy doanh số bán hàng cho các nhà nghiên cứu nước ngoài tại Nhật Bản.

- Tất cả giá trong catalog này được áp dụng cho các đơn đặt hàng tại Nhật Bản (Ex-Works).
- Một số dịch vụ chỉ có tại Nhật Bản.
- Tất cả sản phẩm trong catalog này được thiết kế để sử dụng tại Nhật Bản.
- Hạn chế xuất khẩu có thể được áp dụng cho một số sản phẩm được liệt kê.

- Hình thức và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi do cải tiến mà không thông báo trước.
- Màu trên ảnh của sản phẩm trong catalog này có thể khác với sản phẩm thực tế.
- Nghiêm cấm in lại hoặc sao chép catalog này mà không có sự chấp thuận của chúng tôi.
- Giá trong catalog được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2018.
- Giá trong catalog chưa bao gồm thuế tiêu thụ.

- Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại nào do quá trình sản xuất hoặc hư hại khi sản phẩm được phân phối, vui lòng liên hệ với chúng tôi.
- Chúng tôi sẽ thay thế hoặc sửa chữa sản phẩm bị khiếu nại hoặc hư hại theo điều khoản bảo hành ※ của chúng tôi.
- Điều khoản bảo hành của chúng tôi không áp dụng cho bất kỳ hư hại hoặc hỏng hóc nào phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào khác ngoài các nguyên nhân trên hoặc do dùng sai.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và lưu ý về an toàn trước khi sử dụng.
- Tất cả hình ảnh, câu văn và nội dung khác trong catalog này thuộc bản quyền của AS ONE Corporation và người giữ quyền nội dung đó.

※ Điều khoản bảo hành trong catalog này đề cập đến bảo hành áp dụng cho sản phẩm được phân phối.

※ Bảo hành không áp dụng cho bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ khiếu nại hoặc hư hỏng của sản phẩm được phân phối.